



*Empowered lives.
Resilient nations.*

LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu “Khảo sát Luật sư chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam” do Văn phòng luật sư NHQuang & Cộng sự thực hiện trong khuôn khổ của Dự án “Tăng cường Năng lực Hội Luật Gia Việt Nam” do UNDP tài trợ. Nhóm Nghiên cứu của Văn phòng luật sư NHQuang & Cộng sự bao gồm các thành viên:

- Luật sư Nguyễn Hưng Quang – Trưởng nhóm
- Luật sư Phùng Quang Cường
- Luật sư Lương Hải Bình
- Luật sư Nguyễn Hoàng Bích Hải
- Luật sư Trần Thanh Huyền
- Luật sư Nguyễn Văn Thủy
- Luật sư Phạm Nguyên Anh
- Nghiên cứu viên Nhâm Thanh Huyền
- Nghiên cứu viên Phạm Thanh Luyến

Nhóm Nghiên cứu chân thành cảm ơn Trung Ương Hội Luật Gia Việt Nam, Ban Quản lý Dự án “Tăng cường Năng lực Hội Luật Gia Việt Nam” và các hội luật gia tại các tỉnh: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, An Giang, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Điện Biên, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Hà Tĩnh đã nhiệt tình hỗ trợ công tác nghiên cứu, đặc biệt khi thực hiện ở các địa phương và có những nhận xét quý báu đối với Báo cáo này đã giúp đỡ, tạo điều kiện để Nghiên cứu này được hoàn thành.

Nhóm Nghiên cứu chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Bà Nguyễn Kim Thanh – Phó Tổng Thư ký Hội Luật Gia Việt Nam, Bà Lê Nam Hương – Cán bộ Chương trình của UNDP, và Bà Nguyễn Thị Mai – Cán bộ Vụ Bổ trợ Tư pháp – Bộ Tư Pháp, Gs. Pip Nicholson – Trường Luật – Đại học Melbourne, Australia đã hỗ trợ nhiệt tình và đóng góp nhiều nhận xét, ý kiến quý báu để Nhóm Nghiên cứu hoàn thành được nghiên cứu này.

Chúng tôi ghi nhận sự hỗ trợ của Giáo sư Pip Nicholson và Khoản hỗ trợ DP1093372 của Hội đồng Nghiên cứu Australia (Australian Research Council) trong việc hoàn chỉnh bản tiếng Anh của Báo cáo.

Quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Liên Hiệp Quốc, trong đó có UNDP, hoặc thành viên Liên Hợp Quốc.

MỤC LỤC

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT	4
Một số định nghĩa	5
PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG	8
I. GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU.....	8
1. Sự cần thiết	8
2. Mục đích nghiên cứu	11
3. Phương pháp nghiên cứu.....	11
II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ LUẬT SƯ THAM GIA KHẢO SÁT	15
1. Thông tin chung.....	15
2. Giới tính	15
3. Khu vực.....	15
4. Thời gian hành nghề	16
5. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý.....	16
6. Kinh nghiệm tham gia các vụ án chỉ định	17
PHẦN 2.....	18
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BẢO CHỮA ĐỐI VỚI NHỮNG VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH VÀ XU HƯỚNG CẢI CÁCH.....	18
I. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA TRONG CÁC VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH	18
1. Giai đoạn Trước Bộ luật Tố tụng Hình sự Năm 2003.....	18
2. Giai đoạn sau khi ban hành Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003.....	20
II. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ VÀ CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ PHÁP LÝ	21
1. Vai trò của Luật sư	21
2. Vai trò Trợ giúp pháp lý	23
III. NHỮNG NGUỒN LỰC CÓ THỂ THỨC ĐẨY LUẬT SƯ THAM GIA BẢO CHỮA TRONG CÁC VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH.....	23
1. NGUỒN LỰC HIỆN TẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	23
2. NGUỒN LỰC ĐƯỢC “XÃ HỘI HÓA”	24
3. TIỂU KẾT	25
PHẦN 3.....	26
CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ	26
I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ HIỆN NAY	26
1. Khối lượng vụ án hình sự	26
2. Loại án được chỉ định bảo chữa hoặc do TGPL đề nghị được bảo chữa.....	28
3. Lý do để các luật sư tham gia bảo chữa tại các vụ án chỉ định.....	29
Tiểu kết	31
Tiểu kết	33
III. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI CỦA LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN TỐ TỤNG HÌNH SỰ	34
1. Giai đoạn điều tra.....	34
3. Giai đoạn xét xử.....	37
4. Thời gian tham gia hoạt động bảo chữa	38
5. Hỗ trợ của trại giam, trại tạm giam	38

6. Thái độ của bị can, bị cáo đối với luật sư tại vụ án chỉ định.....	40
7. Khả năng thuận lợi của luật sư tham gia vụ án chỉ định.....	41
Tiểu kết	46
IV. VAI TRÒ CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ, TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC TRONG VIỆC HỖ TRỢ CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ	47
1. Đoàn luật sư	47
2. Trung tâm trợ giúp pháp lý	49
3. Các tổ chức xã hội khác	51
Tiểu kết	53
V. CƠ CHẾ THÙ LAO CHO CÁC LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH.....	54
1. Ngân sách và giá trị của thù lao của cơ quan tiến hành tố tụng.....	54
2. Thù lao từ Trung tâm Trợ giúp pháp lý.....	57
3. Thủ tục thanh toán thù lao từ cơ quan tiến hành tố tụng.....	58
4. Thủ tục thanh toán thù lao từ Trung tâm Trợ giúp pháp lý	59
5. Thù lao thêm của luật sư.....	59
Tiểu kết	60
PHẦN 4.....	61
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT	61
1. Đối tượng người bào chữa	61
2. Cơ chế chỉ định người bào chữa.....	62
3. Tổ chức chỉ định người bào chữa.....	62
4. Phương thức thanh toán thù lao	63
5. Cơ chế khuyến khích người bào chữa chỉ định	63
6. Biện pháp chế tài	64
7. Thủ tục hành chính liên quan đến công tác bào chữa.....	64
8. Thủ tục tố tụng	64
PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO	69
VĂN KIẾN CHÍNH SÁCH	69
VĂN BẢN PHÁP LUẬT	69
ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ	70
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU.....	71

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT

Trong Báo cáo này, một số từ sau đây được viết tắt:

- Bộ luật Hình sự	BLHS
- Bộ luật Tố tụng hình sự	BLTTHS
- Bộ Tư pháp	BTP
- Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc	UNDP
- Công ước quốc tế về Quyền chính trị và Dân sự	ICCPR
- Cơ quan điều tra	CQĐT
- Đoàn luật sư	ĐLS
- Giấy chứng nhận người bào chữa	GCNNBC
- Liên hiệp quốc	LHQ
- Mặt trận Tổ quốc	MTTQ
- Tố tụng hình sự	TTHS
- Tòa án Nhân dân	TAND
- Tòa án Nhân dân Tối cao	TANDTC
- Trợ giúp pháp lý	TGPL
- Trung tâm trợ giúp pháp lý	TTTGPL
- Trung tâm tư vấn pháp luật	TTTVPL
- Tư vấn pháp luật	TVPL
- Văn phòng luật sư	VPLS
- Viện kiểm sát	VKS
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao	VKSNDTC
- Xã hội Chủ nghĩa	XHCN
- Xã hội hóa	XHH

Một số định nghĩa

Ngoài những giải thích, phân tích đối với một số từ, cụm từ pháp lý ở trong Báo cáo, một số từ và cụm từ được sử dụng tại Báo cáo này có nghĩa như sau:

- **Bị can** có nghĩa là người đã bị khởi tố về hình sự¹.
- **Bị cáo** có nghĩa là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử².
- **Bào chữa viên nhân dân** có nghĩa là người được Mặt trận Tổ quốc cử để bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là thành viên của tổ chức mình³.
- **Cán bộ tư pháp** là những cán bộ của cơ quan tư pháp hoặc cán bộ của cơ quan tiến hành tố tụng
- **Cơ quan hỗ trợ tư pháp** là các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, giám định, công chứng, lý lịch tư pháp⁴.
- **Cơ quan tiến hành tố tụng** là những cơ quan được pháp luật xác định là chủ thể của các quan hệ tố tụng và được giao những quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định, bao gồm cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong vụ án hình sự, hoặc bao gồm tòa án, viện kiểm sát trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính⁵.
- **Cơ quan tư pháp** là cơ quan nhà nước thực hiện quyền tư pháp, một trong 3 quyền của quyền lực nhà nước. Xét theo sự phân công, các cơ quan tư pháp có chức năng bảo vệ luật pháp hoặc giải quyết các tranh chấp về dân sự, kinh tế, lao động, hành chính giữa các thể nhân hoặc giữa các thể nhân và pháp nhân, nhân danh nhà nước đưa ra các phán xét, phán quyết đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của thể nhân, pháp nhân⁶. Trong Nghiên cứu này đề cập đến Cơ quan tư pháp là nhằm đề cập đến bản chất “quyền tư pháp” của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra.
- **Cơ sở hành nghề luật sư** có nghĩa là nơi hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bao gồm trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư.
- **Giấy chứng nhận người bào chữa (GCNNBC)** có nghĩa là văn bản do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp cho cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để họ thực hiện việc bào chữa⁷.
- **Luật sư chỉ định** có nghĩa là luật sư được Đoàn luật sư cử tham gia tố tụng trong các Vụ án chỉ định.
- **Luật sư cộng tác viên** có nghĩa là luật sư tự nguyện tham gia trợ giúp pháp lý với tư cách cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; có đủ tiêu chuẩn; được Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ cộng tác viên⁸.

¹ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 49, Khoản 1;

² Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Khoản 1 Điều 50,;

³ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Khoản 3 Điều 57;

⁴ Từ điển Luật học, Nhà xuất bản Tư pháp – Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, 2006, tr. 72;

⁵ Từ điển Luật học, Nhà xuất bản Tư pháp – Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, 2006, tr. 201;

⁶ Từ điển Luật học, Nhà xuất bản Tư pháp – Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, 2006, tr. 201 và 202;

⁷ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 56, Khoản 4;

⁸ Luật Trợ giúp pháp lý 2006, Điều 22, Khoản 1 và Điều 23;

- **Luật sư mời** có nghĩa là luật sư được các đương sự mời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính hoặc được bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ hoặc người đại diện hợp pháp của họ mời để bào chữa cho họ trong vụ án hình sự⁹.
- **Người bào chữa** có nghĩa là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo¹⁰.
- **Người bảo vệ quyền lợi của đương sự** có thể bao gồm tất cả người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn dân sự, người bảo vệ quyền lợi của bị đơn dân sự hoặc từng người trong số họ.
- **Người bị tạm giam** có nghĩa là bị can, bị cáo bị cơ quan tiến hành tố tụng ra lệnh tạm giam để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án¹¹.
- **Người bị tạm giữ** có nghĩa là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ¹².
- **Người bị tình nghi** có nghĩa là người bị bắt, người bị tạm giữ do bị nghi thực hiện tội phạm hoặc đang chuẩn bị thực hiện tội phạm¹³.
- **Người tham gia tố tụng** bao gồm người bị tạm giữ, bị can/ bị cáo/ người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người giám định; người phiên dịch trong vụ án hình sự; và nguyên đơn (người khởi kiện), bị đơn (người bị kiện), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính¹⁴.
- **Người tiến hành tố tụng** bao gồm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án trong vụ án hình sự; và Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính¹⁵.
- **Tổ chức hành nghề luật sư** có nghĩa là tổ chức có đăng ký hoạt động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cung cấp dịch vụ pháp lý¹⁶. Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm văn phòng luật sư và công ty luật.

⁹ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Khoản 1 Điều 56 và Khoản 1 Điều 59, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003; Khoản 2 Điều 63, Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 và Khoản 2 Điều 55, Luật tố tụng hành chính 2010;

¹⁰ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điểm b Khoản 3 Điều 58, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003;

¹¹ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 80 và Điều 88, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003;

¹² Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Khoản 1 Điều 48, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003;

¹³ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 71 và Điều 81;

¹⁴ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Chương IV, Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, Chương VI và Luật Tố tụng hành chính 2010, Điều 47;

¹⁵ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 33, Khoản 2; Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, Điều 39, Khoản 2; Luật Tố tụng hành chính 2010, Điều 34, Khoản 2;

¹⁶ Luật Trợ giúp pháp lý 2006, Điều 32 và Điều 39, Khoản 1;

- **Trợ giúp viên pháp lý** có nghĩa là viên chức nhà nước, làm việc tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp¹⁷.
- **Trung tâm trợ giúp pháp lý (TTTGPL)** có nghĩa là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp và được Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo; người có công với cách mạng; người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn¹⁸.
- **Trung tâm tư vấn pháp luật (TTTTVPL)** có nghĩa là tổ chức do tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật thành lập, có đăng ký hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật không nhằm mục đích thu lợi nhuận¹⁹.
- **Văn phòng luật sư** có nghĩa là tổ chức do một luật sư thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân²⁰.
- **Vụ án chỉ định** có nghĩa là vụ án có bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình hoặc có bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất nhưng bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình²¹.

¹⁷ Luật Trợ giúp pháp lý 2006, Điều 22, Khoản 2;

¹⁸ Luật Trợ giúp pháp lý 2006, Điều 3; Điều 10 và Điều 14,;

¹⁹ Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/07/2008 của Chính Phủ về Tư vấn pháp luật, Điều 1 và Điều 3;

²⁰ Luật Trợ giúp pháp lý 2006, Khoản 1 Điều 33.

²¹ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 57, Khoản 2.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU

1. Sự cần thiết

“Quyền được xét xử công bằng” (the right to a fair trial) thực chất là một tập hợp các bảo đảm tố tụng nhằm bảo đảm quá trình xét xử được công bằng, trong đó bao gồm các khía cạnh như được bình đẳng trước tòa án (equality before a court), được suy đoán vô tội (assumption of innocence); không bị áp dụng hồi tố (prohibition of ex post facto laws); và không bị bỏ tù chỉ vì không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng (prohibition of imprisonment for debt). Mỗi bảo đảm này được coi như là một quyền con người²².

“Quyền bào chữa” là một chuẩn mực bắt buộc (*jus cogens*)²³ trong “quyền được xét xử công bằng”²⁴. Tập hợp các quyền để có được chuẩn mực xét xử công bằng (thường được nhắc đến như những quyền căn bản hay sự bảo đảm tối thiểu về xét xử theo đúng pháp luật tố tụng) được nêu trong quy định tại Điều 14 của Công ước quốc tế về Quyền chính trị và Dân sự (ICCPR), như sau:

1. “Mọi người đều bình đẳng trước các tòa án và cơ quan tài phán. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự. Báo chí và công chúng có thể không được phép tham dự toàn bộ hoặc một phần của phiên tòa vì lý do đạo đức, trật tự công cộng hoặc an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ, hoặc vì lợi ích cuộc sống riêng tư của các bên tham gia tố tụng, hoặc trong chừng mực cần thiết, theo ý kiến của tòa án, trong những hoàn cảnh đặc biệt mà việc xét xử công khai có thể làm phương hại đến lợi ích của công lý. Tuy nhiên mọi phán quyết trong vụ án hình sự hoặc vụ kiện dân sự phải được tuyên công khai, trừ trường hợp vì lợi ích của người chưa thành niên hay vụ việc liên quan đến những tranh chấp hôn nhân hoặc quyền giám hộ trẻ em.
2. Người bị cáo buộc là phạm tội hình sự có quyền được coi là vô tội cho tới khi hành vi phạm tội của người đó được chứng minh theo pháp luật.
3. Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu sau đây:

²² <http://nhanquyen.vn/modules.php?name=News&op=detailsnews&mid=40&mcid=7>

²³ Chuẩn mực *jus cogens*, hay chuẩn mực có tính bắt buộc của pháp luật quốc tế chung, được định nghĩa là ‘một chuẩn mực được chấp thuận và công nhận bởi cộng đồng quốc tế của các quốc gia như một chuẩn mực mà được phép vi phạm và có thể được sửa đổi chỉ bởi một chuẩn mực sau này của pháp luật quốc tế chung có tính chất tương tự’ (Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế, 1155 UNTS 331, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 1 năm 1980, Điều 53). Xem thêm, R.Y. Jennings and A. Watts (eds.), *Luật Quốc tế của Oppenheim* (9th ed. 1992), 7-8; C.L. Rozakis, *Khái niệm về Jus Cogens trong Luật Điều ước quốc tế* (1976), trang 11.

²⁴ Quyền được xét xử công bằng là một loại chuẩn mực thi thoảng được mô tả như một ‘chuẩn mực *jus cogens* phái sinh’, vì mặc dù chúng không xuất hiện trong các quy định không thể vi phạm của các điều ước nhiều bên hay các nguồn khác, các chuẩn mực này là cần thiết để bảo vệ những chuẩn mực *jus cogens* khác: xem, F.F. Martin và các tác giả khác, *Luật Quyền con người và Nhân văn quốc tế: Điều ước quốc tế, Các vụ án, & Phân tích* (2006), trang 36 (tuy nhiên, quan điểm bị phân chia không quan trọng đối với hiện trạng của một quyền như quyền được xét xử công bằng, mà giao phó cho hành vi xử sự của các Quốc gia và các thể chế khác phải tuân thủ theo các quy định đó). Xem qua, Theodor Meron, *Các quy phạm về Quyền con người và Nhân văn như Luật Thông lệ quốc tế* (1989); Antonio Cassese, *Quyền con người trong một thế giới đang đổi thay* (1990).

- (a) Được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu về bản chất và lý do buộc tội mình;
 - (b) Có đủ thời gian và phương tiện chuẩn bị cho việc bào chữa của mình và tiếp xúc với người bào chữa do mình lựa chọn;
 - (c) Được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý;
 - (d) Được có mặt trong khi xét xử và được tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo sự lựa chọn của mình; được thông báo về quyền này nếu chưa có sự trợ giúp pháp lý; và được nhận sự trợ giúp pháp lý theo chỉ định trong trường hợp lợi ích của công lý đòi hỏi và không phải trả tiền cho sự trợ giúp đó nếu không có đủ điều kiện trả;
 - (e) Được thẩm vấn hoặc yêu cầu thẩm vấn những nhân chứng buộc tội mình, và được mời người làm chứng gỡ tội cho mình tới phiên tòa và thẩm vấn họ tại tòa với những điều kiện tương tự như đối với những người làm chứng buộc tội mình;
 - (f) Được có phiên dịch miễn phí nếu không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ sử dụng trong phiên tòa;
 - (g) Không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội.
4. Tổ tụng áp dụng đối với những người chưa thành niên phải xem xét tới độ tuổi của họ và mục đích thúc đẩy sự phục hồi nhân cách của họ²⁵...”

ICCPR được giải thích trong các phán quyết của Ủy ban Nhân quyền và các tòa án hay hội đồng xem xét các vấn đề nhân quyền hay hình sự quốc tế (như Tòa án Châu Âu về Quyền Con người), Quyền bào chữa cũng là đề tài bình luận về quyền con người. Theo các công ước quốc tế, quyền bào chữa gồm những chuẩn mực sau:

- (i) Quyền được có người bào chữa do mình lựa chọn;
- (ii) Quyền được có đủ thời gian để chuẩn bị cho phiên tòa, bao gồm tiếp xúc với người bào chữa;
- (iii) Quyền được giao tiếp bí mật với luật sư;
- (iv) Quyền bào chữa thông qua trợ giúp pháp lý;
- (v) Quyền được tạm hoãn thủ tục tố tụng để được tham vấn luật sư;
- (vi) Quyền được tự bào chữa;
- (vii) Quyền bào chữa là hành vi bảo vệ quyền lợi của bị cáo;
- (viii) Quyền không phải tiến hành tố tụng với người bào chữa là người không đủ năng lực hoặc thiếu cẩn thận trong khi bị can, bị cáo đã có luật sư phù hợp;
- (ix) Quyền bào chữa trong tất cả các giai đoạn tố tụng đối với hình phạt án tử hình²⁶.

Quyền bào chữa là một quyền quan trọng của bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ trong pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam và được quy định trong luật ngay sau khi Việt Nam giành

²⁵ Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (“ICCPR”), Điều 14. Việt Nam đã tham gia Công ước này từ năm 1982.

²⁶ Xem thêm “Nghiên cứu Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam – UNDP Việt Nam 2010”, sắp xuất bản, đã được giới thiệu tại Hội thảo “Quyền Bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam” do Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) và Liên đoàn Luật sư Việt Nam (VBF) tổ chức ngày 2-3/12/2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.

được độc lập²⁷. Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) quy định “bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa”²⁸.

Nghiên cứu về chuẩn mực quốc tế của quyền bào chữa, có thể nhận thấy rằng quyền bào chữa bao gồm hai phương pháp tiếp cận: “quyền được bào chữa chủ động” và “quyền được bào chữa bắt buộc” cũng được biết đến như là “quyền được bào chữa chỉ định”²⁹. “Quyền được bào chữa chủ động” là các hoạt động bào chữa phụ thuộc vào ý chí mong muốn của bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ. Bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ có thể trực tiếp mời hoặc ủy quyền cho người thân của mình mời người bào chữa. Các chuẩn mực quốc tế bao gồm các chuẩn mực từ (i) cho đến (viii), không bao gồm quyền thứ (iv) (nêu trên). “Quyền được bào chữa bắt buộc” đề cập tới không chỉ quyền của bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ mà còn là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng cho phép bào chữa. Vấn đề này đã được ghi nhận và khái quát theo các chuẩn mực (iv) và (ix) nêu trên, căn cứ trên Điều 14 của ICCPR và được giải thích rõ qua những phán quyết của Ủy ban Nhân quyền và/ hay của Tòa án Châu Âu về Quyền con người³⁰.

Theo pháp luật Việt Nam, “quyền được bào chữa bắt buộc” được áp dụng khi “Bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự; hoặc khi Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất”³¹.

Những quy định này thể hiện sự tôn trọng cam kết quốc tế của Việt Nam³². Việt Nam đã có những chính sách, chủ trương nhằm thực thi “quyền được xét xử công bằng” như Nghị quyết 48/NQ-TW, Nghị quyết 49/NQ-TW, Nghị quyết số 17/NQ-TW³³

Nghị quyết số 31/2009/NQ-QH12 của Quốc hội³⁴ sửa đổi một số luật liên quan đến hoạt động tố tụng hình sự như Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân, và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân. Ngoài ra, Nghị quyết cũng ban hành một số luật mới như Luật Tổ chức Cơ quan Điều tra hình sự, và Luật Phòng, Chống Khủng bố. Đây là những quy định pháp luật có quan hệ chặt chẽ tới quyền bào chữa trong hoạt động tố tụng, đặc biệt là trong các vụ án có khung hình phạt cao, như chung thân, tử hình.

²⁷ Phan Trung Hoài, ‘Một số vấn đề về xây dựng văn hóa nghề nghiệp luật sư ở Việt Nam hiện nay’, tham luận Đề tài khoa học cấp nhà nước “Văn hóa pháp luật Việt Nam – Từ lý luận đến thực tiễn” – Mã số KX.03/06-10.

²⁸ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48, 49, 50.

²⁹ Nguyễn Thái Phúc, ‘Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự’, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 4 (41)/2007.

³⁰ Điển hình như vụ án Benham và United Kingdom (Anh Quốc) (1996) (22 EHRR 293, 61) do Ủy ban Nhân quyền xem xét.

³¹ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 57, khoản 2.

³² Theo Báo cáo Quốc gia Kiểm điểm Định kỳ việc Thực hiện Quyền con người ở Việt Nam năm 2009 (Đoạn 15): “Việt Nam đã gia nhập hầu hết các công ước nhân quyền quốc tế chủ chốt, trong đó có Công ước về Quyền Dân sự, Chính trị, Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội, Văn hoá; Công ước về Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt chủng tộc, Công ước về Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt Đối xử với Phụ nữ; là nước thứ hai trên thế giới và nước châu Á đầu tiên tham gia Công ước Quyền Trẻ em; phê chuẩn 17 công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế. Ngày 22/10/2007, Việt Nam đã ký Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật và hiện đang nghiêm túc xem xét việc ký Công ước chống Tra tấn. Các văn bản pháp luật trong nước được ban hành hoặc sửa đổi theo hướng nội luật hóa các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, đồng thời không làm cản trở việc thực hiện các công ước này (Điều 3 và Điều 82 Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật 2008)”.

³³ Resolution 48/NQ-TW of the Politbureau on the Strategy of Construction and Perfection of Vietnam Legal System to 2010 with vision to 2020, Resolution 49/NQ-TW of the Politbureau on ‘Judicial Reform Strategy to 2020’, Resolution No. 17-NQ/TW dated 1 August 2007 of the fifth congress of the 10th Central Party Committee, the CPC, Law on Lawyers, Law on Legal Aid and so on.

³⁴ Nghị quyết số 31/2009/NQ-QH12 của Quốc hội ngày 17/06/2009 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007-2011).

Ngoài ra, Việt Nam cũng “đang nghiêm túc xem xét việc ký Công ước về Chống Tra tấn”³⁵ nên cũng có thể cần đến những nghiên cứu về quyền bào chữa trong hoạt động tố tụng liên quan tới bước phát triển mới này. Cụ thể hơn, nghiên cứu về hiệu quả của hoạt động phòng chống “bức cung” và sử dụng “nhục hình”³⁶ ở Việt Nam.

Chế định quyền bào chữa trong tố tụng hình sự cần được nghiên cứu về lý thuyết và thực tiễn. Do đó, Hội Luật Gia Việt Nam chủ trì một nghiên cứu về “*Luật sư Chỉ định theo pháp luật hình sự và thực tiễn tại Việt Nam*” dưới sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP).

2. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu chính của Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu việc thực hiện Công ước về Quyền Dân sự và Chính trị về người bào chữa chỉ định tại Việt Nam trong các vụ án mà pháp luật đòi hỏi phải có người bào chữa. Những vấn đề rút ra từ nghiên cứu này sẽ là cơ sở cho Hội Luật Gia Việt Nam có ý kiến đóng góp cho dự thảo BLTTHS sửa đổi.

Để tìm hiểu một cách kỹ lưỡng bản chất tốt đẹp của chế định “*quyền được bào chữa bắt buộc*” của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng, một nghiên cứu thực tiễn về vấn đề này cần được tiến hành. Nghiên cứu sẽ tìm hiểu hướng tiếp cận của các chuẩn mực quốc tế so sánh với các quy định pháp luật Việt Nam. Nghiên cứu về “*Luật sư Chỉ định theo pháp luật hình sự và thực tiễn tại Việt Nam*” nhằm vào những mục tiêu cụ thể như sau:

- Xem xét và đánh giá việc thực hiện các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) đối với luật sư chỉ định, bao gồm:
 - o quyền bào chữa của bị can/ bị cáo trong những trường hợp *bào chữa bắt buộc*; và
 - o Quy định pháp luật hiện hành và phương thức xã hội hóa trong công tác bảo đảm quyền được bào chữa của bị can/ bị cáo.
- Xem xét và đánh giá những vụ án mà BLHS đòi hỏi có luật sư chỉ định, bao gồm phân tích thống kê và nghiên cứu thực tiễn có liên quan tới công tác bảo đảm quyền bào chữa này của bị can/ bị cáo.

3. Phương pháp nghiên cứu

a. Nghiên cứu tài liệu

Nhóm Nghiên cứu đã nghiên cứu tài liệu hướng dẫn áp dụng đối với các công ước về nhân quyền mà Việt Nam đã tham gia và đang xem xét để phê chuẩn. Nhóm Nghiên cứu cũng đã nghiên cứu những tài liệu liên quan đến hoạt động công tác chỉ định luật sư, bao gồm như: (i) các công trình nghiên cứu mang tính lý luận về quyền con người nói chung và quyền bào chữa nói riêng và mô hình tổ chức của các cơ quan tư pháp và mô hình tố tụng; (ii) các quy định pháp luật, các chính sách của Đảng và nhà nước liên quan đến hoạt động luật sư chỉ định trong các vụ án hình sự về lý thuyết và thực tiễn; (iii) các chính sách và quy định pháp luật cũng đã được so sánh và đối chiếu với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia; (iv) nghiên cứu các

³⁵ Báo cáo quốc gia kiểm định định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam, đoạn 15, Bộ Ngoại Giao Việt Nam, website của Bộ Ngoại Giao,

<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns090723074537#SVtC9OXCDHwA>

³⁶ “Tội dùng nhục hình” và “Tội bức cung” là hai tội được quy định trong Bộ luật Hình sự tại Điều 298 và Điều 299.

báo cáo tổng kết hoạt động, báo cáo nghiên cứu của ngành tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan trợ giúp pháp lý để đánh giá bổ sung và có tính thực tiễn cho những nghiên cứu nêu trên.

b. Khảo sát

Các bảng hỏi được gửi tới các luật sư chủ yếu hành nghề trong lĩnh vực hình sự, thông qua các tổ chức hành nghề (TCHN) và các Đoàn Luật sư ('ĐLS') địa phương trên toàn quốc và thông qua các chi hội luật gia (HLG) cấp tỉnh. Nhóm Nghiên cứu chọn đối tượng luật sư chuyên về hình sự để gửi bảng hỏi bởi lẽ họ là những người thực hành quyền bào chữa nhiều nhất trong các vụ án chỉ định. Tuy nhiên, có khó khăn trong tìm kiếm mẫu khảo sát là các luật sư không đăng ký cụ thể về lĩnh vực mà mình hành nghề. Nhóm Nghiên cứu đã tìm hiểu các dữ liệu của Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và một số ĐLS mà không hề tìm thấy cơ sở dữ liệu nào xác nhận về lĩnh vực luật sư hành nghề. Do đó, Nhóm Nghiên cứu đã thông qua Hội Luật gia Việt Nam và các chi hội luật gia ở các tỉnh để gửi công văn tới các ĐLS địa phương đề nghị gửi bảng hỏi tới các luật sư hành nghề trong lĩnh vực hình sự. Mỗi ĐLS được gửi 3 phiếu hỏi. Tất cả 62 ĐLS được gửi phiếu hỏi và đủ cả 62 ĐLS có phiếu phản hồi (nơi thấp nhất là một phiếu trả lời). Có sự chênh lệch quá xa về số lượng luật sư hành nghề ở địa phương ít luật sư nhất (3 luật sư) với ĐLS có số lượng nhiều nhất là hơn 1100 luật sư, là Đoàn luật sư TP Hà Nội và Đoàn luật sư Tp. Hồ Chí Minh). Do đó, Nhóm Nghiên cứu đã gửi thêm phiếu hỏi cho các luật sư hoạt động hành nghề hình sự tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nơi số lượng luật sư hành nghề chiếm gần 50% tổng số luật sư hành nghề trên toàn quốc.

Có chín (09) tỉnh/thành phố được chọn để phỏng vấn sâu được xác định trên các tiêu chí: (i) đại diện cho khu vực Bắc, Trung và Nam Việt Nam; (ii) đồng thời có những đặc điểm tiêu biểu về kinh tế, xã hội, tình hình an ninh trật tự. Đó là Hà Nội, Lạng Sơn, Điện Biên, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Khánh Hòa và An Giang.

- **Hà Nội:** là trung tâm chính trị-xã hội của cả nước và là đô thị phát triển nhất miền Bắc. Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm và số lượng bị cáo của Hà Nội nhiều thứ hai trong cả nước (sau thành phố Hồ Chí Minh). Số vụ án có người bào chữa của Hà Nội cũng đứng thứ hai trong cả nước (so sánh 3 năm gần nhất 2007-2009). Án hình sự của Hà Nội đa dạng và số lượng nhiều (trên 7000 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Hà Nội là 524 vụ. Hà Nội có 1495 luật sư với 580 tổ chức hành nghề đăng ký hành nghề tại ĐLS Hà Nội (tính đến 31/12/2009).
- **Lạng Sơn:** tỉnh biên giới miền núi phía bắc. Lạng Sơn có tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa nhanh so với các tỉnh phía bắc và có hoạt động thương mại qua biên giới với Trung Quốc rất mạnh. Các loại án hình sự ở Lạng Sơn tiêu biểu cho các loại tội phạm phát sinh qua hoạt động biên mậu, như buôn lậu, ma túy và mua bán phụ nữ... với số lượng án hình sự sơ thẩm ở mức trung bình trên 700 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009. Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Lạng Sơn là 82 vụ. Lạng Sơn có mật độ người dân tộc thiểu số tương đối cao so với các địa phương khác³⁷. Lạng Sơn có 23 luật sư và 8 tổ chức hành nghề thuộc thành viên của ĐLS tỉnh Lạng Sơn (tính đến 31/12/2009).

³⁷ Lạng Sơn, công tác trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số, website Bộ Tư pháp, 24/04/2009, http://vbqppl.moj.gov.vn/ct/tintuc/lists/t%20php%20a%20phng/view_detail.aspx?ItemID=3114;

- **Điện Biên:** tỉnh nghèo ở miền núi phía bắc. Tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa ở Điện Biên chậm. Ấn hình sự tiêu biểu ở Điện Biên là mua bán, vận chuyển ma túy. Điện Biên cũng có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống và có 4 huyện nghèo nằm trong tổng số 62 huyện nghèo nhất cả nước. Số lượng án hình sự sơ thẩm ở Điện Biên tương đương với Lạng Sơn (trên 700 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Điện Biên là 249 vụ. Điện Biên chỉ có 6 luật sư và 6 tổ chức hành nghề thuộc thành viên của ĐLS tỉnh (tính đến 31/12/2009).
- **Đà Nẵng:** là một thành phố trung tâm kinh tế đứng thứ ba của cả nước. Đà Nẵng được coi là trung tâm của miền trung với tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm tại Đà Nẵng gần thấp nhất trong số 9 tỉnh được nghiên cứu (so sánh từ năm 2007-2009) và rất thấp so với cả nước (trên 650 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Đà Nẵng là 220 vụ. Đà Nẵng có nhiều chương trình phòng và chống tội phạm được đánh giá là hiệu quả. Đà Nẵng có 85 luật sư với 22 tổ chức hành nghề thuộc thành viên của ĐLS tỉnh (tính đến 31/12/2009).
- **Tp. Hồ Chí Minh:** là trung tâm chính trị-kinh tế thứ hai của cả nước và là đô thị phát triển nhất miền nam và nhất cả nước. Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm, số lượng bị cáo, và số lượng vụ án có người bào chữa của Tp. Hồ Chí Minh đứng thứ nhất trong cả nước. Ấn hình sự sơ thẩm của Tp. Hồ Chí Minh cũng đa dạng và số lượng nhiều nhất trong cả nước (trên 8000 vụ/năm tính từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Tp. Hồ Chí Minh là 531 vụ. Có 2280 luật sư và 1150 tổ chức hành nghề luật sư thuộc thành viên của ĐLS Tp. Hồ Chí Minh (tính đến 31/12/2009).
- **Hà Tĩnh:** là một tỉnh duyên hải bắc trung bộ, điều kiện kinh tế hạ tầng kém phát triển. Hà Tĩnh giáp với Lào, là nơi nằm trong khu vực Tam Giác Vàng về trồng và mua bán ma túy. Tình hình tội phạm Hà Tĩnh cũng nổi bật về tình trạng mua bán và vận chuyển ma túy. Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm tại Hà Tĩnh thấp (trên 400 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Hà Tĩnh là 70 vụ. Hà Tĩnh chỉ có 16 luật sư với 3 tổ chức hành nghề đăng kí hoạt động (tính đến 31/12/2009).
- **Lâm Đồng:** được coi là một tỉnh phát triển của miền núi Tây Nguyên, có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế về du lịch, nông nghiệp và khai thác khoáng sản. Lâm Đồng cũng là một tỉnh có mật độ sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số tương đối cao và có 1 huyện nghèo nằm trong 62 huyện nghèo nhất cả nước. Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm tại Lâm Đồng khá nhiều (trung bình trên 1000 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Lâm Đồng là 202 vụ. ĐLS tỉnh Lâm Đồng có 70 luật sư với 29 tổ chức hành nghề (tính đến 31/12/2009).
- **Khánh Hòa:** là tỉnh duyên hải nam trung bộ. Khánh Hòa có mức độ phát triển kinh tế tốt nhờ vào các hoạt động du lịch và chế biến thủy sản. Tốc độ đô thị hóa của Khánh Hòa cũng nhanh. Số lượng các vụ án hình sự tại Khánh Hòa cũng thuộc diện nhiều (trung bình trên 1000 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại Khánh Hòa là 155 vụ. Trong thời gian qua, Khánh Hòa còn được biết đến là một địa phương quyết tâm triệt hạ các băng nhóm tội phạm, xã hội đen³⁸. ĐLS Khánh Hòa có 62 luật sư với 23 tổ chức hành nghề (tính đến 31/12/2009).

³⁸ Khánh Hòa, xã hội đen lộng hành, Tuổi trẻ online, 16/10/2006, <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Phap-luat/167321/Khanh-Hoa-xa-hoi-den-long-hanh.html>; Cầm đầu băng xã hội đen ở Khánh Hòa là 3 doanh nhân, VnExpress,

- **An Giang:** là một tỉnh nông nghiệp thuộc miền tây của Tp. Hồ Chí Minh và nằm trong đồng bằng sông Cửu Long và giáp với Campuchia. ĐLS An Giang có 48 người với 30 tổ chức hành nghề (tính đến 31/12/2009). Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm của An Giang ở mức trung bình nếu so sánh với các địa phương khác (trên 800 vụ/năm, giai đoạn từ 2007 đến 2009). Trong năm 2009, số lượng vụ án hình sự được TGPL tại An Giang là 163 vụ. Ngoài ra, An Giang được biết đến là một địa phương có tình hình tội phạm về mua bán phụ nữ qua biên giới khá phức tạp³⁹.

Số lượng các vụ án hình sự sơ thẩm được giải quyết tại 9 tỉnh được khảo sát trong tổng số 63 tỉnh chiếm tỷ lệ tương đối cao (xem Bảng 1).

Bảng 1: Tình hình giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm từ 2007 – 2009

Nguồn: TANDTC

	2007			2008			2009		
	Vụ	Bị cáo	NBC	Vụ	Bị cáo	NBC	Vụ	Bị cáo	NBC
Toàn quốc	61.813	107.696	5.933	61.813	112.387	6.657	66.919	117.867	6.303
9 tỉnh khảo sát	18.846	32.843	1.703	20.594	35.967	1.986	21.252	36.411	1.761
Tỷ lệ của 9 tỉnh khảo sát so với cả nước	30%	30%	29%	33%	32%	30%	32%	31%	28%
Tỷ lệ các vụ án và bị cáo có người bào chữa	10%	6%		11%	6%		9%	5%	
Tỷ lệ tăng qua các năm của cả nước				0%	4%	12%	8%	5%	-5%

Ghi chú:

NBC: Vụ án có sự tham gia của người bào chữa

c. Các nguồn thu thập thông tin khác

Để hỗ trợ nghiên cứu Đề cương nghiên cứu và Bảng hỏi, Nhóm Nghiên cứu đã tiến hành một cuộc thảo luận nhóm giữa các luật sư hành nghề trong lĩnh vực hình sự và có kinh nghiệm với các vụ án chỉ định.

Sau khi kết thúc khảo sát tại địa phương, Nhóm Nghiên cứu, Hội Luật gia Việt Nam và UNDP đã tổ chức hai hội thảo với sự tham dự của đại diện Viện Khoa học Kiểm sát – Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Viện Khoa học Xét xử - Tòa án Nhân dân Tối cao, Tổng cục Cảnh sát

18/10/2006, <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2006/10/3b9ef6f7/>; Tình tiết chưa công bố khi bắt các trùm tội phạm nổi tiếng một thời (kỳ 1), Báo Đời sống & Pháp luật, 15/06/2010; Tình hình tội phạm có tổ chức ở Việt Nam, Ts. Nguyễn Văn Hòa, Giáo dục quốc phòng an ninh, 17/11/2010, <http://quocphonganninh.edu.vn/PrintPreview.aspx?ID=1294>;

³⁹ Công tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em – Trách nhiệm của toàn xã hội, Bản tin Tư pháp Hòa Bình số 64, trang 1, 2009; Giữ từng tấc đất biên cương – kỳ 4: Phá án “buôn người”, Tuổi trẻ Online, 05/03/2009, http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/Phong-su-Ky-su/304658/Giu-tung-tac-dat-bien-cuong---Ky-4-Pha-an-“buon-nguoi”_.html; Thực trạng và giải pháp phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em, Tham luận hội thảo, đăng lại trên blog Thông tin pháp luật dân sự, <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2008/01/13/1241-5/>

Nhân dân, Ủy ban Pháp luật Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, một số trung tâm trợ giúp pháp lý của Hội Luật Gia tại các địa phương; một số luật sư chuyên hành nghề trong lĩnh vực hình sự; chuyên gia nghiên cứu pháp luật tố tụng hình sự của Trường Đại học Luật Hà Nội; Trường Luật – Đại học Quốc gia; và đại diện của một số cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương để đóng góp hoàn thiện Nghiên cứu này.

Hai hội thảo đã có rất nhiều các góp ý về lý luận của các quy định pháp lý và chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác bào chữa nói chung và bào chữa trong các vụ án chỉ định nói riêng. Cũng có thảo luận về thực trạng của công tác bảo đảm quyền bào chữa trong các vụ án chỉ định.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ LUẬT SƯ THAM GIA KHẢO SÁT

1. Thông tin chung

Có 256 bảng hỏi được các luật sư điền hợp lệ và gửi lại (tương đương với 5% tổng số luật sư trên toàn quốc, bao gồm các luật sư hành nghề trong lĩnh vực hình sự và lĩnh vực khác⁴⁰). Cùng với thời gian gửi bảng hỏi, Nhóm Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu với các đối tượng gồm: các luật sư đã từng tham gia các vụ án chỉ định, lãnh đạo các ĐLS và các tổ chức hành nghề luật sư, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và những người đã từng là bị can/ bị cáo hoặc người đã từng thụ án tù giam tại 9 tỉnh/thành phố được chọn. Tổng số có 103 cuộc phỏng vấn với 158 người được phỏng vấn.

2. Giới tính

Số lượng nữ luật sư tham gia khảo sát bằng Bảng hỏi là 21% so với 76% luật sư nam. Tỷ lệ này có khác biệt không nhiều so với tỷ lệ nam-nữ của các luật sư theo thống kê của LĐLS là 30/70⁴¹. Để bảo đảm được yếu tố bình đẳng giới trong nghiên cứu, cơ cấu của Nhóm Nghiên cứu cũng bao gồm cả nam và nữ. Trong quá trình phỏng vấn sâu, Nhóm Nghiên cứu cũng cố gắng phỏng vấn cả đối tượng nam và đối tượng nữ để bảo đảm việc thu thập ý kiến mang tính đại diện từ hai giới. Bảo đảm tỷ lệ giới có thể chấp nhận được trong khảo sát là rất quan trọng vì có sự khác biệt giữa hai giới về quan điểm nhận thức, phương pháp và suy nghĩ hành nghề trong quá trình tiến hành công tác bào chữa⁴².

3. Khu vực

Tham gia trả lời Bảng hỏi có 64% luật sư ở “thành thị”, 2% luật sư ở khu vực “nông thôn” và 7% luật sư ở “miền núi”. Tỷ lệ không đồng đều này có thể là do luật sư thường làm việc và sinh sống ở những khu vực có tòa án và các cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên mà các cơ quan này

⁴⁰ Theo thống kê của Bộ Tư pháp đến cuối năm 2009, cả nước có 5714 luật sư, nhưng thống kê này không chỉ rõ có bao nhiêu luật sư chuyên về hình sự hay lĩnh vực khác.

⁴¹ Website của Liên đoàn Luật sư Việt Nam,

http://luatsuvietnam.org.vn/?option=com_lawyer&render=n5684§ion=list

⁴² Có thể xem thêm Báo cáo Khảo sát về Bình đẳng giới trong hệ thống tòa án Việt Nam và trong hoạt động xét xử, Tòa án Nhân dân Tối cao, 2009; David G. Marr, *The Question of Women in Vietnamese Tradition on Trial: 1920-1945, 1981*; Ulrike Schultz and Gisela Shaw (ed.), *Women in the World's Legal Profession*, HART Publishing, 2003.

chủ yếu đóng tại khu vực trung tâm và là đô thị của mỗi địa phương. Đặc biệt Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh có tỷ lệ luật sư sinh sống và làm việc rất cao (Bảng 2).

Bảng 2: So sánh về số lượng luật sư và số lượng vụ việc tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh so với cả nước⁴³

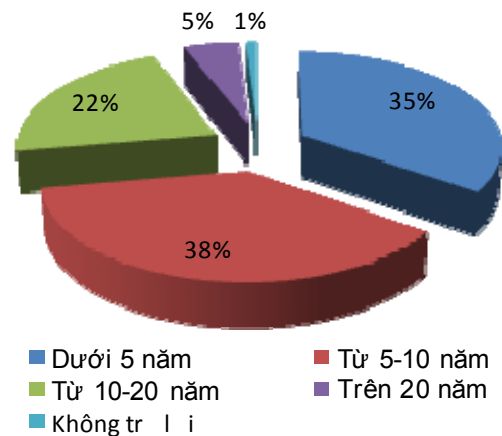
Năm	Địa danh	Số tổ chức hành nghề luật sư		Tổng số luật sư tại địa phương	
		Số lượng	%	Số lượng	%
2009	Hà Nội và Tp. HCM	1791	67%	3644	64%
	61 tỉnh còn lại	896	33%	2070	36%
	Cả nước	2687	100%	5714	100%
2010	Hà Nội và Tp. HCM	1771	66%	3895	67%
	61 tỉnh còn lại	919	34%	1899	33%
	Cả nước	2690	100%	5794	100%

Nhận thức được tỷ lệ phân bố không đồng đều nêu trên, Nhóm Nghiên cứu đã cố gắng phỏng vấn sâu thêm các luật sư, trợ giúp viên pháp lý, cán bộ điều tra, thẩm phán ở những địa bàn có ít luật sư và là nông thôn và miền núi.

4. Thời gian hành nghề

Tỷ lệ các luật sư hành nghề từ 10 năm trở xuống chiếm đa số khi tham gia trả lời bảng hỏi (72%) (xem Hình 1). Số liệu này cũng phản ánh thực tế là kể từ sau khi Pháp lệnh Luật sư năm 2001, số lượng luật sư đã gia tăng đột biến, chỉ tính riêng trong giai đoạn từ 2001-2008 tăng 250% (xem Bảng 2) và đội ngũ này hầu hết là các luật sư trẻ⁴⁴.

Hình 1: Thời gian hành nghề của luật sư



5. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý

Tỷ lệ luật sư tham gia cộng tác với các trung tâm trợ giúp pháp lý (TTTGPL) tương đối cao, chiếm đến 57% luật sư tham gia khảo sát.

Tuy nhiên, hoạt động trợ giúp pháp lý liên quan tới bào chữa hình sự hiện còn khá khiêm tốn. Theo báo cáo của Cục Trợ giúp pháp lý (2009), kể từ 01/10/2008 đến 30/09/2009, tổng số các vụ án hình sự mà các TTTGPL nhận bào chữa là 6.265 vụ chiếm 66% tổng số vụ việc hình sự được

⁴³ Số liệu này được tham khảo trên website của Bộ Tư pháp về số liệu thống kê ngành tư pháp. Truy cập ngày 20/04/2011, <http://moj.gov.vn/Pages/solieuthongke.aspx>.

⁴⁴ Đề án Phát triển đội ngũ luật sư hội nhập kinh tế quốc tế, Bộ Tư pháp, trang 3

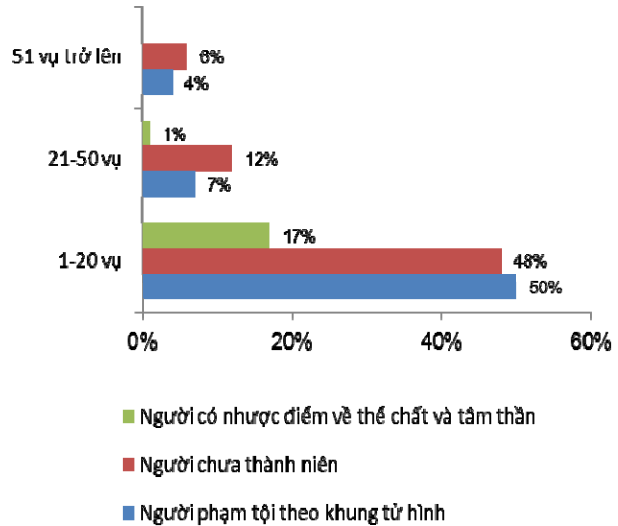
TGPL (9.561 vụ), trong đó luật sư là cộng tác viên thực hiện 5.681 vụ và các trợ giúp viên pháp lý thực hiện 584 vụ. Trong số các vụ án hình sự còn lại (chiếm 34%) được các TTTGPL tiến hành tư vấn hoặc đại diện cho đương sự trong vụ án hình sự⁴⁵.

Trong quá trình thực hiện phỏng vấn sâu tại các địa phương với sự hỗ trợ của Hội Luật Gia Việt Nam và các Chi Hội Luật Gia tại các địa phương, Nhóm Nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn các trung tâm tư vấn pháp luật (TTTVPL) của Hội Luật Gia Việt Nam và của các Chi Hội Luật Gia. Các TTTVPL có cử tư vấn viên pháp luật hoặc luật sư cộng tác viên của TTTVPL thực hiện công tác tư vấn pháp luật và giới thiệu luật sư cho bất kỳ đối tượng nào có nhu cầu (xem thêm Phần IV. 3 dưới đây).

6. Kinh nghiệm tham gia các vụ án chỉ định

Trong số các luật sư đã tham gia từ 50 vụ trở lên vụ án chỉ định, 6% số vụ án có liên quan đến người chưa thành niên và 4% vụ án có khung hình phạt tử hình (xem Hình 2). Tỷ lệ luật sư thực hiện 1-20 vụ án chỉ định một năm chiếm 17% số người được hỏi.

Hình 2: Kinh nghiệm tham gia các vụ án chỉ định



Bảng 3: Số lượng vụ án TGPL mà Luật sư đã tham gia (% theo số người trả lời)

Số vụ án đã tham gia	Người nghèo	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn	Người tàn tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Người dân tộc thiểu số	Người bị nhiễm HIV/AIDS	Đối tượng khác
1-20vụ	43,8	25,4	12,5	7,8	10,5	14,8	3,9	9,4
21-50 vụ	2,7	2,3	0	0	1,2	0,8	0	2,0
Hơn 51 vụ	2,7	0	0	0	0,4	0,4	0,4	2,7

⁴⁵ Báo cáo của Cục Trợ giúp pháp lý theo mẫu số 17-TP-TGPL ban hành kèm theo thông tư số 08/2008/TT-BTP, Phụ lục III (tính từ ngày 01/10/2008 đến 30/09/2009). Báo cáo của Cục Trợ giúp pháp lý không giải thích rõ khái niệm 'Đương sự'. Nhưng theo định nghĩa của BLTTHS thì 'đương sự' bao gồm người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự (Điều 59).

PHẦN 2

CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BẢO CHỮA ĐỐI VỚI NHỮNG VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH VÀ XU HƯỚNG CẢI CÁCH

I. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA TRONG CÁC VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH

1. Giai đoạn Trước Bộ luật Tố tụng Hình sự Năm 2003

Quyền được bào chữa của bị can, bị cáo là một quyền cấu thành nhiều chuẩn mực và là những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam⁴⁶. Quyền này được bảo đảm tại các bản Hiến pháp của Việt Nam thông qua một số quy định và sửa đổi kể từ năm 1946⁴⁷.

Hiến pháp 1946 quy định: “các phiên tòa án phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt. Người bị cáo, được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư”⁴⁸ và “quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước tòa án”⁴⁹. Như vậy, Hiến pháp 1946 chưa quy định về “quyền bào chữa chỉ định” (hoặc còn gọi là quyền bào chữa bắt buộc) một cách cụ thể. Tuy nhiên, sự công nhận tại Hiến pháp 1946 về nghề luật sư đã tạo cơ sở để hình thành nghề luật sư tại Việt Nam từ những năm đầu mới giành độc lập⁵⁰.

Ngoài Hiến pháp 1946, quyền bào chữa của bị cáo được ghi nhận tại Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 quy định về “Cách tổ chức các tòa án và các ngạch thẩm phán”. Sắc lệnh quy định “các luật sư có quyền biện hộ trước tất cả các tòa án, trừ tòa án sơ cấp”⁵¹. Sắc lệnh số 13 xác định luật sư mới có quyền bào chữa cho bị cáo hoặc bị cáo tự bào chữa lấy⁵². Sắc lệnh cũng quy định đối với các vụ án có khung hình phạt cao (đại hình) mà “trước Tòa Thượng thẩm một bị can không có ai bênh vực” thì Chánh án sẽ cử một luật sư để bào chữa⁵³. Tuy nhiên, chỉ sau hai tháng, Sắc lệnh số 40/SL ngày 29/03/1946 đã mở rộng phạm vi người bào chữa, cho phép bị cáo có thể nhờ vợ hay chồng, cha mẹ, ông bà, con cháu, anh em ruột, chú bác, cô dì.. bào chữa cho mình⁵⁴. Tiếp đến Sắc lệnh số 69 ngày 18/6/1949 và Sắc lệnh số 144 ngày 22/12/1949, hai văn bản này tiếp tục mở rộng diện bào chữa, cho phép bị can, bị cáo được nhờ công dân không phải là luật sư nhưng được tòa án công nhận để bào chữa cho mình⁵⁵.

Hiến pháp 1959 chỉ khẳng định “quyền bào chữa của người bị cáo được bảo đảm”⁵⁶ nhưng lại không quy định cụ thể về việc bị cáo có được tự bào chữa hay mời người bào chữa hay không. Không có bất kỳ một giải thích nào về khái niệm “quyền bào chữa” theo Hiến pháp 1959 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hay tại một quy định pháp luật nào. Tương tự như Hiến pháp 1946,

⁴⁶ Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Điều 11

⁴⁷ Hiến pháp 1946, Điều 67; Hiến pháp 1959, Điều 101; Hiến pháp 1980, Điều 133; Hiến pháp 1992, Điều 132

⁴⁸ Hiến pháp 1946, Điều 67

⁴⁹ Hiến pháp 1946, Điều 66

⁵⁰ Nguyễn Hưng Quang, Hạn chế tạo ra nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư, trong sách “Luật sư Việt Nam – Hội nhập quốc tế”, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007.

⁵¹ Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946, Điều 46.

⁵² Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946, Điều 44.

⁵³ Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946, Điều 44.

⁵⁴ Sắc lệnh số 40 ngày 29/03/1946, Điều 11.

⁵⁵ Sắc lệnh số 69 ngày 18/06/1949, Điều 1; Sắc lệnh số 144 ngày 22/12/1949, Điều 1

⁵⁶ Hiến pháp 1959, Điều 101

Hiến pháp 1959 tiếp tục công nhận “Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thuộc các dân tộc thiểu số có thể dùng tiếng nói và chữ viết của mình trước Toà án”⁵⁷.

Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân 1960⁵⁸ đã quy định chi tiết “quyền bào chữa” được quy định tại Hiến pháp 1959. Luật xác định “ngoài việc tự bào chữa ra, bị cáo có thể nhờ người bào chữa cho mình. Bị cáo cũng có thể nhờ người công dân được đoàn thể nhân dân giới thiệu hoặc được TAND chấp nhận bào chữa cho mình. Khi cần thiết, TAND chỉ định người bào chữa cho bị cáo”⁵⁹. Trong việc bảo đảm quyền “dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước tòa án”, Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân 1960 hướng dẫn “khi cần thiết, TAND phải chỉ định người phiên dịch để bảo đảm thực hiện quyền đó”⁶⁰.

Hiến pháp 1980 vẫn không quy định chi tiết về “quyền bào chữa” mặc dù xác nhận bảo đảm quyền này⁶¹. Hiến pháp 1980 chỉ xác nhận bổ sung về thể chế hoạt động của các luật sư là “tổ chức luật sư”. Trên cơ sở này, Hội đồng Nhà nước (có cơ chế hoạt động như UBTV Quốc hội hiện nay) đã ban hành Pháp lệnh về Tổ chức hành nghề luật sư. Ở mỗi địa phương, Bộ Tư Pháp phối hợp với các cơ quan khác để thành lập các ĐLS địa phương.

Kế thừa nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc trong hoạt động xét xử, Hiến pháp 1980 bảo đảm “cho công dân nước CHXHCN Việt Nam thuộc các dân tộc dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Toà án”⁶².

Đến Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết số 51/2001/QH10 của Quốc hội ngày 25/12/2001 sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 quy định: “Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa”⁶³.

Cũng như các hiến pháp trước đó, Hiến pháp 1992 bảo đảm “cho công dân nước CHXHCN Việt Nam thuộc các dân tộc dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Toà án”⁶⁴.

Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/06/2009 (“BLHS”) cũng đã quy định về quyền bào chữa của công dân⁶⁵ nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của công dân trong trường hợp họ bị tình nghi là thủ phạm trong vụ án hình sự và họ phải trải qua quá trình tố tụng để làm sáng tỏ sự thật của vụ án. BLHS đưa ra các chế tài đối với những tổ chức, cá nhân xâm phạm các quyền này⁶⁶.

Sau khi Việt Nam gia nhập Công ước về Quyền chính trị và Dân sự (ICCPR) năm 1982, Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 1988 đã mở rộng hơn chế định người bào chữa. BLTTHS 1988 đã công nhận thêm bào chữa bắt buộc trong một số loại vụ án cụ thể. Ở những vụ án này,

⁵⁷ Hiến pháp 1959, Điều 102.

⁵⁸ Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân được ban hành theo Sắc lệnh số 19-LCT của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 26/007/1960 (gọi tắt “Luật Tổ chức TAND 1960”).

⁵⁹ Luật Tổ chức TAND 1960, Điều 7.

⁶⁰ Luật Tổ chức TAND 1960, Điều 8.

⁶¹ Hiến pháp 1980, Điều 133

⁶² Hiến pháp 1980, Điều 134

⁶³ Hiến pháp 1992, Điều 132

⁶⁴ Hiến pháp 1992, Điều 133

⁶⁵ Bộ luật Hình sự, Điều 1.

⁶⁶ Bộ luật Hình sự, Chương XXII Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu ĐLS cử người bào chữa cho họ⁶⁷.

Tóm lại, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền bào chữa trong tố tụng hình sự phần nào đã phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Theo những chuẩn mực quốc tế này, tất cả các bị cáo đều được hưởng đồng đều những bảo đảm tối thiểu bao gồm quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị sự biện hộ và được quyền liên lạc với luật sư do mình lựa chọn; được hiện diện trong phiên xử để tự biện hộ hay nhờ luật sư biện hộ do mình lựa chọn; được thông báo về quyền này trong trường hợp tự biện hộ; và được quyền có luật sư biện hộ miễn phí vì nhu cầu công lý nếu bị cáo không có phương tiện muốn luật sư⁶⁸.

2. Giai đoạn sau khi ban hành Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003

BLTTHS năm 2003 đã mở rộng quyền được bào chữa cho không chỉ các đối tượng bị can, bị cáo trong vụ án mà quyền này được áp dụng cả với người bị tạm giữ.

Khi người bị tạm giữ, bị can/ bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án theo quy định của BLTTHS 2003 phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (“MTTQVN”), tổ chức thành viên của MTTQVN cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình⁶⁹.

Đối với người chưa thành niên phạm tội, quyền được bào chữa của họ được quy định trong Điều 305 BLTTHS 2003 như sau⁷⁰: *người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can/ bị cáo là người chưa thành niên có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can/ bị cáo*. Trong trường hợp bị can/ bị cáo là người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án theo quy định của BLTTHS 2003 phải yêu cầu ĐLS phân công văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban MTTQVN, tổ chức thành viên của MTTQVN cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Trong trường hợp bị can/ bị cáo là người chưa thành niên hay người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hay bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình thì BLTTHS quy định bắt buộc phải có người bào chữa. Chính các bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải trả phí cho việc đại diện này, tuy nhiên, họ không có khả năng trả phí cho luật sư bào chữa. Trong trường hợp này các cơ quan tiến hành tố tụng phải yêu cầu ĐLS phân công, cử người bào chữa cho họ⁷¹. Trong lý luận gọi đây là trường hợp “bào chữa bắt buộc”, còn trong thực tiễn gọi là “bào chữa chỉ định”⁷².

BLTTHS còn quy định bị can/ bị cáo/ người bị tạm giữ có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa⁷³. Từ chỗ người bào chữa chỉ có thể tham gia vào vụ án vào giai đoạn cuối của quá trình điều tra, BLTTHS đã có thêm bước tiến nữa khi quy định người bào chữa có quyền tham gia ngay từ khi có quyết định tạm giữ⁷⁴.

⁶⁷ Bộ luật Tố tụng hình sự 1988, Điều 37

⁶⁸ Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (“ICCPR”), Điều 14.

⁶⁹ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 57

⁷⁰ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 305

⁷¹ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 57

⁷² Nguyễn Thái Phúc, *Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, Tạp chí KHPL số 4(41), 2007

⁷³ Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48, 49, 50

⁷⁴ Nguyễn Thái Phúc, *Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, Tạp chí KHPL số 4(41), 2007

BLTTHS quy định những trường hợp sau đây phải bắt buộc có người bào chữa: bị can, bị cáo phạm tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình; bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào cụ thể hoá khái niệm: *"nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất"*.

II. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ VÀ CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ PHÁP LÝ

1. Vai trò của Luật sư

Nhiều luật sư phản ánh là đã không được các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện trong hành nghề⁷⁵. Luật sư gặp nhiều khó khăn khi thực hiện vai trò người bào chữa tại các phiên tòa⁷⁶. Thậm chí, có ý kiến cho rằng luật sư chỉ được coi là một yếu tố “đủ” trong phiên tòa để *“có hình thức dân chủ và bảo đảm quyền lợi của công dân”* theo quy định của pháp luật⁷⁷. Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách và quy định pháp luật để bảo vệ sự tham gia của luật sư nói chung và người bào chữa trong các vụ án hình sự nói riêng.

a. Giai đoạn trước 2001

Kể từ khi giành được độc lập năm 1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành cải cách hệ thống luật pháp. Một tháng sau khi nắm chính quyền (tháng 10 năm 1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 46 về “tổ chức luật sư”. Đây chính là văn kiện đầu tiên của chính phủ mới công nhận sự tồn tại của vai trò người luật sư trong hoạt động tư pháp⁷⁸.

Như đã nêu ở trên, các bản Hiến pháp có khẳng định “quyền bào chữa của người bị cáo được đảm bảo”⁷⁹. Khái niệm “luật sư” đã được thay thế bằng khái niệm *“bào chữa viên nhân dân”* và hoạt động dưới sự quản lý của TANDTC bắt đầu từ năm 1963 đến năm 1972⁸⁰. Luật sư trong giai đoạn này chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực hình sự⁸¹. Sự quản lý của TANDTC đối với luật sư đã ảnh hưởng phần nào đến yếu tố độc lập của luật sư trong giai đoạn này, cũng như là nhận thức của một số bộ phận cán bộ nhà nước và nhân dân về vai trò của luật sư trong xã hội.

Đến năm 1980, Hiến pháp của nước Việt Nam thống nhất lần đầu tiên đã quy định tổ chức luật sư với tính chất là một thiết chế hiến định:

*“Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý”*⁸².

⁷⁵ Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007 (Khảo sát này do VPLS NHQUANG & CỘNG SỰ thực hiện).

⁷⁶ Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, sđd.

⁷⁷ Nguyễn Hưng Quang, *Lawyers and Prosecutors under Legal Reform in Vietnam: The Problem of Equality*, trong sách *International Perspectives on the State and Reform in Vietnam*, Stephanie Balme and Mark Side (Eds), Palgrave McMillan Publishing House, 2006.

⁷⁸ Phan Trung Hoài, *Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của luật sư nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 5/2002, trang 3-11, 2002.

⁷⁹ Hiến pháp 1959, Điều 101.

⁸⁰ Nguyễn Hưng Quang, *Hạn chế tạo ra nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư*, trong sách *“Luật sư Việt Nam – Hội nhập quốc tế”*, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007.

⁸¹ Phan Hữu Thư, *Đào tạo và bồi dưỡng luật sư trong thời kỳ mới*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề *Pháp lệnh Luật sư*, 2001; Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Đạo đức và kỹ năng của luật sư trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự phạm, 2002.

⁸² Hiến pháp 1980, Điều 133.

Quy định này mở ra thời kỳ định hình hệ thống các tổ chức nghề nghiệp của luật sư trong phạm vi cả nước⁸³. Trên cơ sở Hiến pháp 1980, Pháp lệnh Tổ chức Luật sư 1987⁸⁴ đã được ban hành để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động luật sư với tính chất là một hoạt động hỗ trợ tư pháp không thể thiếu của một xã hội dân chủ. Ba mươi (30) đoàn bào chữa viên nhân dân đã được thành lập với khoảng 400 bào chữa viên nhân dân trong thập kỉ 1980. Đến cuối năm 2001, khi Pháp lệnh Luật sư ra đời thì đã có 61/64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có các ĐLS của mình với 2100 luật sư⁸⁵.

Mặc dù các quy định pháp luật về TTHS đã xác định vai trò của luật sư trong việc bảo đảm “quyền bào chữa” của công dân nhưng các cơ quan nhà nước quản lý hoạt động của luật sư như là hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã⁸⁶. Các luật sư chỉ được phép hành nghề tại các ĐLS mà không được phép tổ chức thành những tổ chức hành nghề luật sư độc lập hay hành nghề cá nhân độc lập⁸⁷. Dẫn đến hoạt động của các ĐLS thì cứng nhắc và hoạt động của luật sư thì bị bó hẹp⁸⁸, trái với những nguyên tắc hành nghề tự do và độc lập của luật sư⁸⁹.

Pháp lệnh Tổ chức Luật sư 1987 đã quy định phạm vi hành nghề của luật sư tương đối rộng, tương tự như phạm vi hành nghề của luật sư trong Luật Luật sư, từ tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa trong các vụ án hình sự, người đại diện cho các bên đương sự trong các vụ án dân sự đến tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác cho các tổ chức và cá nhân⁹⁰.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật lúc đó vẫn còn hạn chế. Luật sư không dễ dàng được phép gặp bị can hay bị cáo trong quá trình điều tra vì để bảo đảm bí mật điều tra; luật sư không được phép sao chụp các tài liệu hồ sơ trong vụ án để nghiên cứu mà phải tới trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng để nghiên cứu hồ sơ⁹¹.

b. Giai đoạn sau 2001 cho tới nay

Kể từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới (1986), Đảng và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước và pháp luật⁹². Một số nghị quyết của Đảng đã yêu cầu phải nghiên cứu thủ tục tố tụng tranh tụng⁹³, “đổi mới việc tổ chức phiên toà xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm

⁸³ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

⁸⁴ *Pháp lệnh Tổ chức Luật sư* ban hành ngày 18/12/1987.

⁸⁵ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

⁸⁶ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd; Nguyễn Hưng Quang, *The judiciary and equality: the changing roles of Lawyers and Prosecutors in Vietnam*, sđd.

⁸⁷ *Pháp lệnh Tổ chức Luật sư*, Điều 7, Điều 21.

⁸⁸ Nguyễn Hưng Quang, *Những giới hạn tạo ra nhận thức về người luật sư*, trong sách *Luật sư Việt Nam và Hội nhập quốc tế*, Ts. Phạm Hồng Hải và ThS Trần Văn Sơn (Chủ biên), ĐLS Tp. Hà Nội, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007.

⁸⁹ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

⁹⁰ *Pháp lệnh Tổ chức Luật sư*, Điều 13.

⁹¹ Phạm Hồng Hải, *Thay đổi mô hình Bộ luật Tố tụng hình sự*, 2003, NXB Công An Nhân dân, trang.

⁹² Hoàng Thế Liên, *Quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp từ năm 1986 cho tới nay*, tham luận hội thảo ‘Quan điểm về Cải cách Tư pháp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa do dân, vì dân’, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2002.

⁹³ Nguyễn Hưng Quang and Kerstin Steiner, *Ideology and Professionalism: the resurgence of the Vietnamese Bar*, trong sách *Asian Socialism and Legal Change: The Dynamics of Vietnamese and Chinese Reform* do John Gillespie & Pip Nicholson. Australia (Chủ biên), Nhà xuất bản Asian Pacific Press, 191-211, 2005.

minh”⁹⁴ và “xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...) theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện xã hội hoá mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; kết hợp quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp”⁹⁵.

Pháp lệnh Luật sư năm 2001 đã thay đổi việc hành nghề của các luật sư⁹⁶. ĐLS hoàn toàn không còn là tổ chức hành nghề của các luật sư mà trở thành tổ chức xã hội – nghề nghiệp của các luật sư⁹⁷. Các luật sư hiện hành nghề tại các tổ chức hành nghề luật sư nằm độc lập với ĐLS⁹⁸. Quy định này phần nào thúc đẩy số lượng luật sư sau năm 2001 đã gia tăng đột biến (xem Bảng 1). Tuy nhiên, phạm vi hành nghề của luật sư chỉ mở rộng thêm quyền “tham gia tố tụng trọng tài để giải quyết tranh chấp”⁹⁹ theo Pháp lệnh Luật sư năm 2001.

Quyền của luật sư trong hoạt động tố tụng được mở rộng thêm sau khi BLTTHS 2003 được ban hành. BLTTHS năm 2003 và BLTTDS năm 2004 đã có những thay đổi căn bản về thủ tục tố tụng và cơ chế làm việc trong hoạt động tố tụng giữa luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng, như cấp giấy chứng nhận người bào chữa (“GCNNBC”), cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (“GCNNBV”).

Luật Luật sư năm 2006 đã tiếp tục kế thừa các quy định về phạm vi hành nghề của luật sư như trong Pháp lệnh Tổ chức Luật sư 1987 và Pháp lệnh Luật sư 2001¹⁰⁰:

2. Vai trò Trợ giúp pháp lý

Luật Trợ giúp Pháp lý (TGPL) quy định trách nhiệm của luật sư là

“tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính”¹⁰¹;

Luật sư hay tổ chức hành nghề luật sư muốn tham gia TGPL thì phải đăng ký bằng văn bản về phạm vi, hình thức, lĩnh vực TGPL với Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động¹⁰².

Luật TGPL quy định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật khi tham gia TGPL¹⁰³.

III. NHỮNG NGUỒN LỰC CÓ THỂ THÚC ĐẨY LUẬT SƯ THAM GIA BÀO CHỮA TRONG CÁC VỤ ÁN CHỈ ĐỊNH

1. NGUỒN LỰC HIỆN TẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Hiện nay, thù lao cho các luật sư tham gia bào chữa chỉ định do ngân sách nhà nước chi trả. Mức thù lao này là 120.000 đồng/ngày làm việc¹⁰⁴. Xét mô hình hợp tác giữa cơ quan tiến

⁹⁴ Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2020”, Đoạn 2.2

⁹⁵ Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”, Đoạn II.2.

⁹⁶ Pháp lệnh Luật sư ngày 25/07/2001.

⁹⁷ Pháp lệnh Luật sư ngày 25/07/2001, Điều 4, Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35.

⁹⁸ Pháp lệnh Luật sư ngày 25/07/2001, Điều 3, Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19.

⁹⁹ Pháp lệnh Luật sư ngày 25/07/2001, Điều 14.

¹⁰⁰ Luật Luật sư, Điều 22.

¹⁰¹ Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 21

¹⁰² Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 17

¹⁰³ Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 18

hành tố tụng với các luật sư¹⁰⁵ thì thù lao sẽ được cơ quan tiến hành tố tụng trả cho luật sư thông qua ĐLS, MTTQ hoặc tổ chức thành viên chứ không phải là trực tiếp cho các luật sư tham gia hoạt động bào chữa chỉ định. Tuy nhiên một thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính lại hướng dẫn khác¹⁰⁶. Theo đó, cơ quan tiến hành tố tụng trả thù lao trực tiếp cho luật sư. Quy định này đặt ra vấn đề về “tính độc lập” của luật sư trong hoạt động bào chữa vì như vậy dường như luật sư bào chữa theo “đề nghị cung cấp dịch vụ” của cơ quan tiến hành tố tụng và không phù hợp với chuẩn mực “chỉ bảo vệ cho quyền lợi của bị cáo” của “quyền bào chữa” theo các công ước quốc tế được nêu ở phần đầu của Nghiên cứu này.

BLTTHS đã không đề cập tới vai trò của các TTTGPL trong việc tham gia các vụ án chỉ định trong khi các TTTGPL có mạng lưới cộng tác viên và đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, bao gồm luật sư hoặc người có trình độ pháp luật. Họ có thể tham gia công tác này¹⁰⁷. Vấn đề này có thể tạo nên hạn chế đối với các vụ án chỉ định cần phải có luật sư tham gia mà chỉ yêu cầu vai trò của ĐLS địa phương, đặc biệt trong hoàn cảnh nhiều ĐLS địa phương có ít luật sư.

Hiện nay, việc mở rộng nguồn cung ứng các dịch vụ pháp lý mới được chú trọng vào công tác tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành mang tính chất xã hội, không nằm mục đích thu lợi nhuận¹⁰⁸. Còn nguồn cung ứng hoạt động bào chữa trong các vụ án chỉ định hiện nay chưa có các quy định pháp luật để thúc đẩy.

2. NGUỒN LỰC ĐƯỢC “XÃ HỘI HÓA”

Ở Việt Nam, XHH được hiểu là nhà nước mong muốn “các tổ chức, cá nhân khu vực nằm ngoài hệ thống cơ quan nhà nước” thay thế hoặc hợp tác với khu vực nhà nước để tham gia vào một số hoạt động/dịch vụ của nhà nước. Thực tế, khái niệm “xã hội hóa” ở Việt Nam có ý nghĩa tương tự với khái niệm “hợp tác công tư” của Ngân hàng Thế giới hay các quốc gia khác¹⁰⁹. Trong khi “socialization” (nghĩa là “xã hội hóa”) của nhiều quốc gia khác là một khái niệm về tâm lý học nhằm nói đến “diễn biến tâm lý của một cá nhân hòa nhập vào đời sống xã hội”¹¹⁰.

Thu hút được luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định hoặc cho phép người không phải là luật sư tham gia vào công tác này là vấn đề cần được nghiên cứu. Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đặt ra định hướng phải “xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư

¹⁰⁴ Thông tư liên tịch số 66/2007/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ngày 19/06/2007 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Mục II, Điểm 4 và 5.

¹⁰⁵ Mô hình hợp tác quy định ‘yêu cầu các ĐLS giao cho các văn phòng luật cử luật sư hay đề nghị MTTQ hay tổ chức thành viên của MTTQ chỉ định người bào chữa cho thành viên của mình’ như quy định trong BLTTHS, Điều 57.

¹⁰⁶ Thông tư liên tịch số 66/2007/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ngày 19/06/2007 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Mục II, Điểm 4 và 5.

¹⁰⁷ Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 13.

¹⁰⁸ Nghị định số 77/2008/NĐ-CP, của Chính phủ ngày 16/07/2008 về tư vấn pháp luật, Điều 1.

¹⁰⁹ Nguyễn Hưng Quang, *Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Dân chủ Pháp luật, Số chuyên đề “Xây dựng Luật Phổ biến Tuyên truyền Giáo dục Pháp luật”, 2010.

¹¹⁰ Eleanor E. Maccoby, ‘Lược sử về Nghiên cứu và Lý thuyết Xã hội hóa’ (Historical Overview of Socialization Research and Theory), trong tác phẩm “Sổ tay về Xã hội hóa – Lý thuyết và Nghiên cứu” (Handbook of Socialization – Theory and Research), do Joan E. Grusec và Paul D. Hastings (chủ biên), The Guilford Press, 2007; Nguyễn Hưng Quang, “Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”, Tạp chí Dân chủ Pháp luật, Số chuyên đề “Xây dựng Luật Phổ biến Tuyên truyền Giáo dục Pháp luật”, 2010; Đinh Ngọc Vương, *Vai trò của các tổ chức xã hội, các tổ chức dân sự trong việc thực hiện thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật*, Tham luận tại Hội thảo về Pháp luật và thực tiễn phổ biến giáo dục pháp luật 9/2008, Dự án JUDGE

pháp”¹¹¹. Do đó, một số ý kiến cho rằng cần phải đẩy mạnh XHH nguồn cung ứng dịch vụ bào chữa chỉ định¹¹². Theo quy định của BLTTHS, những người không phải là luật sư có thể tham gia bào chữa nếu được MTTQ cử, như trong trường hợp bào chữa viên nhân dân¹¹³. Tuy nhiên, BLTTHS chỉ cho phép MTTQ cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình mà không bào chữa cho những người không phải là thành viên. Quy định này đã giới hạn sự tham gia của MTTQ và tổ chức thành viên của MTTQ tham gia vào công tác bào chữa chỉ định, ví dụ như Hội Luật gia.

Luật TGPL cho phép các luật sư được hợp tác với các TTTGPL, được gọi là “luật sư cộng tác viên”¹¹⁴. Mỗi quan hệ này là mô hình ‘xã hội hóa’ (XHH) hoạt động TGPL. Các TTTGPL hoặc Quỹ TGPL chi trả trực tiếp cho các luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích của những đối tượng được TGPL. Xét về lý thuyết, cơ chế trả thù lao này dường như bảo đảm được tính “độc lập” của luật sư hơn là cơ chế trả thù lao trực tiếp từ cơ quan tiến hành tố tụng như đã nêu ở trên.

Vấn đề XHH các dịch vụ công mới được đề cập trong các văn bản mang tính chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, thể thao và văn hóa¹¹⁵ nhưng chưa có các quy định về XHH trong các dịch vụ pháp lý công. Khái niệm XHH ở Việt Nam khác biệt hẳn khái niệm XHH ở nhiều quốc gia khác.

3. TIỂU KẾT

Trên cơ sở nghiên cứu những quy định và chính sách về XHH ở Việt Nam và có tham khảo mô hình hợp tác công tư, công tác XHH hoạt động bào chữa chỉ định và TGPL cần có biện pháp thực thi nghiêm túc và hiệu quả các quy định hiện có. Nhóm Nghiên cứu đề xuất 5 giải pháp để xem xét và lựa chọn áp dụng tại Việt Nam, như:

- (i) Nhà nước nên tạo điều kiện về tài chính hoặc ưu đãi về tài chính khác (như ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân) để các tổ chức xã hội, tổ chức hành nghề luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có thể tham gia vào công tác bào chữa chỉ định và TGPL;
- (ii) BLTTHS nên mở rộng nguồn cung ứng luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định thay vì chỉ tìm sự hỗ trợ từ ĐLS hoặc MTTQ (để bảo vệ thành viên của mình) như hiện nay. TTTVPL của các tổ chức này và Hội Luật Gia (thành viên của MTTQ) cũng nên được tham gia. Trong trường hợp đề xuất này được chấp nhận thì Luật Trợ giúp pháp lý cũng cần được thay đổi tương ứng;

¹¹¹ Nghị quyết số 49-NQ/TW, điểm 1.2, Mục II

¹¹² Ý kiến của một số đại biểu tham dự Hội thảo về Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 30/03/2010, Hội Luật gia Việt Nam – UNDP tổ chức.

¹¹³ BLTTHS, Điều 56 và Điều 57.

¹¹⁴ Luật Trợ giúp pháp lý có nhiều quy định về sự tham gia của luật sư trong hoạt động TGPL.

¹¹⁵ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (Khoa VII), Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000; Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế và văn hoá; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; xem thêm Tim Dyce và Nguyễn Hưng Quang, “Hợp tác công tư vì người nghèo”, VCCI-SIDA-ILO, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009.

- (iii) Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp cần triển khai hệ thống Quỹ TGPL. Các tổ chức tham gia vào công tác TGPL hoặc bào chữa chỉ định có thể chào giá cạnh tranh để thực hiện công việc này với nguồn kinh phí cho TGPL; hoặc
- (iv) Nguồn kinh phí chi trả cho các hoạt động bào chữa chỉ định không nên chi trả thông qua các cơ quan tiến hành tố tụng mà thông qua các ĐLS. Các ĐLS nên có các tiêu chí lựa chọn luật sư tham gia bào chữa chỉ định và cơ chế trả thù lao phù hợp. Nếu nguồn kinh phí bào chữa chỉ định mà cao thì các luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư nên chào giá cạnh tranh khi muốn tham gia công tác này. Trong trường hợp nguồn kinh phí hạn hẹp, Chính phủ, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các ĐLS nên có các giải thưởng, danh hiệu mang tính danh dự cho các luật sư tham gia tốt công tác bào chữa chỉ định để các luật sư có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu của mình ra thị trường.
- (v) Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các ĐLS và các Trung tâm TGPL cho phép các tổ chức hành nghề luật sư, cá nhân luật sư được đăng ký, đề xuất các hình thức tự nguyện khác để tham gia công tác bào chữa chỉ định hoặc TGPL.

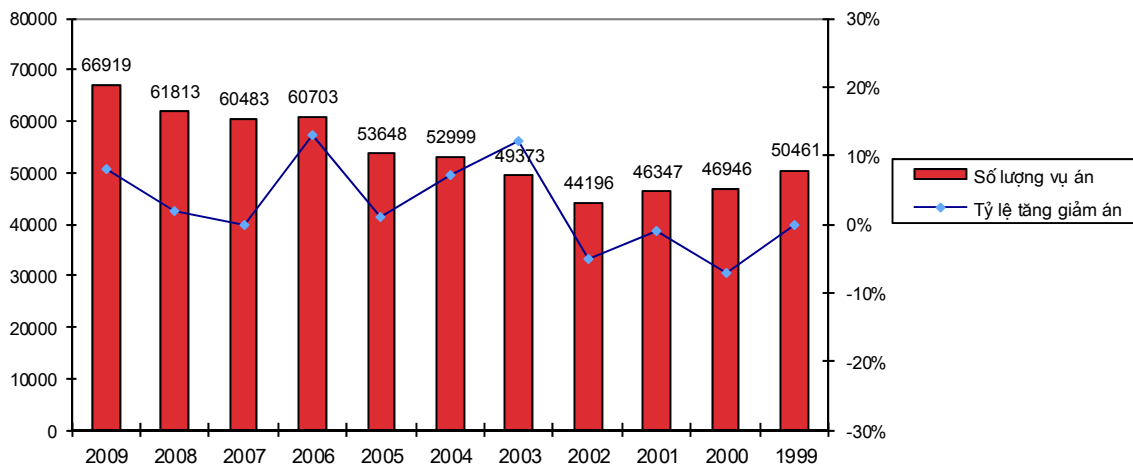
PHẦN 3

CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ HIỆN NAY

1. Khối lượng vụ án hình sự

Hình 3: Số lượng án hình sự sơ thẩm qua các năm 1999-2009



Số lượng các vụ án hình sự được tòa thụ lý và xét xử tương đối cao (xem Bảng 1 ở trên và Hình 3), đòi hỏi số lượng luật sư cũng phải phát triển tương ứng. Nếu như số lượng luật sư năm 2001 chỉ khoảng 2500 người¹¹⁶ (cho dù có một số bộ phận luật sư không tham gia bào chữa hình sự)

¹¹⁶ Nguyễn Đình Lộc, "Về Pháp lệnh Luật sư 2001", Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề *Pháp lệnh Luật sư*, trang 6-17, 2001.

thì bình quân mỗi luật sư là thực hiện 19 vụ án hình sự/năm. Cho đến thời điểm 31/08/2010, tổng số luật sư là khoảng 5981 người (tăng 200%) thì mỗi luật sư vẫn phải đảm nhiệm 13 vụ hình sự/năm.

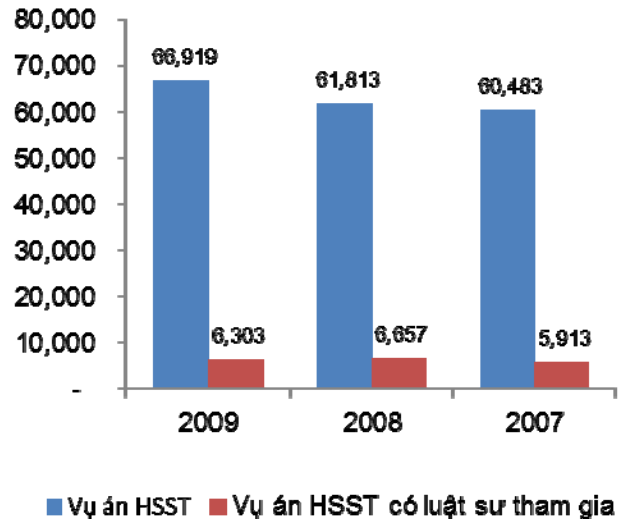
Theo tổng kết của Bộ Tư pháp, tổng số vụ án hình sự có luật sư tham gia là khoảng 60.000 vụ án¹¹⁷ thì vẫn còn xấp xỉ 10.000 vụ án hình sự không có luật sư tham gia. Tuy nhiên, thống kê của TANDTC trong 3 năm (2007, 2008 và 2009) lại có sự khác biệt (xem Hình 4), trung bình chỉ có khoảng 10% vụ án sơ thẩm hình sự có sự tham gia của người bào chữa.

Theo một luật gia của Bộ Công an cho biết hàng năm Bộ Công An tiến hành điều tra trên 100.000 vụ án hình sự, đội ngũ luật sư hiện tại không đủ để đáp ứng các yêu cầu với số lượng vụ án như vậy¹¹⁸. Theo Dự thảo Chiến lược Phát triển Nghề luật sư đến năm 2020 của Bộ Tư pháp, “hiện nay tỷ lệ luật sư nước ta trung bình là 1 luật sư/15.000 người dân, trong khi đó tỷ lệ này ở Thái Lan là 1/1.526, Singapore là 1/1.000, Nhật Bản là 1/4546, Pháp là 1/1.000, Mỹ là 1/250”¹¹⁹.

Vấn đề luật sư hành nghề không đồng đều ở các khu vực cần phải được nghiên cứu thấu đáo để khắc phục. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh là nơi có đội ngũ luật sư đông đảo nhất trong khi một số địa phương có rất ít luật sư, thậm chí là không phát triển được luật sư nào, như ĐLS Hà Giang và ĐLS Cao Bằng có 03 luật sư/đoàn, ĐLS Sơn La có 04 luật sư, ĐLS Bắc Cạn và ĐLS Kon Tum có 05 luật sư, Điện Biên có 06 luật sư, ĐLS Hậu Giang có 07 luật sư. Theo ý kiến của Bộ Tư pháp, “số lượng luật sư không đủ để đáp ứng nhu cầu về dịch vụ pháp lý của người dân, ngay cả trong việc thực hiện bào chữa trong các vụ án bắt buộc có sự tham gia của luật sư (án chỉ định)”¹²⁰. Thực tế, nhiều luật sư thuộc các ĐLS lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh có hành nghề tại các địa phương khác¹²¹ nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu về sử dụng dịch vụ luật sư trong công tác bào chữa tại nhiều địa phương.

Vấn đề thiếu luật sư ở các khu vực có điều kiện kinh tế kém hơn không chỉ ở riêng Việt Nam mà còn ở một số nước trên thế giới như Nhật Bản và Hàn Quốc¹²².

Hình 4: Luật sư tham gia các vụ án hình sự sơ thẩm 2007-2009



¹¹⁷ Theo Dự thảo Chiến lược Phát triển Nghề luật sư đến năm 2020, trang 8. Tuy nhiên, Dự thảo này đã không chỉ rõ số liệu này bắt nguồn vào thời gian nào. Do Dự thảo mà Nhóm Nghiên cứu có được là vào tháng 8/2010 nên giả định là số liệu được căn cứ vào năm 2009.

¹¹⁸ Ý kiến của một luật gia đại diện cho Bộ Công An phát biểu tại Hội thảo về Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 30/03/2010, Hội Luật gia Việt Nam – UNDP tổ chức, Hà Nội.

¹¹⁹ Theo Dự thảo Chiến lược Phát triển Nghề luật sư đến năm 2020, trang 9.

¹²⁰ Theo Dự thảo Chiến lược Phát triển Nghề luật sư đến năm 2020, trang 9.

¹²¹ Ý kiến tham luận của luật sư Hoàng Văn Dũng tại Hội thảo về Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 30/03/2010, Hội Luật gia Việt Nam – UNDP tổ chức.

¹²² Trường Đại học Sydney, Nghiên cứu về tổ chức và chức năng của hệ thống tư pháp tại năm quốc gia điển hình, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên bang Nga, (Research studies on the organisation and functioning of the justice system in five selected countries China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation), (Byung-Sun Cho và Tom Ginsburg tác giả của Báo cáo Hàn Quốc; Vivienne Bath và Sarah Biddulph tác giả của Báo cáo Trung

Từ thực tiễn về số lượng và sự phân bố không đồng đều luật sư như vậy đòi hỏi Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan cần có những biện pháp để phát triển đội ngũ luật sư tại những khu vực nông thôn và miền núi. Đồng thời, cần phải có các biện pháp khuyến khích để tăng khả năng tham gia vào công tác bào chữa, tư vấn pháp luật tại các địa phương thiếu luật sư.

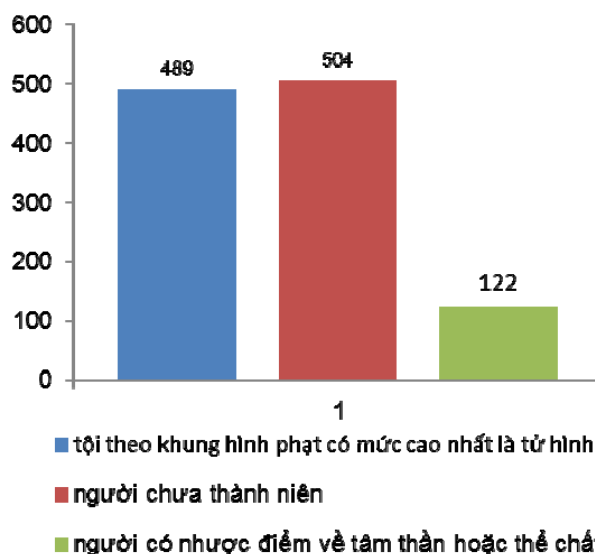
2. Loại án được chỉ định bào chữa hoặc do TGPL đề nghị được bào chữa

Như đã nêu ở trên, Điều 57 của BLTTHS quy định những trường hợp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trong một số trường hợp nếu không mời người bào chữa thì CQĐT, VKS hoặc Tòa án phải yêu cầu ĐLS phân công VPLS cử người bào chữa cho họ, bao gồm bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình; bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

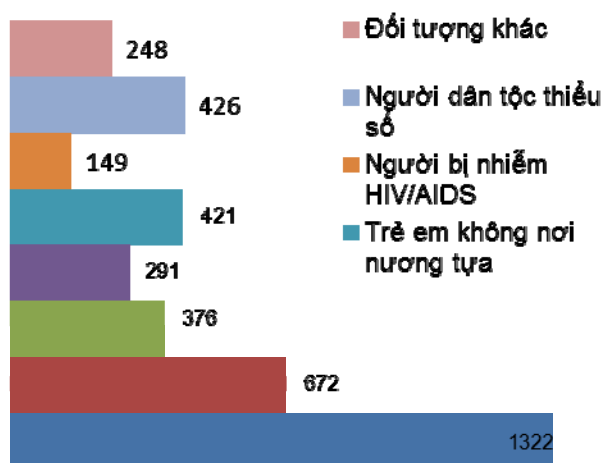
Kết quả khảo sát bằng Bảng hỏi cho thấy các vụ án chỉ định luật sư chủ yếu là án đối với “người chưa thành niên” và án có “khung hình phạt cao nhất là tử hình” (xem Hình 5).

Theo các luật sư được phỏng vấn sâu thì họ chủ yếu tham gia bào chữa chỉ định đối với vụ án có khung hình phạt cao nhất (chung thân hoặc tử hình), tiếp đến là án có liên quan đến bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Chỉ có 2 luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ đã từng bào chữa cho bị can, bị cáo là người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất được cơ quan tiến hành tố tụng mời. Có 6 luật sư cho rằng họ đã từng tham gia bảo vệ bị can, bị cáo mà họ cho rằng có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần với tư cách là luật sư được mời.

Hình 5: Loại án bào chữa chỉ định chủ yếu



Hình 6: Đối tượng trợ giúp pháp lý chủ yếu



Các vụ án thuộc đối tượng TGPL đa dạng hơn là các vụ án được bào chữa chỉ định. Luật TGPL quy định 7 đối tượng được TGPL.

Các luật sư cho rằng người nghèo là được TGPL nhiều nhất, tiếp đến là án có liên quan đến người có công với cách mạng (xem Hình 6).

Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng không phải chính sách TGPL tập trung vào “người nghèo” hay “người có công với cách mạng” mà chỉ là những đối tượng này “dễ dàng hoàn thành các thủ tục pháp lý để đủ điều kiện” TGPL hơn các đối tượng khác.

Tuy nhiên, có 3 luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng có khả năng của “sự phân biệt đối xử” từ phía cơ quan TGPL ở các địa phương.

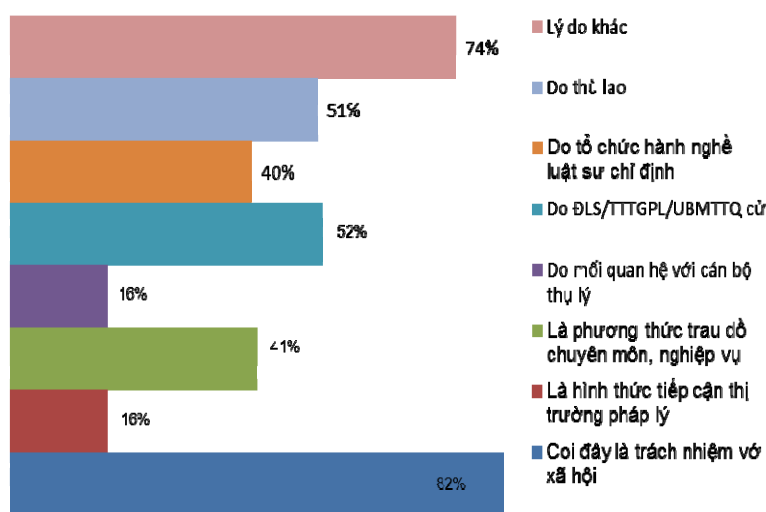
Để đáp ứng những chuẩn mực quốc tế, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy rằng, những vụ án chỉ định là những vụ án cần thiết phải có người bào chữa tham gia quá trình tố tụng để bảo đảm quyền lợi cho bị can, bị cáo, nhất là những người có khả năng bị xét xử ở khung hình phạt cao nhất hoặc có những nhược điểm đặc biệt mà không phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của họ có thể mời người bào chữa hay không. Những vụ án này hoàn toàn nằm trong những thỏa thuận quốc tế về quyền con người nói chung và quyền bào chữa nói riêng. Còn những vụ án được TGPL thì hoàn toàn phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của người tham gia tố tụng và chính sách đãi ngộ của nhà nước Việt Nam đối với những người trong hoàn cảnh này.

3. Lý do để các luật sư tham gia bào chữa tại các vụ án chỉ định

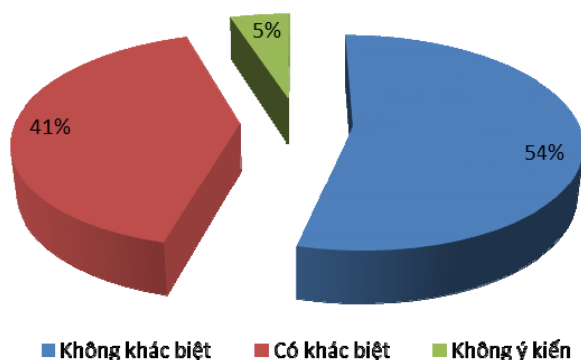
Phần lớn các luật sư trả lời bằng Bảng hỏi cho rằng họ tham gia các vụ án chỉ định là do “trách nhiệm xã hội” (xem Hình 7). Kết quả này cũng tương tự khi phỏng vấn trực tiếp các luật sư. Tuy nhiên có một luật sư được phỏng vấn sâu (3% còn lại) cho rằng nếu “tham gia bào chữa án chỉ định vì trách nhiệm xã hội” thì chỉ là cách nói có tính hình thức. Bởi lẽ án chỉ định thường là án phức tạp, mức án cao, tội phạm nguy hiểm. Các vụ án thuộc loại này có thể được “chỉ đạo” để xét xử nên rất khó bào chữa. Trong khi thù lao cho luật sư trong những vụ án “gần như là không có gì”. Thậm chí, bị can, bị cáo cũng không muốn sử dụng dịch vụ luật sư vì nhiều lý do như nhận thức yếu kém hoặc do ‘yếu tố bên ngoài tác động’.

51% luật sư trả lời bằng Bảng hỏi xác nhận việc tham gia bào chữa chỉ định còn vì “thù lao” nhưng các luật sư được phỏng vấn sâu thì từ chối lý do này. Các luật sư này cho rằng họ thường xuyên bị “lỗ về chi phí” khi thực hiện bào chữa án chỉ định. Thù lao hiện nay trả cho các luật sư tham gia các vụ án chỉ định là rất thấp, 120.000đồng/ngày làm việc. Nhiều trường hợp, luật sư chỉ được tham gia nửa ngày (1/2 ngày) để lấy lời khai hoặc tham

Hình 7: Lý do người bào chữa tham gia án chỉ định



Hình 8: Sự khác biệt về thái độ và tinh thần làm việc của người bào chữa chỉ định và bào chữa mời



gia phiên tòa thì chỉ được hưởng có 60.000đồng cho một lần tham gia. Mức phí này là quá thấp nếu luật sư phải di chuyển ra khỏi địa bàn nơi luật sư làm việc hoặc cư ngụ để có thể tham gia hoạt động bào chữa.

Một lý do mà tất cả các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng hiện nay họ tham gia bào chữa án chỉ định là do “muốn giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa cá nhân họ với cán bộ thụ lý hoặc giữa ĐLS với các cơ quan tiến hành tố tụng” hoặc “do

ĐLS phân công” hoặc “bắt buộc phải bào chữa theo quy định của Đoàn”.

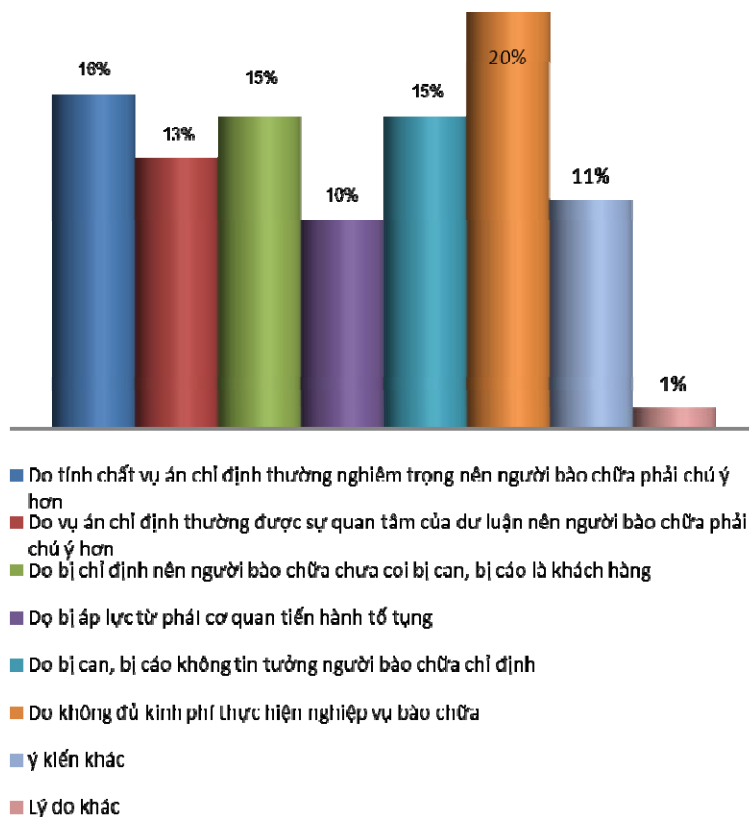
Một số lý do khác về việc các luật sư tham gia vào các vụ án chỉ định bao gồm “cần có kinh nghiệm hành nghề”, “kinh nghiệm tham gia bào chữa ở các vụ án lớn, án được sự quan tâm của dư luận”, hoặc “thể hiện bản lĩnh nghề nghiệp”. Một số luật sư cho rằng đồng nghiệp của họ tham gia vào các vụ án chỉ định vì “có thể có thêm tiền thù lao, bồi dưỡng từ gia đình của bị can, bị cáo”, hoặc “vì không có nhiều khách hàng mời nên tham gia vào án chỉ định để có thêm khách hàng, giữ mối quan hệ để có thể làm án mới khác hoặc án của trung tâm trợ giúp pháp lý”.

Có những quan điểm cho rằng luật sư tham gia bào chữa chỉ định thường có thái độ không đúng mực hoặc không nhiệt tình với công việc. Tuy nhiên, 59% các luật sư cho rằng không có sự khác biệt về thái độ và tinh thần làm của người bào chữa chỉ định và bào chữa mời (xem Hình 8). Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng khi họ đã nhận bào chữa chỉ định thì cũng cố gắng “làm hết mình” vì muốn giữ “uy tín” nghề nghiệp.

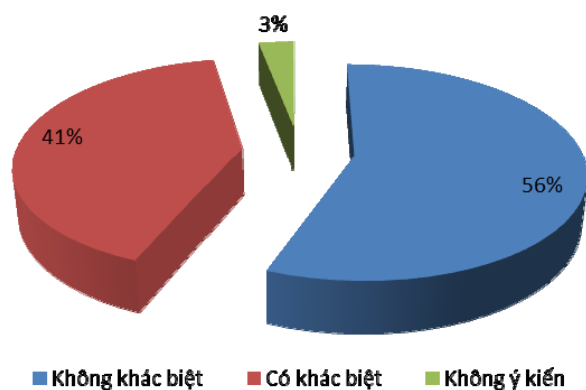
Đối với những luật sư cho rằng có sự khác biệt về thái độ và tinh thần giữa luật sư tham gia bào chữa chỉ định bào chữa và bào chữa mời, họ đã đưa ra một số nguyên nhân như phản ánh ở Hình 9. Ngoài ra, các luật sư còn có những ý kiến khác bổ sung: (i) gia đình và bản thân bị can, bị cáo của “vụ án mời” ủng hộ công việc của luật sư hơn là những gia đình và bị can, bị cáo trong “vụ án chỉ định”; (ii) án chỉ định là những loại vụ án thường được “chỉ đạo xét xử” nên khó bào chữa, khó có kết quả tốt.

Bên cạnh khảo sát về thái độ, Nhóm Nghiên cứu còn đề nghị các luật sư cho biết về quan điểm “chất lượng” khi bào chữa tại các vụ án chỉ định. Có đến 56% luật sư trả lời qua Bảng hỏi khẳng định rằng không có sự khác biệt về chất lượng bào chữa giữa án chỉ định và án mời (xem Hình 10). Để đánh giá được các ý kiến này một cách khách quan hơn thì có thể lưu ý tới ý kiến của các luật sư về nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về chất lượng bào chữa của người bào chữa chỉ định và người bào chữa mời (xem Hình 11). Trong

Hình 9: Nguyên nhân sự khác biệt giữa tinh thần và thái độ của Luật sư tham gia án chỉ định và án mời



Hình 10: Sự khác biệt về chất lượng bào chữa của người bào chữa chỉ định và bào chữa mời

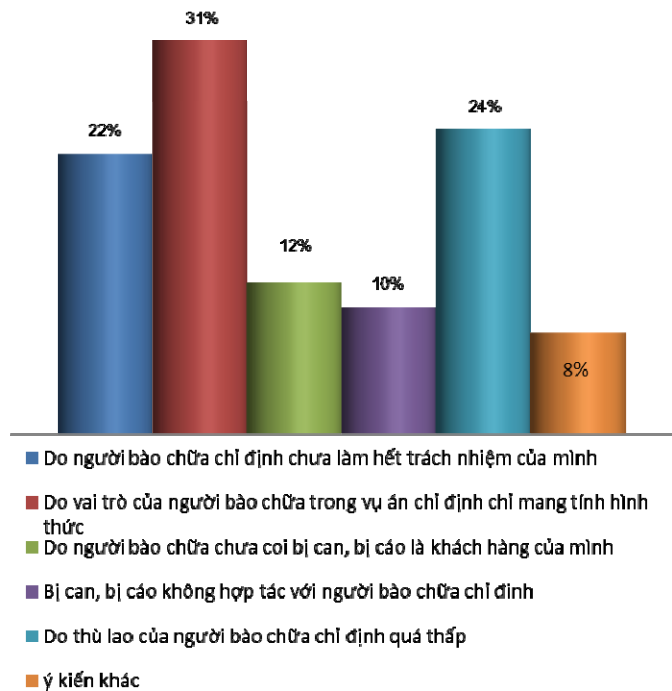


đó, ý kiến của các luật sư cho rằng người bào chữa chỉ định “chỉ mang tính hình thức” (chiếm 31% người được hỏi) và người bào chữa “chưa làm hết trách nhiệm” chiếm 22% người được hỏi.

Các luật sư cũng phản ánh rằng, một số vụ án chỉ định, cơ quan tiến hành tố tụng đã nhờ luật sư tham dự vào buổi “tổng cung” (buổi hỏi cung lần cuối) hoặc “ký hộ một số giấy tờ” để bảo đảm được yêu cầu của pháp luật¹²³. Hành vi này là trái pháp luật cần phải loại bỏ.

BLTTHS không quy định việc luật sư được cấp giấy chứng nhận người bào chữa trong giai đoạn điều tra thì có đương nhiên bào chữa trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo hay không? Các luật sư được phỏng vấn sâu phản ánh rằng họ phải thực hiện lại thủ tục xin cấp giấy chứng nhận người bào chữa khi vụ án được chuyển sang giai đoạn tố tụng tiếp theo. Việc này gây tốn kém, lãng phí thời gian và công sức cho các luật sư phải thực hiện lại thủ tục xin cấp giấy chứng nhận người bào chữa¹²⁴. Thậm chí, có luật sư phải xin tới 7 giấy chứng nhận người bào chữa trong một vụ án và cho một bị cáo.

Hình 11: Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về chất lượng bào chữa của người bào chữa chỉ định và bào chữa mời



Tiểu kết:

- Những vụ án chỉ định là những vụ án cần thiết phải có sự tham gia của người bào chữa để bảo đảm quyền lợi của bị can, bị cáo theo đúng các chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam và cam kết quốc tế. Yêu cầu này đòi hỏi các cơ quan nhà nước, MTTQ, các ĐLS và cá nhân mỗi luật sư cần phải nỗ lực hơn nữa để bảo đảm tốt hơn công tác bào chữa chỉ định này.
- Kết quả khảo sát khẳng định thêm rằng các vụ án chỉ định luật sư theo quy định của BLTTHS chủ yếu là những vụ án phức tạp về tình tiết, đối tượng phạm tội hoặc bị xâm hại hoặc những vụ án có sự quan tâm của dư luận xã hội hoặc những vụ án liên quan đến nhóm yếu thế trong xã hội. Vấn đề này đòi hỏi năng lực của luật sư khi tham gia vào các vụ án này. Cần có những phương án, cơ chế để thu hút các luật sư giỏi tham gia vào hoạt động này.

¹²³ Đỗ Văn Dương – Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, *Người Bào chữa trong tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010; Ls. Hoàng Văn Dũng, *Về khung pháp lý và thể chế ở Việt Nam về luật sư chỉ định; những hạn chế của pháp luật trong việc thực thi quy định của BLTTHS về luật sư bào chữa chỉ định và đề xuất sửa đổi*, tham luận tại Hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010; Ls. Trần Đình Triển, phát biểu tại Hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010;

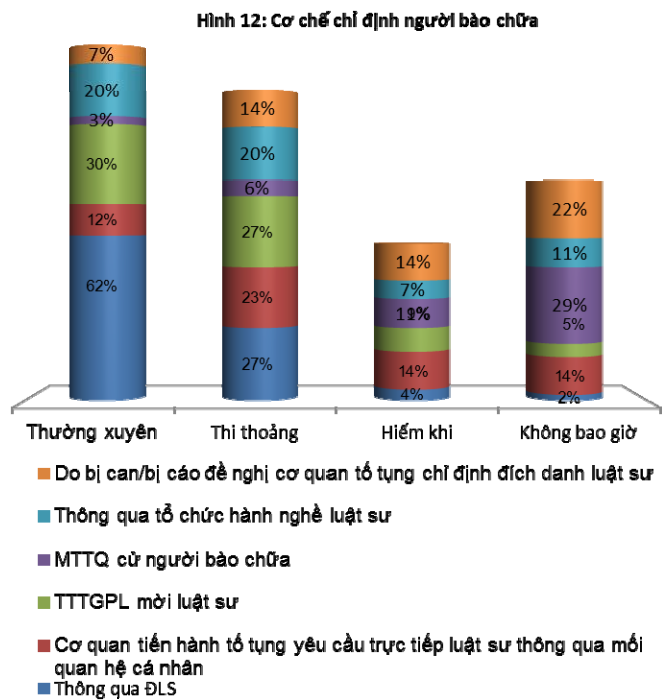
¹²⁴ Ý kiến của một số luật sư phản ánh tại hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010 và hội thảo khoa học “Bộ luật Tố tụng hình sự - những vấn đề cần sửa đổi bổ sung” do ĐLS Tp Hà Nội tổ chức trong tháng 10 năm 2009.

- Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước liên quan cần có những phương án, cơ chế khuyến khích các luật sư hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi để bảo đảm tốt hơn công tác bào chữa chỉ định tại những khu vực này, như phát triển đội ngũ luật sư địa phương hoặc tạo điều kiện cho các luật sư ở địa phương khác tới hoạt động.
- Có nhiều lý do gây trở ngại cho sự tham gia của luật sư vào những vụ án chỉ định. Vấn đề này đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần phải có biện pháp hỗ trợ và khuyến khích luật sư để giải quyết những trở ngại này. Như đã nêu ở phân tích về “xã hội hóa”, việc hỗ trợ luật sư có thể là hỗ trợ về kinh phí hoặc giảm bớt thủ tục hành chính trong tố tụng và trong việc chi trả thù lao để hạn chế bớt thời gian, công sức của luật sư trong hoạt động bào chữa.

II. CƠ CHẾ CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ

Theo quy định của Điều 57 của BLTTHS, việc chỉ định luật sư tham gia các vụ án chỉ định phải được tiến hành thông qua ĐLS hoặc MTTQ. Tuy nhiên, khảo sát các luật sư cho thấy luật sư tham gia vụ án chỉ định còn từ nhiều lý do khác nhau (xem Hình 12).

Các luật sư trả lời phỏng vấn sâu còn bổ sung thêm rằng nhiều tổ chức hành nghề luật sư hoặc cá nhân luật sư có “mối quan hệ” với một số cán bộ thụ lý hoặc cơ quan tiến hành tố tụng nên được các cơ quan này trực tiếp đề nghị tham gia vào các vụ án chỉ định. Những tổ chức hành nghề luật sư hoặc các luật sư đó khi nhận được yêu cầu từ cơ quan tiến hành tố tụng thì sẽ đề nghị ĐLS tạo điều kiện để phân công vụ việc đó cho mình giải quyết. Hình thức này không bị Ban Chủ nhiệm ĐLS nào phản đối và không bị coi là vi phạm thủ tục tố tụng. Việc trực tiếp mời luật sư tham gia bào chữa chỉ định tạo nên sự thuận tiện cho cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, cơ chế mời trực tiếp này cũng đặt ra vấn đề về “tính độc lập” của luật sư khi tham gia vụ án do chính cơ quan tiến hành tố tụng mời. Vấn đề này đặt ra một giả thiết gây tranh cãi rằng có thể cơ chế chỉ định luật sư thông qua ĐLS bảo đảm được “tính độc lập” của luật sư trong công tác bào chữa chỉ định¹²⁵.



Kết quả khảo sát cũng khẳng định rằng phần lớn (77%) luật sư được hỏi cho rằng cơ chế chỉ định người bào chữa thông qua ĐLS là phù hợp trong khi chỉ có 9% không nhất trí với ý kiến này (xem Hình 13). Việc cử người bào chữa của trung tâm TGPL cũng được 48% luật sư cho là phù

¹²⁵ Tại Hội thảo “Góp ý cho Báo cáo Nghiên cứu Bào chữa chỉ định theo Bộ luật Tố tụng hình sự và Thực tiễn áp dụng tại Việt Nam” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 25/05/2010, có một số các ý kiến khác biệt về vấn đề “bảo đảm tính độc lập của luật sư” thông qua cơ chế mời luật sư tham gia bào chữa chỉ định.

hợp. Điều này khẳng định rằng cơ chế chỉ định luật sư hiện nay theo BLTTHS và Luật TGPL được nhiều luật sư đánh giá phù hợp. Do đó, vấn đề này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng và bản thân các luật sư cần phải nghiêm túc thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

Có một số luật sư (18/31) được phỏng vấn sâu phản ánh rằng cơ chế chỉ định thông qua ĐLS là rườm rà và không cần thiết. Có 2/31 luật sư cho rằng cơ chế chỉ định thông qua ĐLS sẽ tạo nên yếu tố tiêu cực khi Ban chủ nhiệm của ĐLS lựa chọn một số án chỉ định có lợi cho cá nhân mình. 16% luật sư trả lời Bảng hỏi cho rằng cơ chế chỉ định hiện tại là “*phức tạp và rườm rà*”, 23% số người được hỏi cho rằng “*cơ chế chỉ định, cử người bào chữa không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng*”. Một thành viên Ban chủ nhiệm của ĐLS Tp. Hồ Chí Minh cho rằng nếu thực hiện quy trình mời luật sư thông qua ĐLS sẽ mất nhiều thời gian và không bảo đảm được yêu cầu của tố tụng mà nên đơn giản hóa bằng việc các cơ quan tiến hành tố tụng mời luật sư trực tiếp thông qua tổ chức luật sư¹²⁶.

Có 4 điều tra viên và 2 kiểm sát viên cho rằng cơ chế chỉ định thông qua ĐLS hiện nay có một số bất cập như: “*có ĐLS không có trụ sở riêng nên cơ quan tiến hành tố tụng không biết phải gửi công văn cho ĐLS của tỉnh tới địa chỉ nào*”, “*việc phân công luật sư tham gia án chỉ định của ĐLS là rất chậm, không bảo đảm tiến độ điều tra*” hoặc “*Ban chủ nhiệm làm việc không tích cực dẫn đến các vụ án không có luật sư tham gia nên tiến độ giải quyết vụ án bị chậm*”.

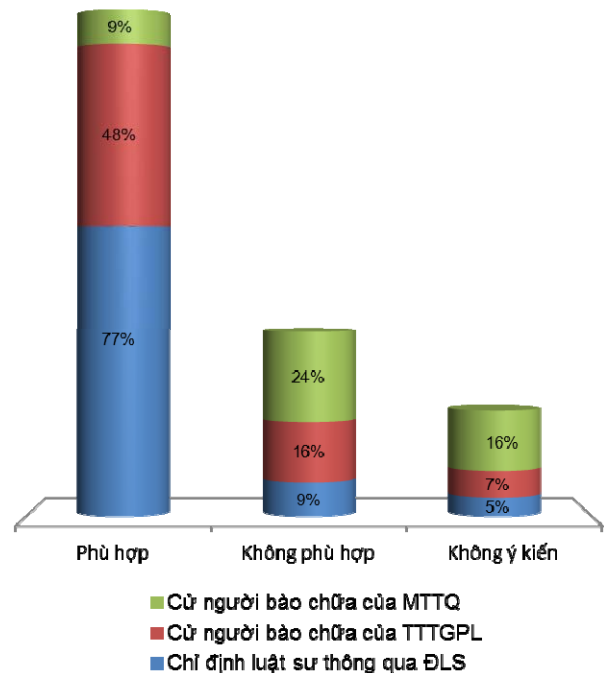
Tiểu kết:

Cơ chế chỉ định luật sư thông qua ĐLS và MTTQ theo BLTTHS và cử luật sư tham gia bào chữa tại các vụ án TGPL thông qua TTTGPL được coi là bảo đảm được tính độc lập trong cơ chế chỉ định luật sư. Vấn đề đáng lưu tâm là làm sao thực thi nghiêm túc cơ chế này của các cơ quan tiến hành tố tụng, Ban Chủ nhiệm ĐLS và các luật sư cần nhằm bảo đảm “*tính độc lập*” trong quy trình phân công luật sư tham gia các vụ án chỉ định.

Tuy nhiên, cơ chế hiện hành lại chưa mở rộng được các đối tượng khác tham gia vào công tác bào chữa chỉ định dẫn đến một số vụ án cần có luật sư tham gia bào chữa nhưng không có luật sư. Điều này gây trở ngại đáng kể cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm các yêu cầu của công tác tố tụng.

Các ĐLS cũng cần phải xây dựng một quy trình thuận tiện, nhanh chóng và minh bạch về phân công luật sư tham gia bào chữa chỉ định.

Hình 13: Đánh giá về cơ chế chỉ định người bào chữa



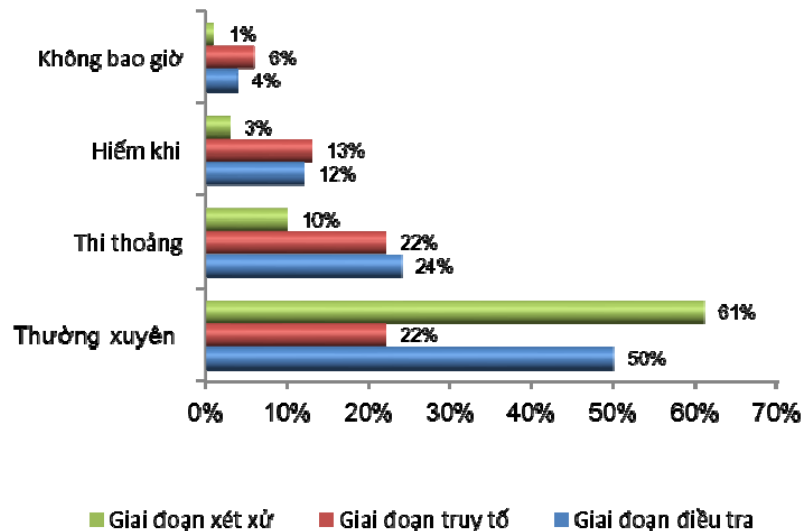
¹²⁶ Ý kiến của luật sư Nguyễn Văn Trung – Phó Chủ nhiệm ĐLS Tp. Hồ Chí Minh trong hội thảo “*Quyền bào chữa theo pháp luật tố tụng hình sự*” tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 02-03/12/2010, thông qua bài tham luận “*Vai trò của đoàn luật sư địa phương đối với việc hỗ trợ thực hiện các quyền của luật sư tham gia trong các giai đoạn tố tụng – bao gồm việc phân công trong các vụ án chỉ định*”.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI CỦA LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Theo khảo sát, luật sư chủ yếu được tham gia vào giai đoạn xét xử, chiếm 61% và từ giai đoạn điều tra là 50% (xem Hình 14).

Tỷ lệ này là tương đối cao và thể hiện tính tích cực của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tạo điều kiện cho luật sư trong các vụ án chỉ định. 24/31 luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ được tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia thủ tục tố tụng trong các vụ án chỉ định từ giai đoạn điều tra hơn là vụ án mời.

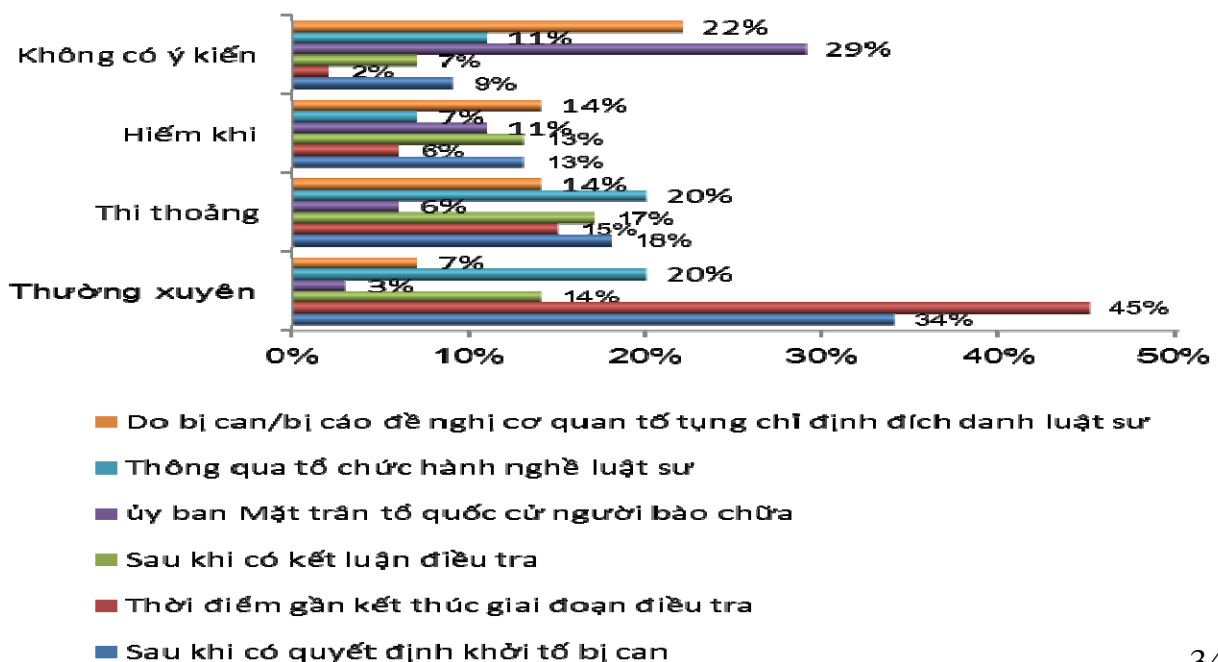
Hình 14: Giai đoạn tố tụng người bào chữa chỉ định được tham gia



1. Giai đoạn điều tra

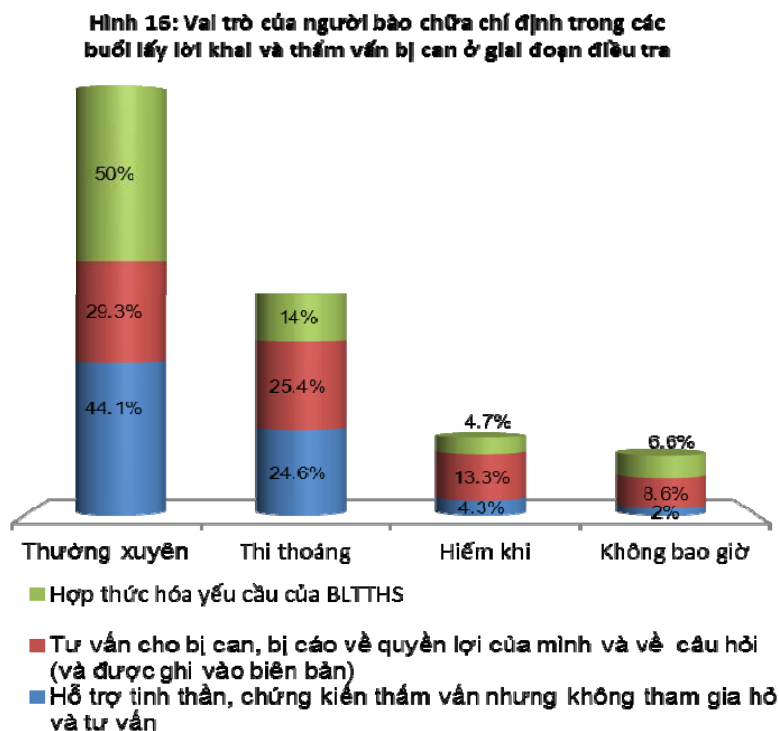
Tất cả các luật sư được phỏng vấn sâu đều mong muốn được tham gia tố tụng ngay từ giai đoạn điều tra, cụ thể là ngay khi có quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can nhưng thực tế hiện nay thì tham gia từ giai đoạn điều tra chiếm tỷ lệ khiêm tốn (xem Hình 15).

Hình 15: Tham gia của người bào chữa



Có một số luật sư cho rằng tham gia “ngay khi có quyết định khởi tố bị can” nhưng chỉ là mang tính “hình thức” chứ không được “thoải mái hành nghề” như sau khi “đã có kết luận điều tra” (xem Hình 16).

Hơn nữa, để luật sư có thể tham gia giai đoạn điều tra thì còn phụ thuộc vào thủ tục cấp GCNNBC. 52% luật sư được hỏi cho rằng họ thường xuyên tham gia giai đoạn điều tra ngay khi được cấp giấy chứng nhận người bào chữa, so với 33% luật sư cho rằng họ chỉ tham gia tại lần “tổng cung” cuối cùng hay 17% luật sư chỉ tham gia khi có kết luận điều tra.



Bảng 6: Cơ quan điều tra tạo điều kiện để người bào chữa chỉ định tham gia vào các hoạt động điều tra liên quan đến người mà mình nhận bào chữa

(% theo số người trả lời)

	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Thông báo về thời gian và địa điểm hỏi cung	39	31	15	10
Thông báo về việc di chuyển địa điểm tạm giam	10	15	21	31
Thông báo về việc tiến hành hoạt động điều tra có liên quan (khám nghiệm hiện trường v.v..)	11	15	27	30
Thông báo sự cố xảy ra với bị can khi bị tạm giam	8	11	24	33
Gửi kết luận điều tra	25	28	17	15
Khám nghiệm hiện trường	6	12	24	38
Khám xét, thu giữ và kê biên tài sản	3	11	21	42
Định giá tài sản	4	11	20	40
Giám định tài sản	5	9	21	43
Thu thập chứng cứ	5	11	24	40
Tham gia đối chất, hỏi cung bị can/bị cáo	23	35	20	12
Thực nghiệm điều tra	5	15	26	32

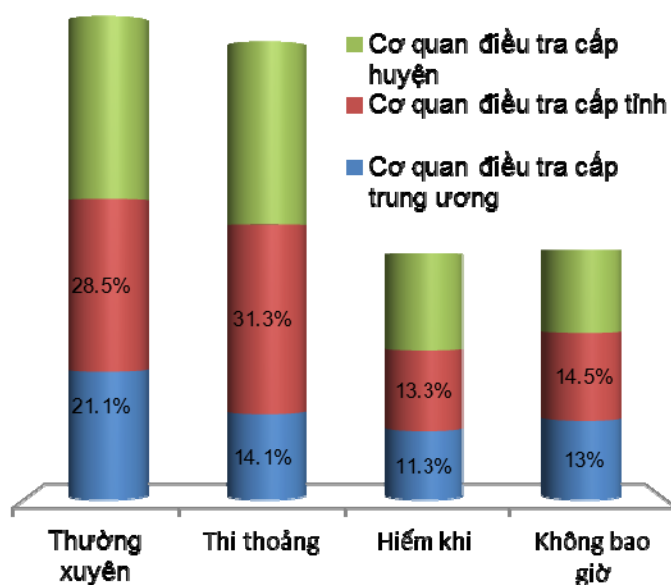
Kết quả khảo sát nêu tại Bảng 6 ở trên đã thể hiện rõ mức độ tạo điều kiện của cơ quan điều tra đối với luật sư trong các vụ án chỉ định. Chủ yếu cơ quan điều tra chỉ gửi “thông báo về

thời gian và địa điểm hỏi cung” ở mức độ “thường xuyên” là cao nhất. Trong khi có rất nhiều hoạt động nghiệp vụ điều tra khác luật sư không được tham dự. Điều này đòi hỏi cần phải có những cải thiện về thủ tục và quan điểm của cơ quan điều tra đối với sự tham gia của luật sư vào các hoạt động điều tra.

Các cán bộ điều tra được phỏng vấn thì cho rằng họ luôn luôn tạo điều kiện cho các luật sư hành nghề dù là án chỉ định hay án mời. Tuy nhiên, phần lớn án chỉ định là án thường có mức độ vi phạm pháp luật nghiêm trọng, tính chất tội phạm nguy hiểm nên cán bộ điều tra trong nhiều trường hợp thì cần phải bảo đảm bí mật công tác điều tra nên luật sư chưa thể tham dự được ngay từ giai đoạn đầu. Khi nào công tác điều tra đã tương đối ổn định, rõ ràng thì cơ quan điều tra sẽ tạo điều kiện cho luật sư.

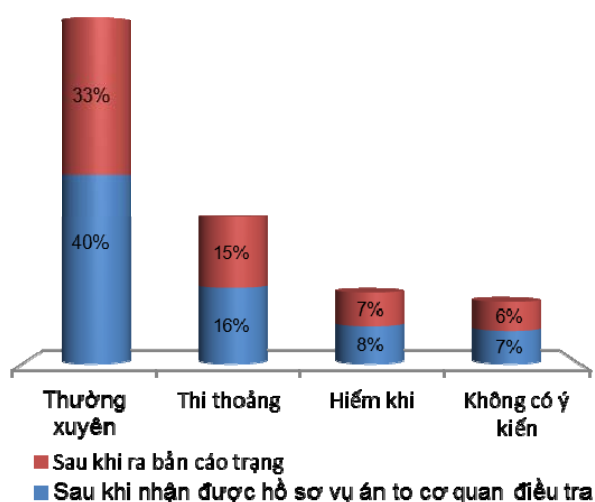
Theo đánh giá của các luật sư, cơ quan điều tra cấp huyện là cơ quan tạo điều kiện thường xuyên nhất cho các luật sư (xem Hình 17). Tuy nhiên xét trên các tiêu chí đánh giá thì cơ quan điều tra cấp huyện luôn chiếm ở mức độ cao ở các tiêu chí “Thường xuyên”, “Thi thoảng”, “Hiếm khi” và “Không bao giờ”. Một điều đáng lưu ý rằng hiện nay do việc tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện dẫn đến thẩm quyền điều tra cấp huyện cũng được tăng theo nên nhiều vụ án do cơ quan điều tra cấp huyện xử lý. Theo đánh giá của mười bảy (17) luật sư được phỏng vấn sâu thì các vụ án ở cấp huyện thường ít nghiêm trọng, ít nhạy cảm hơn so với các vụ án của cấp tỉnh. Bởi vậy, cơ quan điều tra cấp huyện dễ dàng tạo điều kiện cho luật sư.

Hình 17: Người bào chữa chỉ định có được các cơ quan điều tra tạo điều kiện tiếp cận



Một số luật sư ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh được phỏng vấn sâu có quan điểm ngược lại. Các luật sư này cho rằng cơ quan điều tra cấp trung ương cũng rất tạo điều kiện cho các luật sư được tiếp cận hồ sơ vụ án từ rất sớm.

Hình 18: Tham gia của người bào chữa trong giai đoạn truy tố



2. Giai đoạn truy tố

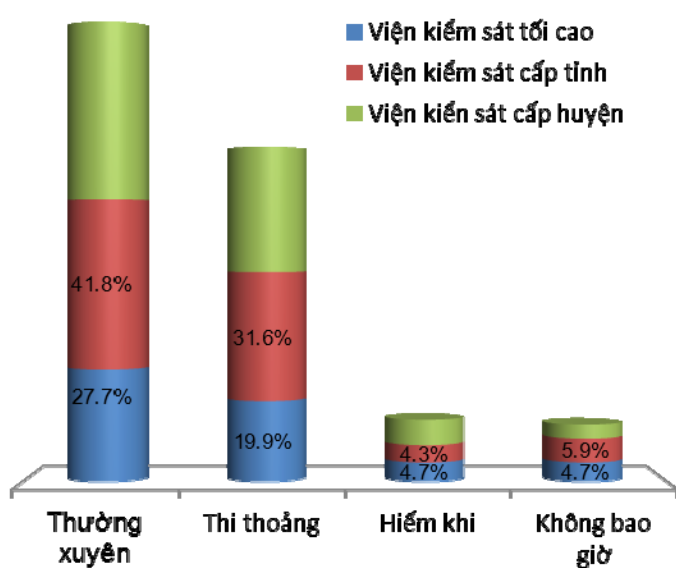
Giai đoạn truy tố là giai đoạn ngắn trong hoạt động tố tụng, 20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra. Trong giai đoạn này, VKS phải ra một trong những quyết định sau đây:

- Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng;
- Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

c. Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án¹²⁷.

Ở giai đoạn truy tố thì tỷ lệ tham gia của luật sư trong các vụ án chỉ định không nhiều (Xem Hình 12). Có 40% luật sư thường xuyên tham gia “sau khi nhận được hồ sơ vụ án từ Cơ quan điều tra” và có 33% thường xuyên tham gia khi VKS “ra bản cáo trạng” (xem Hình 18). Tuy nhiên, các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng ít khi họ tham gia bào chữa tại giai đoạn này vì thực tế giai đoạn này rất ngắn. Nếu VKS nhận thấy các vụ án phải chỉ định luật sư mà chưa có luật sư trong giai đoạn điều tra thì VKS sẽ yêu cầu cơ quan điều tra phải điều tra lại với sự tham gia của luật sư. Còn trong trường hợp vụ án đã có luật sư tham gia từ giai đoạn điều tra thì VKS ra cáo trạng và chuyển vụ án cho tòa án.

Hình 19: Người bào chữa chỉ định có được VKS tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ vụ án



Một số kiểm sát viên bộc lộ rằng khi nhận được hồ sơ vụ án từ cơ quan điều tra chuyển sang thì họ có gửi công văn tới ĐLS hoặc luật sư đã tham gia được biết là VKS đang xem xét vụ án. Có kiểm sát viên cho rằng đối với những vụ án chỉ định thì khi tổng đạt cáo trạng kiểm sát viên này bao giờ cũng mời luật sư đã tham gia từ giai đoạn điều tra cùng đi tổng đạt với mình.

Các kiểm sát viên cho rằng luật sư ít khi tham gia tích cực trong giai đoạn truy tố, bao gồm cả án chỉ định và án mời. Thực tế, luật sư chủ yếu tích cực trong giai đoạn điều tra và xét xử.

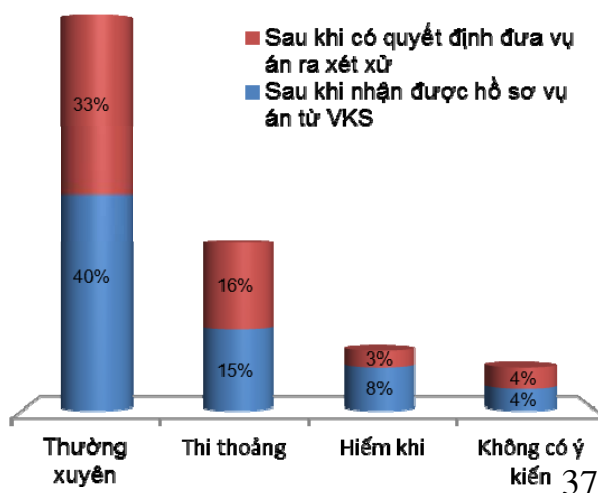
Trương tự với kết quả khảo sát mức độ tạo điều kiện của cơ quan điều tra (xem Hình 17), tỷ lệ luật sư cũng đánh

giá mức độ hợp tác của VKS cấp huyện ở mức “thường xuyên” cũng là nhiều nhất, kể đến là VKS cấp tỉnh (xem Hình 19).

3. Giai đoạn xét xử

Trong giai đoạn xét xử, tỷ lệ các luật sư tham gia “sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử” nhiều hơn không nhiều so với các luật sư tham gia “sau khi nhận được hồ sơ vụ án từ Viện kiểm sát” (xem Hình 20). Đây là một thực tế cần phải cải thiện, việc các luật sư chỉ tham gia “sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử” sẽ dẫn đến việc các luật sư không thực hiện tốt công tác bào chữa. Như đã đề cập, có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc luật sư không chủ động với công tác bào

Hình 20: Tham gia của người bào chữa trong giai đoạn xét xử



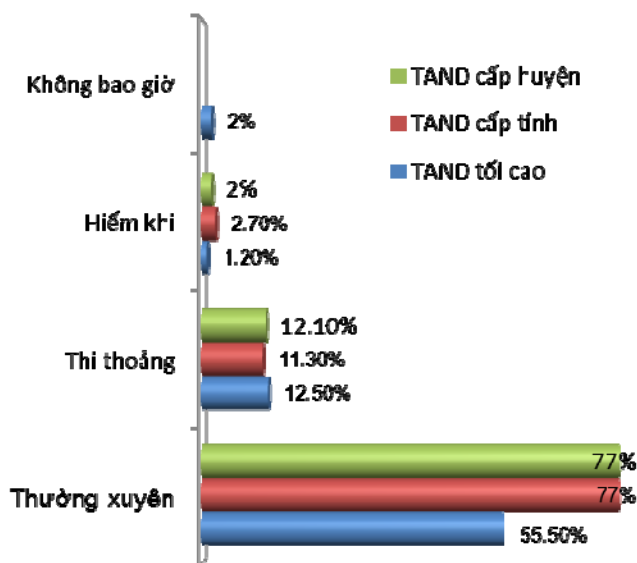
¹²⁷ BLTTHS, Điều 166.

chứa trong các vụ án chỉ định dẫn tới việc nhiều luật sư chỉ tham gia vào giai đoạn xét xử, khi vụ án được đem ra xét xử.

Các thẩm phán tham gia phỏng vấn sâu cho rằng nhiều luật sư chỉ tham gia vào ngày xét xử mà không tham tích cực tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án, gặp bị cáo trước khi xét xử. Thậm chí có tình trạng, luật sư ra tòa đọc nhầm cả tên bị cáo, tội danh bị cáo... Ở một số tòa án, lãnh đạo tòa án thường yêu cầu thẩm phán hoặc thư ký tòa yêu cầu luật sư phải tới gặp bị cáo trước phiên xử hoặc cho phép lùi thời gian phiên xử để luật sư có thể trao đổi với bị cáo nhằm hạn chế tình trạng trên.

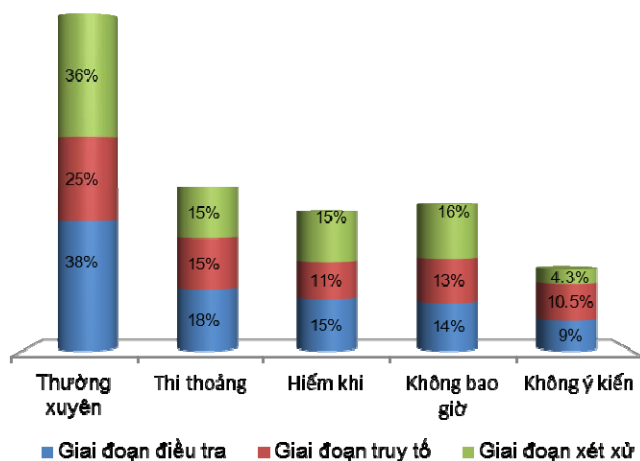
Mức độ hài lòng của các luật sư đối với khả năng tạo điều kiện của tòa án ở tòa án cấp huyện, tòa án cấp tỉnh tương đương nhau (xem Hình 21).

Hình 21: Người bào chữa chỉ định có được TAND tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ vụ án



4. Thời gian tham gia hoạt động bào chữa

Hình 22: Thời gian người bào chữa chỉ định tham gia tố tụng có đủ để thực hiện tốt bảo vệ bị cáo

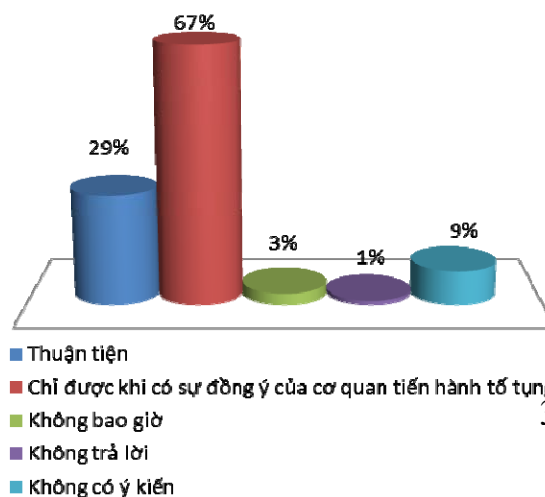


nghiên cứu hồ sơ được tốt hơn.

Các luật sư đánh giá thời gian được tạo điều kiện thuận lợi để bào chữa trong các vụ án chỉ định là “thường xuyên đủ” khá cao so với các mức độ khác, “Thi thoảng đủ”, “Không bao giờ đủ”, “Đủ hay thiếu do năng lực” (xem Hình 22).

Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng các vụ án chỉ định thường là những vụ án nghiêm trọng cho nên các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để người bào chữa có thời gian

Hình 23: Trại giam có tạo điều kiện cho người bào chữa chỉ định tiếp xúc bị can, bị cáo



5. Hỗ trợ của trại giam, trại tạm giam

Các luật sư đánh giá sự hỗ trợ của trại giam là tương đối tích cực (xem Hình 23). Mặc dù, nhiều trại giam cho phép luật sư được tiếp xúc bị can sau khi kết thúc giai đoạn điều tra và

luật sư có giấy chứng nhận người bào chữa của VKS hoặc tòa án. Một số trại giam yêu cầu phải có thêm “ghi bút” hoặc “phê duyệt” của cơ quan tiến hành tố tụng cho phép luật sư được gặp bị can, bị cáo.

Chỉ có ba luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ có thể làm việc thuận tiện với trại tạm giam của tỉnh mình, nhưng đó là những luật sư có mối quan hệ cá nhân với cơ quan quản lý trại giam.

Các luật sư còn lại thường bị đòi hỏi nhiều loại giấy tờ để được gặp bị can trong giai đoạn điều tra cho dù luật sư đã được cấp giấy chứng nhận người bào chữa.

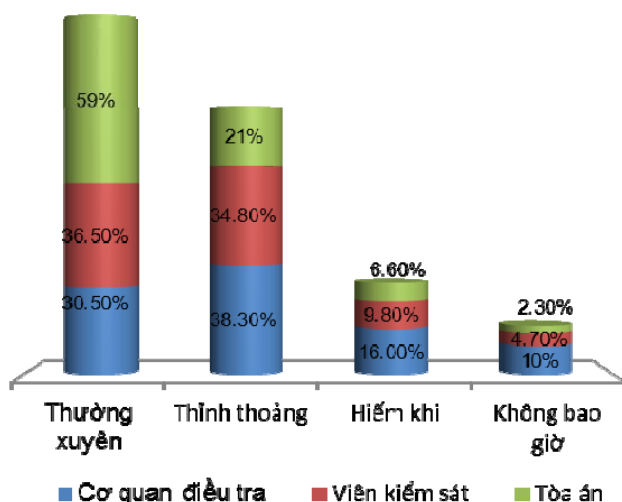
Tuy nhiên, tất cả các luật sư được phỏng vấn sâu cũng đề nghị phải thay đổi thủ tục gặp bị can, bị cáo trong trại tạm giam hoặc trại giam. Các luật sư đề nghị chỉ cần luật sư xuất trình giấy chứng nhận người bào chữa là họ có thể được phép tiếp xúc bị can, bị cáo sau khi kết thúc giai đoạn điều tra mà không cần phải có thư giới thiệu hay bất kỳ phê duyệt nào. Việc cơ quan quản lý trại giam gây khó khăn cho luật sư sẽ gây tốn kém về chi phí và thời gian cho các luật sư bởi vì trại tạm giam hay trại giam thường xa nơi trung tâm đô thị nên việc di chuyển mất nhiều thời gian mà nhiều khi tới nơi lại không giải quyết được công việc.

Bảng 7: Lý do trại tạm giam không tạo điều kiện cho người bào chữa chỉ định gặp gỡ, tiếp xúc bị can, bị cáo

(% theo số người trả lời)

Lý do	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Vì quá tải công việc	5	6	2	4
Thủ tục yêu cầu gặp bị can, bị cáo phức tạp	14	6	1	3
Do công tác đột xuất của trại nên không trích xuất được	4	6	2	4
Do quá thời gian quy định của Trại giam mặc dù trong giờ hành chính	16	8	1	4
Do cơ quan tiến hành tố tụng không cho phép gặp bị can, bị cáo	5	10	3	2
Do bị can, bị cáo không muốn gặp	0	5	4	6

Hình 24: Mức độ tạo điều kiện cho người bào chữa chỉ định trong việc tiếp xúc với bị can, bị cáo tạm giam



Có nhiều lý do mà cơ quan quản lý trại tạm giam hoặc trại giam không tạo điều kiện cho người bào chữa, mặc dù là trong các vụ án chỉ định (xem Bảng 7). Trong đó, nổi bật là thủ tục để được gặp bị can, bị cáo là phức tạp.

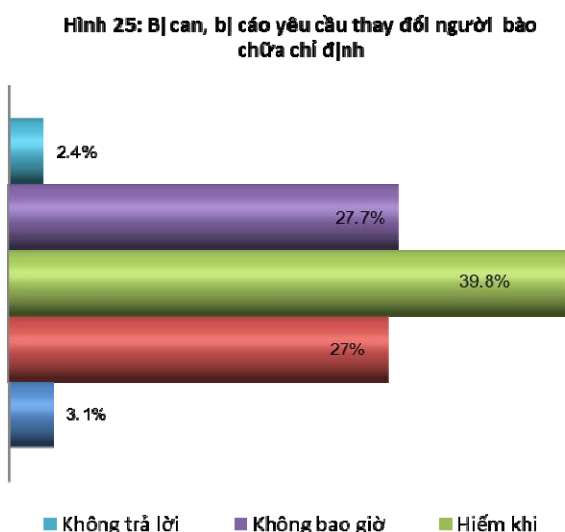
Một số trại tạm giam mà Nhóm Nghiên cứu có điều kiện được ghé thăm có phòng tiếp xúc cho bị can, bị cáo được tiếp xúc với người bên ngoài. Tuy nhiên, chỉ có cán bộ điều tra hoặc kiểm sát viên là được tiếp xúc riêng với bị can, bị cáo còn người bào chữa hay gia đình chỉ được tiếp xúc dưới sự giám sát của cán bộ trại tạm giam.

Điều này đã làm hạn chế rất nhiều khả năng thu thập thông tin của người bào chữa và gây tâm lý không tốt tới bị can, bị cáo. Các cán bộ trại giam cho biết trại giam phải bảo đảm được sự an toàn của luật sư khi tiếp xúc với bị can, bị cáo, đặc biệt là những bị can, bị cáo là những đối tượng phạm tội nguy hiểm, mức án cao, thuộc các trường hợp của “án chỉ định”.

Theo quan sát của Nhóm Nghiên cứu tại một số trại tạm giam, các trại tạm giam không có tấm bảng hướng dẫn về “quyền của bị can, bị cáo theo BLTTHS”. Có trại tạm giam có bảng hướng dẫn này nhưng lại được treo ở phía bên ngoài cổng và chỉ có người không bị tạm giam đọc được, không rõ những người bị tạm giam có thể có được những thông tin về quyền bào chữa hay không.

6. Thái độ của bị can, bị cáo đối với luật sư tại vụ án chỉ định

Theo đánh giá của luật sư, bị can hay bị cáo hiếm khi thay đổi người bào chữa chỉ định (xem Hình 25).



Theo các luật sư được phỏng vấn thì chưa có luật sư nào gặp phải trường hợp bị cáo đề nghị đổi người bào chữa chỉ định. Có một luật sư đã nhận được thông báo của cơ quan điều tra về việc bị can đề nghị đổi người bào chữa. Nhưng khi luật sư đề nghị được gặp trực tiếp bị can và người nhà bị can thì bị can đó đã rút lại đề nghị thay đổi luật sư.

Có hai luật sư cho rằng các luật sư chỉ định ít khi bị bị can hay bị cáo thay đổi vì nhiều lý do. Tuy nhiên, hai luật sư này cho rằng một lý do mà bị cáo không đổi luật sư là một số luật sư tham gia án chỉ định có mối quan hệ với cơ quan điều tra nên bị cáo đã được “khuyên” về việc dùng luật sư đó.

Có một người đã từng thụ án tù cho biết đã từng đề nghị “đổi luật sư” nhưng không được chấp nhận. Khi ra xét xử, tòa án đã cho phép người này được dùng cả luật sư mời lẫn luật sư chỉ định tham gia bào chữa. Điều mà người này bức xúc đó là “luật sư mời thì tranh luận theo hướng bị cáo không phạm tội còn luật sư chỉ định thì cãi theo hướng bị cáo phạm tội lần đầu xin được khoan hồng để giảm nhẹ hình phạt”. Dẫn đến người này đã nộp đơn kháng án và sử dụng ngay luật sư mời ở giai đoạn phúc thẩm.

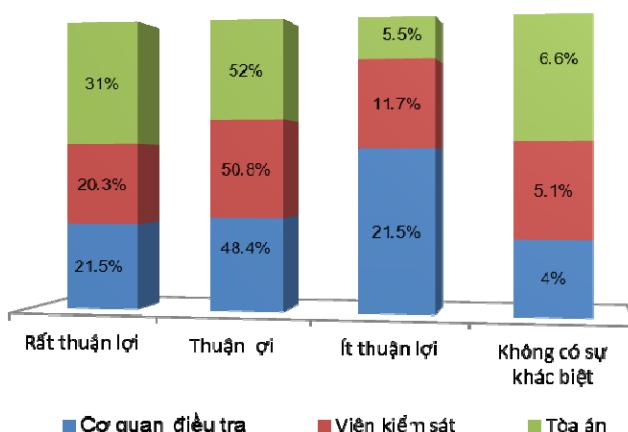
Các kiểm sát viên và thẩm phán hầu hết cho rằng người phạm tội thường có “trình độ nhận thức yếu” hoặc “không có tiền” nên khi có người bào chữa miễn phí thì họ chấp nhận ngay và không muốn thay đổi. Chỉ có một số ít bị can, bị cáo e ngại phải trả phí luật sư thì mới từ chối luật sư. Những cán bộ này cũng nhấn mạnh rằng một số luật sư làm việc không hết mình trong các vụ án chỉ định nên bị can, bị cáo đã thất vọng dẫn đến từ chối luật sư. Có trường hợp, bị cáo từ chối luật sư tại phiên tòa vì cho rằng không biết có luật sư tham gia và ngoài ra e ngại luật sư không hiểu thấu đáo nội dung vụ án để có thể bào chữa tốt được.

7. Khả năng thuận lợi của luật sư tham gia vụ án chỉ định

Kết quả khảo sát cho thấy rằng luật sư tham gia các vụ án chỉ định được các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi hơn so với các luật sư tham gia các vụ án mời (xem Hình 26). Dưới 10% các luật sư cho rằng không có sự khác biệt giữa luật sư tham gia án mời với luật sư tham gia án chỉ định.

Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng án chỉ định là án mà cơ quan tiến hành tố tụng cần luật sư để bảo đảm cho hoạt động tố tụng được đúng pháp luật. Bởi vậy, cơ quan tiến hành tố tụng cần phải tạo điều kiện cho luật sư. Ý kiến này cũng tương tự với ý kiến của nhiều kiểm sát viên và thẩm phán khi phỏng vấn sâu.

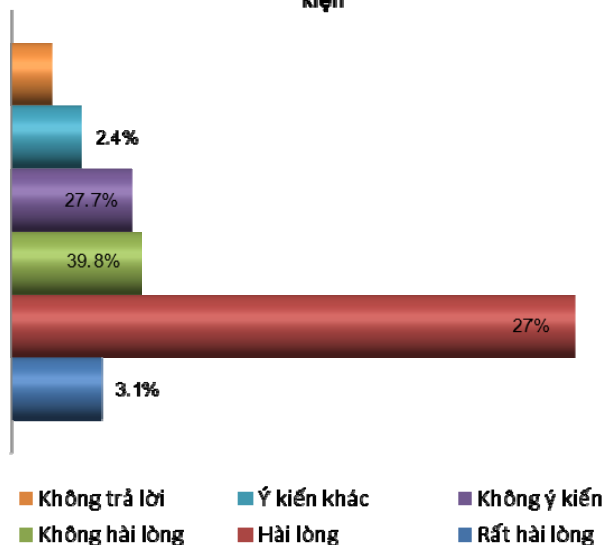
Hình 26: Người bào chữa chỉ định có thuận lợi hơn người bào chữa mời



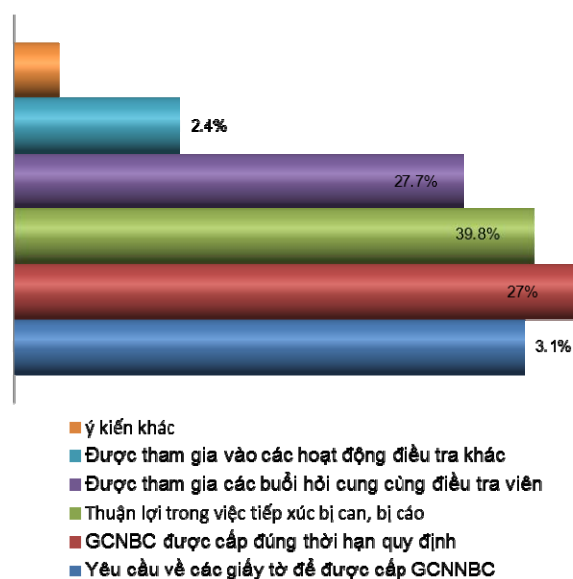
Bảng 8: Lý do khiến người bào chữa chỉ định có được các cơ quan tiến hành tạo thuận lợi hơn người bào chữa được mời
(tỷ lệ % theo số người được khảo sát)

Lý do	
Do các vụ án chỉ định thường là những vụ án có tính chất nghiêm trọng	30
Do các vụ án chỉ định thường là những vụ án được dư luận quan tâm	22
Do cơ quan tiến hành tố tụng cần người bào chữa chỉ định để đảm bảo đúng thủ tục tố tụng	80
Do mối quan hệ cá nhân giữa cán bộ thụ lý và người bào chữa	9
Ý kiến khác	3

Hình 27: Mức độ hài lòng của người bào chữa chỉ định đối với thuận lợi do cơ quan tố tụng tạo điều kiện



Hình 28: Những thuận của người tham gia bào chữa chỉ định

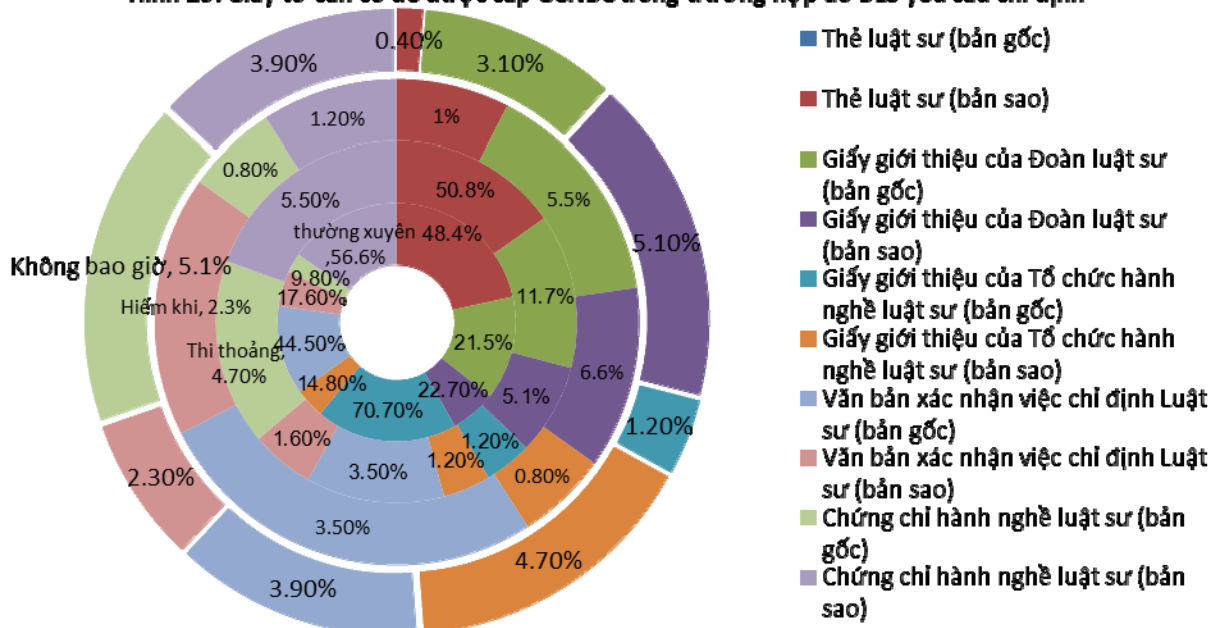


Thậm chí, lãnh đạo của một tòa án tỉnh cho biết ở những vụ án chỉ định luật sư thì tòa án thường phải cử một thư ký liên hệ thường xuyên tới luật sư được phân công để bảo đảm việc luật sư tới phiên xử, tránh cho phiên xử bị hoãn. Thậm chí, nhiều trường hợp, thư ký tòa án phải đi đón luật sư tới phiên xử.

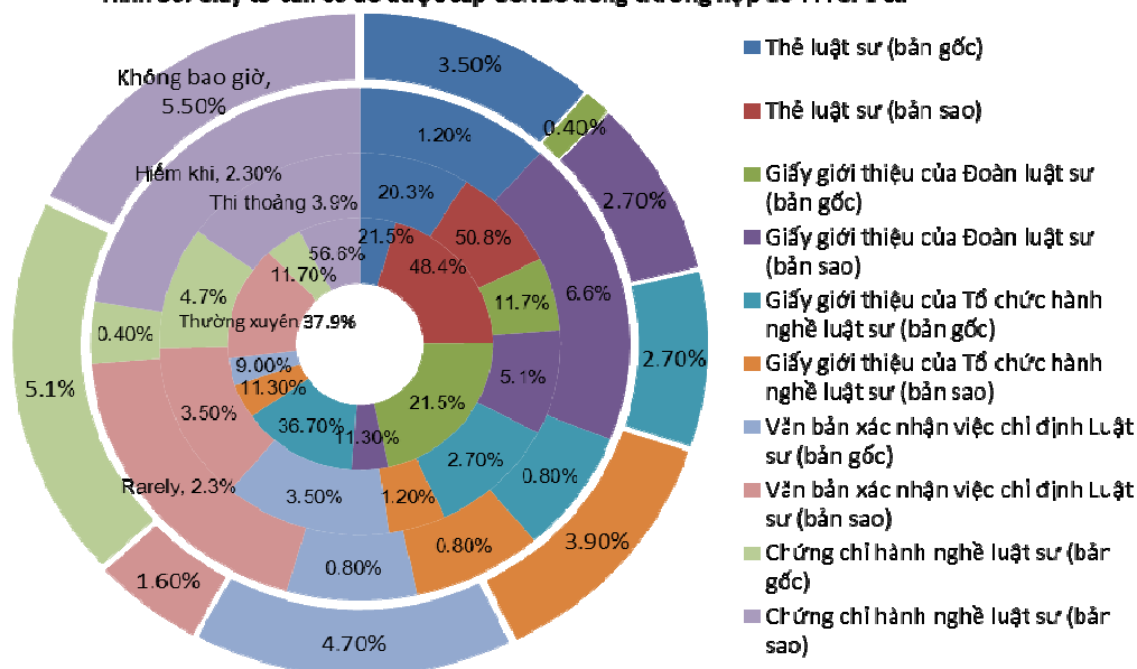
Có hai cán bộ điều tra cho biết họ thường xuyên sử dụng tiền cá nhân của mình để thanh toán thù lao cho luật sư vào những ngày cần lấy cung, thường là buổi “tổng cung”. Mục tiêu của việc thanh toán để làm thuận tiện cho luật sư khi lấy thù lao. Sau đó, các cán bộ này thực hiện thủ tục hành chính về thanh toán sau. Hai cán bộ này cho rằng nếu không làm như vậy thì rất khó mời luật sư của tỉnh nhà tham gia vào các vụ án của họ. Thực tế, số lượng luật sư tại tỉnh của họ ít mà lượng án lại nhiều nên nếu không có luật sư tham gia vào buổi “tổng cung” thì rất dễ hồ sơ vụ án của họ bị hủy hoặc trả lại để điều tra bổ sung.

Các cơ quan tiến hành tố tụng đã tạo điều kiện cho các luật sư tham gia bào chữa chỉ định được phản ánh thông qua mức độ đánh giá cảm tính của các luật sư (xem Hình 27). Tỷ lệ “không hài lòng” đối với các cơ quan tiến hành tố tụng không nhiều. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng để đánh giá mức độ hài lòng của luật sư đối với cơ quan tiến hành tố tụng thì phải phụ thuộc vào từng địa phương, từng cơ quan tiến hành tố tụng. Cũng có ý kiến cho rằng ‘*khó đánh giá*’ bởi trên thực tế cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trong hoạt động này.

Hình 29: Giấy tờ cần có để được cấp GCNBC trong trường hợp do ĐLS yêu cầu chỉ định



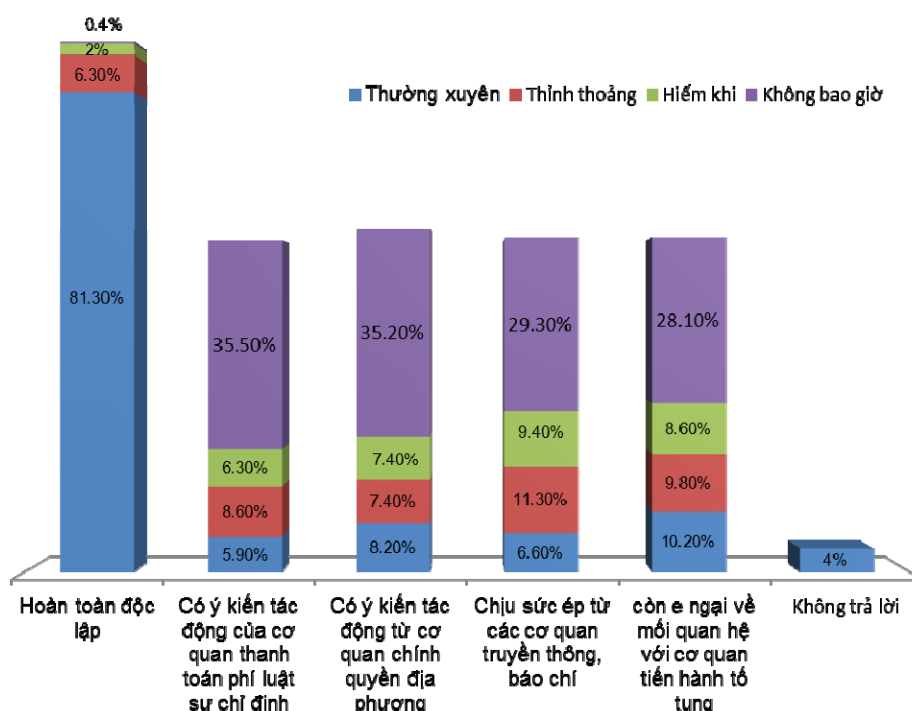
Hình 30: Giấy tờ cần có để được cấp GCNNBC trong trường hợp do TTGPL cử



Những thuận lợi cho các luật sư tham gia vụ án chỉ định cũng rất đa dạng. Thuận lợi do được “cấp giấy chứng nhận người bào chữa”, “trong việc tiếp xúc bị can”, “tham gia các buổi hỏi cung”... (xem Hình 28). Một số luật sư cho rằng khi họ mới vào nghề họ rất muốn được tham gia vào các vụ án chỉ định để có kinh nghiệm, đặc biệt là họ được các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện cho tham gia nhiều hoạt động tố tụng hơn là người bào chữa mời.

Vấn đề được nhiều luật sư phản ánh là vấn đề GCNNBC kể từ khi có BLTTHS 2003 cho đến nay. Đối với các vụ án chỉ định hoặc các vụ án do TTGPL cử người bào chữa được đánh giá là có được tạo điều kiện về việc cấp GCNNBC hơn so với các vụ án mời (xem Hình 27 và Hình 28).

Hình 31: Người bào chữa chỉ định có được độc lập để bào chữa cho bị cáo



Mặc dù có những thuận lợi như vậy, nhưng người bào chữa trong các vụ án chỉ định cũng gặp nhiều thách thức trong quá trình hành nghề, ví dụ như tính độc lập của người bào chữa, áp lực của cơ quan tiến hành tố tụng do phải tuân thủ quy định về bắt buộc phải có người bào chữa tại Điều 57 của

BLTTHS.

Thách thức về tính độc lập: Như đã nêu ở trên, nhiều luật sư tham gia các vụ án chỉ định là do mối quan hệ cá nhân giữa luật sư, tổ chức hành nghề với cán bộ thụ lý. Tuy nhiên, phần lớn các luật sư cho rằng mình “hoàn toàn độc lập” trong quá trình hành nghề tại các vụ án chỉ định (xem Hình 31).

Các luật sư trả lời phỏng vấn sâu cho biết thêm, nhiều vụ án chỉ định là những vụ án “điểm” hoặc “trọng án” nên dư luận xã hội, áp lực từ chính quyền địa phương về quan điểm xử lý vụ án nên đã tác động tới tính độc lập về chuyên môn trong bào chữa của luật sư. Thậm chí nhiều vụ án đã được ba cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất về đường lối xử lý nên rất khó cho các luật sư khi phải bào chữa. Thậm chí, có luật sư phản ánh là thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thông báo cho luật sư về “đường lối giải quyết vụ án của liên ngành” để nghị luật sư phối hợp. Tất cả những yếu tố này đã tác động rất lớn đến “tính độc lập” của luật sư trong các vụ án chỉ định. Muốn nâng cao được tính độc lập thì đòi hỏi các luật sư phải thực sự là “dũng cảm”, “khéo léo”. Vụ án “Sầm Đức Xương – thầy giáo hiệu trưởng mua dâm học trò” nêu bật những khó khăn mà luật sư phải đối mặt để duy trì tính độc lập trong hoàn cảnh đó (xem Hộp dưới đây) **Vụ án: “Sầm Đức Xương – thầy giáo hiệu trưởng mua dâm học trò”**

Bị cáo Sầm Đức Xương, nguyên hiệu trưởng Trường THPT Việt Lâm (huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) bị truy tố với “tội danh mua dâm người chưa thành niên”. Cùng bị truy tố với Sầm Đức Xương còn có bị cáo Nguyễn Thị Hằng (SN 1991) và bị cáo Nguyễn Thị Thanh Thúy (SN 1992) – nguyên nữ sinh Trường THPT Việt Lâm, nơi bị cáo Xương từng làm hiệu trưởng, bị truy tố với tội danh “môi giới mại dâm”. Những người bị hại là các nạn nhân là học sinh cấp 2 và cấp 3 đã từng học ở trường THPT Việt Lâm.

Sau hai tháng điều tra, cơ quan điều tra công an huyện Vị Xuyên đã hoàn tất hồ sơ vụ án và chuyển lên VKSND ra cáo trạng và quyết định khởi tố vụ án.

Hành vi phạm tội của hiệu trưởng Sầm Đức Xương kéo dài trong một thời gian dài. Các đối tượng bị hại đều là những học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường. Vụ việc đã gây bức xúc đối với đông đảo dư luận.

Vụ án đã được xét xử vào tháng 11/2009 trong một phiên tòa được xử kín mà các thành phần tham dự phiên tòa chỉ có các bị cáo, nạn nhân người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Theo báo chí phản ánh, hàng trăm người dân đã tới phiên tòa sơ thẩm nhưng không được tham dự¹²⁸.

Người bào chữa cho 2 bị cáo Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Thị Thanh Thúy là một giáo viên được tòa triệu tập với tư cách là người đứng ra bảo vệ quyền lợi cho các học sinh chưa đủ tuổi vị thành niên của mình¹²⁹ mà không phải là các luật sư.

Bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Sầm Đức Xương 10 năm 6 tháng tù giam về tội danh “Mua dâm nhiều lần trẻ vị thành niên” và phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho nạn nhân. Bị cáo Nguyễn Thị Hằng nhận mức án 6 năm tù giam và Nguyễn Thị Thanh Thúy 5 năm tù giam về tội danh “môi giới mại dâm”. Các bị cáo đều kháng cáo và các nạn nhân của vụ án đều có đơn kháng cáo.

Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh Thúy đã có đơn đề nghị luật sư Trần Đình Triển và bị cáo Nguyễn Thị Hằng có đơn gửi luật sư Nguyễn Văn Tú để kêu cứu cùng danh sách chi tiết về các cá

¹²⁸ <http://vietnamnet.vn/xahoi/200911/Xu-kin-vu-an-hieu-truong-mua-dam-tre-vi-thanh-nien-877357/>

¹²⁹ <http://dantri.com.vn/c20/s20-360441/hieu-truong-mua-dam-nu-sinh-nhan-126-thang-tu.htm>

nhân mà bị cáo và các bạn “phải quan hệ với bạn bè của thầy Xương”. Theo các bị cáo thì các bị cáo là “nạn nhân” và “bị ép buộc”¹³⁰

Luật sư Trần Đình Triển đã gửi đơn kêu cứu tới các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét vụ án một cách thấu đáo. Luật sư Triển cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như:

- o Ở cấp sơ thẩm, cơ quan điều tra lấy lời khai của hai bị cáo vẫn đang trong độ tuổi vị thành niên nhưng không có người giám hộ đi cùng.
- o Hai bị cáo đã bị ép phải viết giấy không được mời luật sư bảo vệ quyền lợi.
- o Cơ quan điều tra còn sai phạm nghiêm trọng quy tắc giam giữ với trẻ vị thành niên theo quy định tại Điều 308 –BLTTHS¹³¹.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các luật sư của hai bị cáo Thúy và Hằng đã lập luận và chứng minh các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng. Họ đề nghị HĐXX tuyên thân chủ mình vô tội. Đồng thời yêu cầu khởi tố vụ án làm sai lệch hồ sơ vụ án, khởi tố vụ án liên quan đến những tố cáo mới đây của hai bị cáo.

Kết quả, HĐXX phúc thẩm (TAND tỉnh Hà Giang) tuyên hủy bản án sơ thẩm vụ “hiệu trưởng mua dâm” vì những sai phạm nghiêm trọng về tố tụng của cơ quan điều tra và HĐXX phiên sơ thẩm (tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên)¹³².

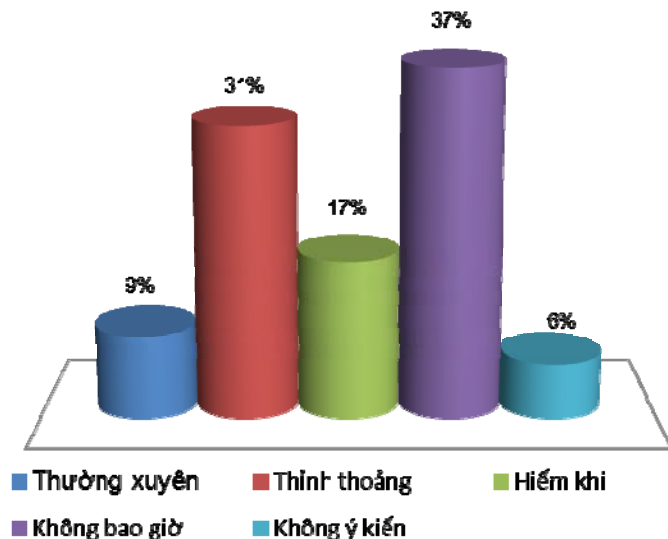
Áp lực của cơ quan tiến hành tố tụng:

Bên cạnh những áp lực tác động đến tính độc lập của luật sư, một số luật sư cho rằng họ còn bị áp lực từ cơ quan tiến hành tố tụng về việc ký các bản cung hoặc tài liệu vụ án khác để hợp lý hóa hồ sơ. Để có được thông tin này đưa vào Bảng hỏi, cả 5 luật sư được Nhóm Nghiên cứu phỏng vấn ban đầu khi xây dựng bảng hỏi đều đề cập đến hiện tượng này. Kết quả khảo sát bằng Bảng hỏi đã cho thấy hiện tượng này hiện nay đang tồn tại trên thực tế ở một phạm vi không nhỏ (nếu tính cả các tiêu chí “thường xuyên”, “thỉnh thoảng” và “hiếm khi”) (xem Hình 32).

Phần lớn luật sư được phỏng vấn sâu từ chối không trả lời câu hỏi này.

Tất cả các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán được phỏng vấn đều khẳng định không bao giờ có hiện tượng này. Những người này đều cho rằng đây là một hành vi trái pháp

Hình 32: Người bào chữa trong các vụ án chỉ định có được đề nghị ký vào các bản cung hoặc các tài liệu vụ án khác để giúp hợp lý hóa hồ sơ



¹³⁰ <http://www.vietnamnet.vn/xahoi/doi-song/201001/Vu-Hieu-truong-mua-dam-hoc-tro-them-tiet-moi-891643/>

¹³¹ <http://dantri.com.vn/c20/s20-375598/luat-su-vu-hieu-truong-mua-dam-gui-don-kien-nghi-khan-cap.htm>

¹³² <http://vietnamnet.vn/xahoi/201002/Huy-an-so-tham-vu-hieu-truong-mua-dam-892525/>

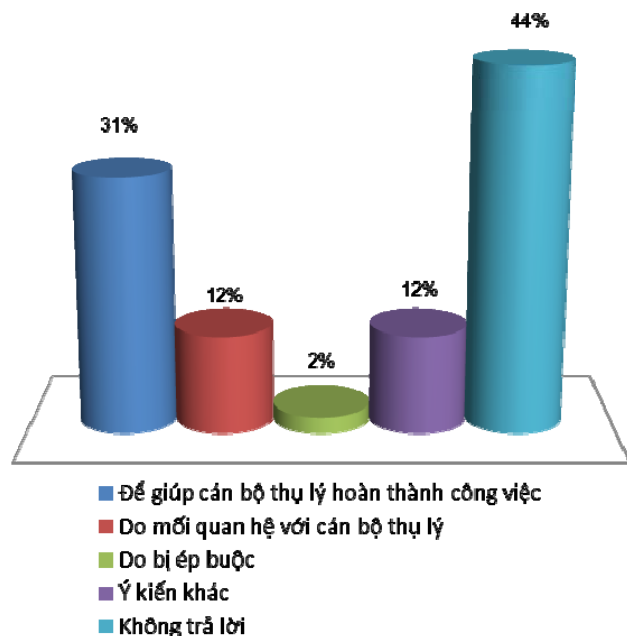
luật. Như đã nêu ở trên, có hai điều tra viên thường xuyên thanh toán cho luật sư tham gia vụ án chỉ định bằng tiền cá nhân thì xác nhận rằng họ có nhờ luật sư “ký một số giấy tờ để thuận tiện cho việc thanh toán”. Những giấy tờ này tạm thời chưa có “nội dung” vì nhiều khi luật sư không có thời gian ngồi kê khai hoặc điền thông tin nên họ tạo điều kiện bằng cách ghi hộ.

Lý giải cho việc ký “bản cung, tài liệu vụ án để hợp lý hóa hồ sơ”, 31% luật sư cho rằng họ muốn giúp “cán bộ thụ lý hoàn thành công việc” (xem Hình 33). Một số luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng “*tình tiết vụ án thường cũng rõ ràng*” nên giúp đỡ việc ký một số giấy tờ cũng không ảnh hưởng gì. Có luật sư cho rằng nhiều khi cán bộ thụ lý đưa ra một số giấy trắng đề nghị luật sư ký “khống” với lý do để chép lại “bản cung cho sạch” để “án khỏi bị hủy”. Hơn nữa, các vụ án chỉ định luật sư trong giai đoạn tố tụng sơ thẩm thường là những luật sư thuộc ĐLS tỉnh, hành nghề trong địa bàn tỉnh nên cũng có mối quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong tỉnh. Bởi vậy, do mối quan hệ cá nhân mà cán bộ thụ lý thường nhờ các luật sư ký hộ một số giấy tờ. Một số luật sư trả lời phỏng vấn sâu cho rằng họ rất ngại phải “ký khống” vì phải chịu trách nhiệm nhưng nhiều khi do “cả nể” mà đành phải “ký”.

Ngoài ra, có 4 luật sư phản ánh rằng họ đã từng trực tiếp bị hoặc nghe nói về việc cơ quan điều tra đề nghị luật sư “giúp đỡ công tác điều tra” bằng tác động tâm lý tới nhân chứng hay nghi phạm hoặc nắm bắt thông tin để truyền đạt lại cho cơ quan điều tra. Những luật sư này đã phải khéo léo “từ chối” công việc này cho cơ quan điều tra.

Các hành vi này là sự vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thiết phải có các biện pháp ngăn chặn.

Hình 33: Lý do người bào chữa trong các vụ án chỉ định có được đề nghị ký vào các bản cung hoặc tài liệu vụ án khác để giúp hợp lý hóa hồ sơ



Tiểu kết:

- Các luật sư tham gia các vụ án chỉ định thường được các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi hơn là các luật sư tham gia các vụ án mời. Vấn đề này có thể ảnh hưởng tới “quyền được xét xử công bằng” nên cần phải có những biện pháp giải quyết thấu đáo.
- Giai đoạn điều tra vẫn là giai đoạn khó khăn nhất cho các luật sư thực hiện các công việc bào chữa trong khi các luật sư gặp thuận lợi hơn trong giai đoạn xét xử trong các vụ án chỉ định người bào chữa, trong khi những vụ án loại này thường là các vụ án có hình phạt cao (chung thân hoặc tử hình). Điều này hạn chế việc thực thi “*quyền bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đối với hình phạt tử hình*” đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế. Việc không tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tham gia giai đoạn điều tra cũng hạn chế “*quyền có đủ thời gian chuẩn bị cho phiên tòa, bao gồm cả tiếp xúc với người bào chữa*”.
- Kết quả khảo sát cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện thường tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư hơn các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp tỉnh. Phát hiện này rất đáng chú ý vì cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện vừa được tăng cường thẩm quyền

giải quyết một số vụ án có tính chất nghiêm trọng hơn so với trước theo yêu cầu của BLTTHS.

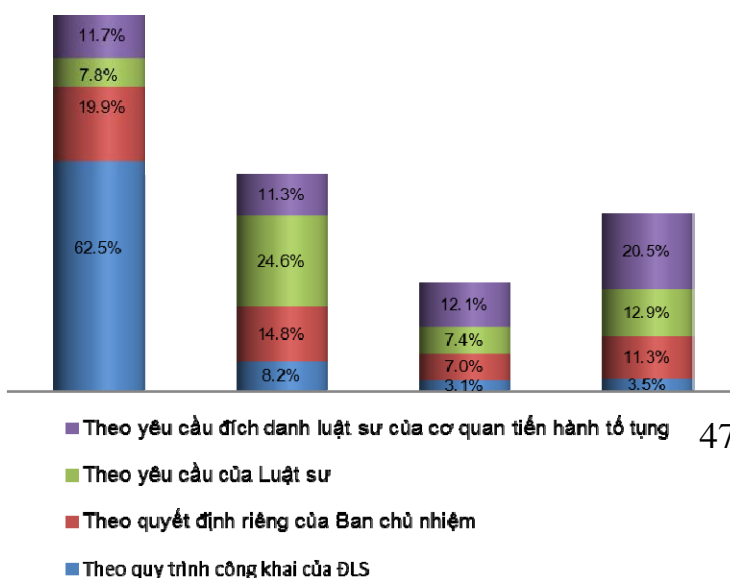
- Thái độ của các bị can/ bị cáo đối với luật sư trong các vụ án chỉ định thường là chấp nhận, ít thay đổi người bào chữa. Tuy nhiên, vấn đề ít thay đổi luật sư không phải do chất lượng luật sư tốt mà là do “nhận thức của bị can, bị cáo còn yếu kém” hoặc bị can, bị cáo đã được cán bộ tư pháp khuyên “không nên thay đổi luật sư” hoặc bị can, bị cáo thiếu thông tin về luật sư, chất lượng luật sư... Vấn đề này cần có biện pháp giải quyết để phòng ngừa việc bị can, bị cáo lựa chọn người bào chữa “không có đủ năng lực hoặc thiếu cẩn trọng trong khi bị can, bị cáo đã có luật sư phù hợp”. Quyền được lựa chọn luật sư là quyền cấu thành trong “quyền bào chữa” do các điều ước quốc tế ghi nhận.
- Luật sư tham gia các vụ án chỉ định thường gặp phải những thách thức về “tính độc lập” của luật sư. Các cơ quan nhà nước cần có các biện pháp cụ thể để hạn chế những thách thức này, như ban hành các chế tài đối với cơ quan tiến hành tố tụng, cán bộ tham gia vào hoạt động tố tụng, luật sư và những người có liên quan khác khi có hành vi xâm phạm vào “tính độc lập” của luật sư. “Tính độc lập” của luật sư trong hoạt động bào chữa chính là việc bảo đảm “quyền bào chữa là hành vi bảo vệ quyền lợi của bị cáo” không phải là “hành vi vì mục tiêu của cơ quan tiến hành tố tụng”.
- Thủ tục cấp GCNNBC và các giấy tờ cần phải có để được cấp GCNNBC cần phải được nghiên cứu thay đổi theo hướng đơn giản hóa. Vấn đề đơn giản hóa này không chỉ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ cho luật sư và cho cơ quan tiến hành tố tụng mà còn nhằm bảo đảm “quyền được xét xử công bằng”. Vấn đề này đòi hỏi Toà án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần có một hướng dẫn chung về thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động bào chữa, trong đó bao gồm cả hướng dẫn về các loại giấy tờ mà luật sư cần phải nộp để được cấp GCNNBC một cách nhanh nhất.
- Bộ Công an cần có quy định yêu cầu các trại tạm giam phải tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa được tiếp xúc với bị can, bị cáo để bảo đảm “quyền bào chữa” của họ. Người bào chữa cũng cần được có cơ hội tiếp xúc với thân chủ như các cán bộ điều tra, kiểm sát viên trong tiếp xúc với bị can, bị cáo. Ngoài ra, các trại tạm giam cần có các tài liệu, bảng hướng dẫn quyền của bị can, bị cáo trong hoạt động tố tụng hình sự để nâng cao nhận thức của bị can, bị cáo và hạn chế được sự lạm quyền.

IV. VAI TRÒ CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ, TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC TRONG VIỆC HỖ TRỢ CÔNG TÁC CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ

1. Đoàn luật sư

Trong các vụ án chỉ định, ĐLS có vai trò luật định đó là chỉ định luật sư tham gia bào chữa tại các vụ án theo quy định tại Điều 57 – BLTTHS. Như đã từng phân tích ở trên, vai trò chỉ định luật sư của ĐLS là có yếu tố

Hình 34: Hình thức chỉ định luật sư của ĐLS địa phương



bảo đảm tính độc lập của luật sư khi tham gia hoạt động tố tụng.

Phần lớn luật sư cho rằng việc phân công bào chữa án chỉ định “thường xuyên” là theo “quy trình công khai của ĐLS” (xem Hình 34).

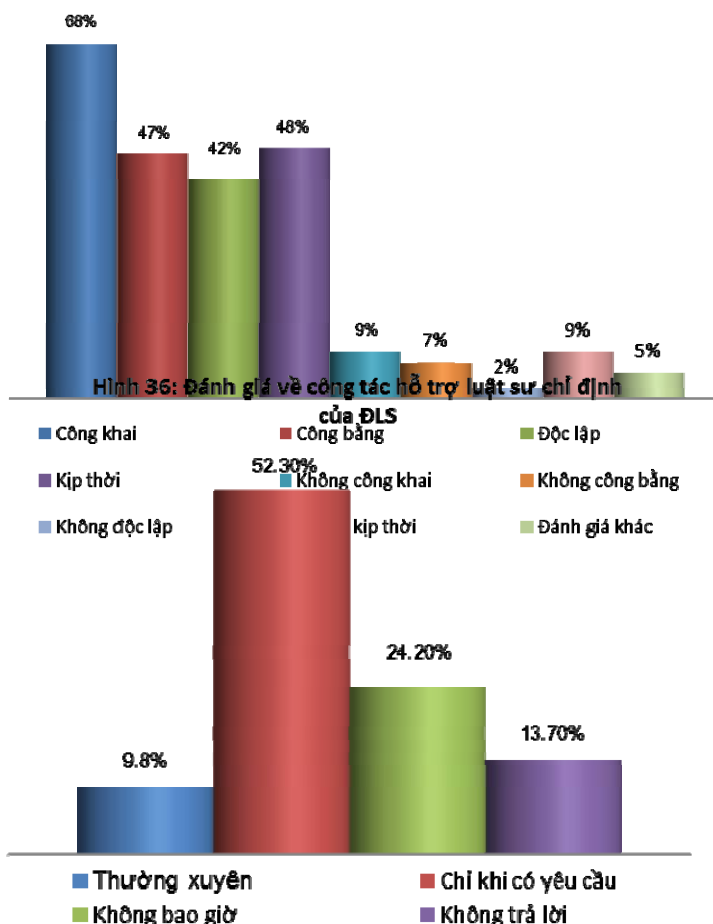
Theo các luật sư được phỏng vấn sâu thì ít luật sư muốn tham gia bào chữa án chỉ định nên các ĐLS buộc phải phân công luật sư “chịu trách nhiệm” tham gia án chỉ định. Do đó, quy trình phân công thường “công khai” cho các luật sư. Vấn đề này phù hợp với kết quả khảo sát (Hình 35)

Qua phỏng vấn sâu và khảo sát thực địa ở 9 địa phương, các ĐLS đã không phát huy được vai trò chỉ định luật sư theo yêu cầu của BLTTHS với nhiều lý do. Nhưng tình trạng chỉ định luật sư coi là công khai và minh bạch tại một số ĐLS (xem Hình 36).

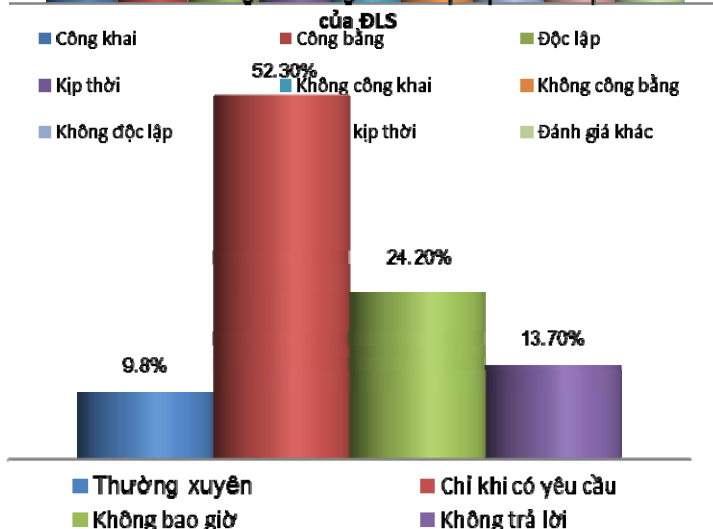
Trong quá trình khảo sát, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy có ĐLS đã có những biện pháp hỗ trợ tài chính cho hoạt động của luật sư chỉ định, hay còn gọi là hỗ trợ thù lao. Ví dụ như ĐLS phân bổ vụ án chỉ định cho tất cả các luật sư tham gia Đoàn. Những luật sư nào không tham gia bào chữa chỉ định thì luật sư không tham gia phải đóng tiền tiền cho ĐLS để ĐLS tìm/mời luật sư khác tham gia công tác bào chữa chỉ định. Luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định sẽ được ĐLS chuyển lại cho số tiền mà luật sư không tham gia đóng để bù đắp phần nào kinh phí. Theo Ban Chủ nhiệm của ĐLS này, phương án này được toàn thể các luật sư trong đoàn hoàn toàn nhất trí.

Các ĐLS còn lại được phỏng vấn trực tiếp thì không có những hỗ trợ của ĐLS như trên nhưng có sự “hỗ trợ hoặc can thiệp khi quyền và lợi ích của luật sư bị xâm hại”. Sự hỗ trợ này bao gồm gửi đơn khiếu nại tới cơ quan tiến hành tố tụng. Tất cả chín ĐLS được phỏng vấn sâu không có những danh hiệu, chương trình tôn vinh các luật sư tham gia tích cực, có hiệu quả vào hoạt động bào chữa chỉ định. Danh hiệu “Luật sư Vì Công lý” của ĐLS Hà Nội trao tặng chung cho các luật sư có thành tích trong hoạt động hành nghề, đóng đoàn

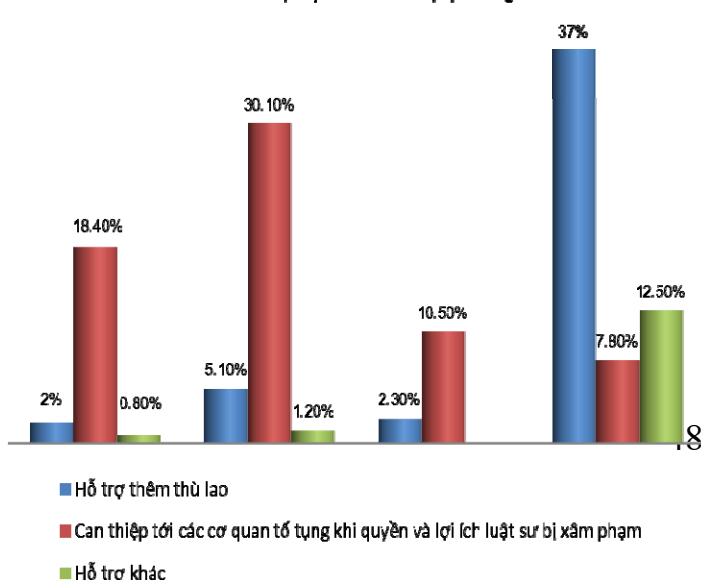
Hình 35: Đánh giá về công tác chỉ định luật sư của ĐLS



Hình 36: Đánh giá về công tác hỗ trợ luật sư chỉ định của ĐLS



Hình 37: Hình thức hỗ trợ luật sư của ĐLS địa phương



phí đầy đủ và không bị khiếu nại trong hoạt động hành nghề. Giải thưởng “Hăng luật của Năm” và “Luật sư của Năm” do Báo Pháp luật Việt Nam tổ chức chú trọng vào các tiêu chí tài chính và số lượng công việc. Giải thưởng này chỉ được xét khi luật sư, tổ chức hành nghề có đóng góp kinh phí cho ban tổ chức giải thưởng¹³³. Vấn đề cần phải được các cơ quan nhà nước (như Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp) và Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các ĐLS địa phương xem xét và ban hành cơ chế khuyến khích thích hợp. Trong khi, vấn đề khen thưởng luật sư tham gia vào các công tác bào chữa, tư vấn miễn phí (pro-bono work) lại được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới, như Hoa Kỳ¹³⁴, Canada¹³⁵, Australia¹³⁶, Anh Quốc¹³⁷.

2. Trung tâm trợ giúp pháp lý

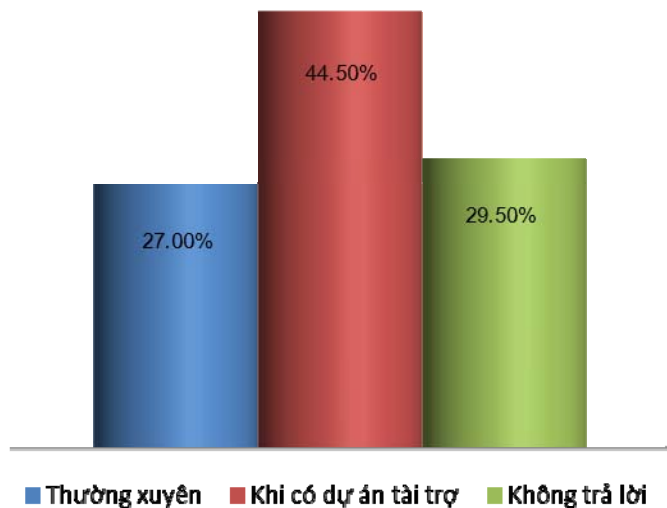
Xét theo các quy định của BLTTHS 2003 thì các TTTGPL không phải cơ quan được quyền cử luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định. Các TTTGPL có chức năng cử người bào chữa cho các đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý¹³⁸. Vai trò của các TTTGPL trong công tác bào chữa hình sự được đánh giá là tích cực như đã nêu ở trên.

Tại một địa phương mà ĐLS có ít luật sư, thì kiểm sát viên, điều tra viên và/hoặc thẩm phán có thể phải đề nghị TTTGPL trên địa bàn cử người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý hoặc cộng tác viên của TTTGPL để hỗ trợ việc bào chữa chỉ định. Bởi lẽ, TTTGPL có sử dụng luật sư thuộc ĐLS ở địa phương khác.

Các luật sư được phỏng vấn sâu có những ý kiến khác nhau khi đánh giá về hoạt động TGPL của TTTGPL. Mười một (11) luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng TTTGPL nên là nơi đầu mối cho các hoạt động TGPL và chỉ định luật sư trong các vụ án bắt buộc phải chỉ định người bào chữa, trong khi năm (05) luật sư trả lời phỏng vấn sâu cho rằng hoạt động TGPL thông qua việc bào chữa của các TTTGPL vẫn chưa thực sự hiệu quả và chất lượng công việc còn có hạn chế. Các TTTGPL làm việc chủ yếu thông qua cơ chế cộng tác viên. Việc lựa chọn luật sư để tham gia tố tụng thường là do cán bộ của TTTGPL thực hiện.

Theo các cán bộ TGPL, để xây dựng đội ngũ luật sư cộng tác viên với TTTGPL cũng không dễ dàng. Các luật sư uy tín, có kinh nghiệm thường không

Hình 38: Đánh giá về công tác trợ giúp pháp lý trong các vụ án chỉ định



¹³³ Báo Pháp luật Việt Nam, Chương trình bình chọn: Hăng luật và luật sư của năm,

<http://www.phapluatvn.vn/hangluat/201004/Chuong-trinh-binh-chon-1940623/>, Giấy mời tham dự Chương trình bình chọn: : Hăng luật và luật sư của năm.

¹³⁴ Amercian Bar Association,

http://www.americanbar.org/groups/probono_public_service/projects_awards/pro_bono_publico_award.html

¹³⁵ Website của Đoàn luật sư Canada, <http://www.cba.org/CBA/awards/main/>.

¹³⁶ Law and Justice Foundation, http://www.lawfoundation.net.au/justice_awards; Pro-bono conference, <http://www.probonoconference.ca/awards.php>

¹³⁷ ProbonoUKnet, <http://www.probonouk.net/>

¹³⁸ Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 10.

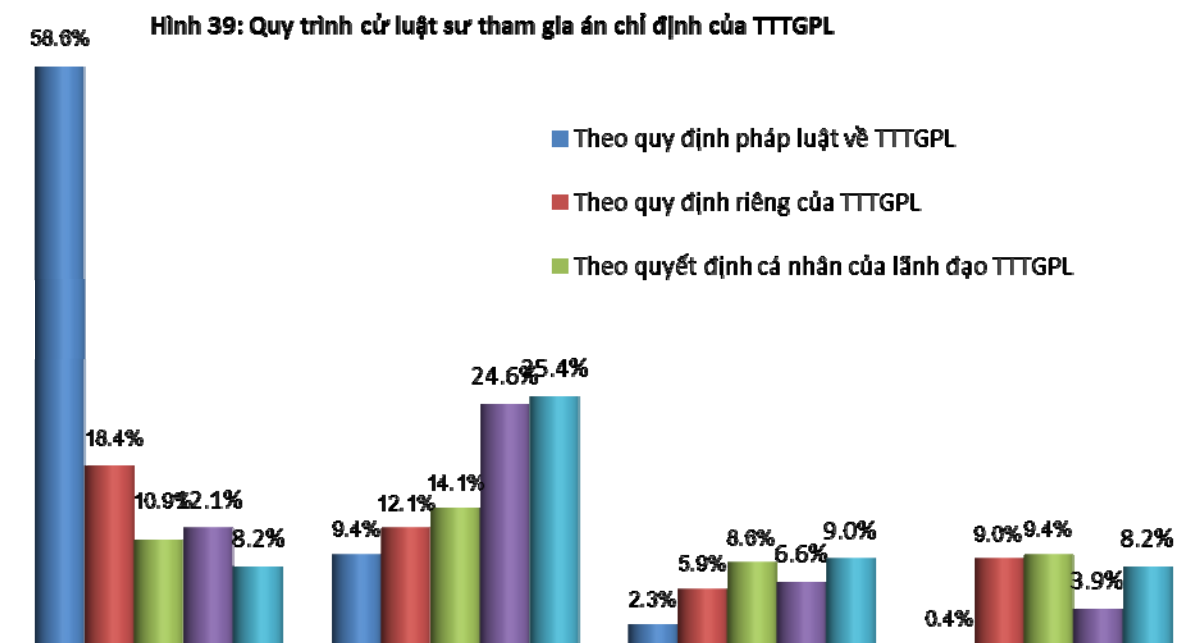
đăng kí tham gia làm cộng tác viên với TTTGPL. Một số luật sư là cộng tác viên nhưng lại ít khi nhận vụ việc TGPL hoặc không hoàn thành trách nhiệm nghề nghiệp và chuyên môn ở mức độ cao. Các TTTGPL thường cố gắng duy trì một số luật sư tâm huyết và có trách nhiệm nghề nghiệp làm cộng tác viên chủ chốt.

Trong thời gian gần đây, hệ thống TTTGPL đang nhận được sự hỗ trợ của một số chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Một phần ngân sách chi trả cho người bào chữa được các dự án hỗ trợ đó chi trả. Một số luật sư cho rằng mức chi trả từ nguồn ngân sách hỗ trợ này là khá tốt (khoảng 1,5 triệu đến 2,5 triệu cho một vụ án) nên họ cũng tích cực tham gia các hoạt động bào chữa do TTTGPL chỉ định (xem Hình 38).

Ngoài ra, thủ tục thanh toán thù lao của TTTGPL được các luật sư đánh giá là đơn giản hơn thủ tục thanh toán thù lao của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các cán bộ TGPL khẳng định rằng họ luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất về việc thanh toán cho các luật sư sau khi hoàn thành công việc nhằm thu hút các luật sư tham gia vào hoạt động TGPL.

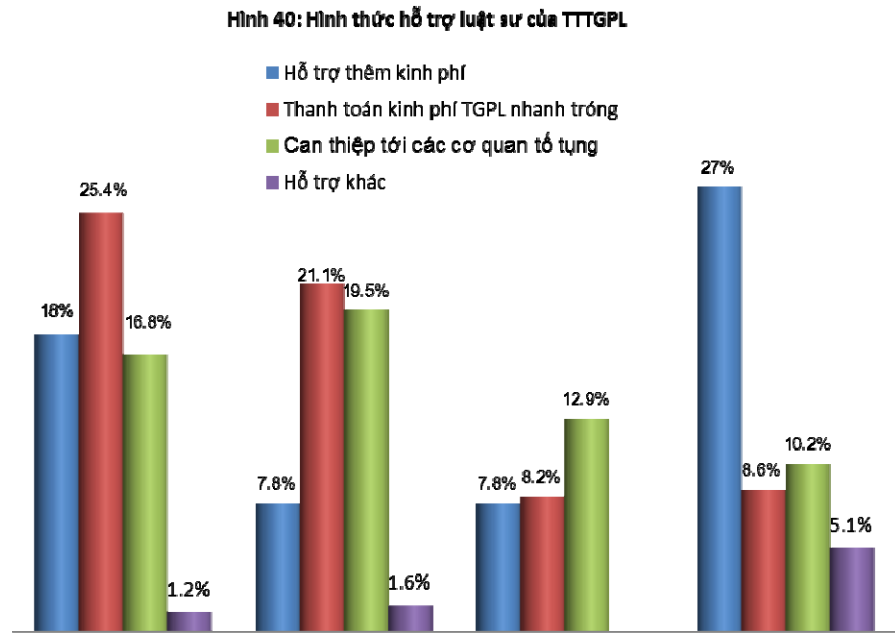
Các TTTGPL thường giám sát chặt chẽ công tác bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, luật sư-cộng tác viên. Luật sư/người bào chữa chỉ định buộc phải tìm cách chứng minh ngày công làm việc.

Liên quan đến quy trình cử trợ giúp viên pháp lý hoặc cộng tác viên của TTTGPL, gần xấp xỉ 60% luật sư cho rằng việc của luật sư tham gia bào chữa cho vụ án chỉ định của TTTGPL là “theo quy định của pháp luật về TGPL” và mức độ tham gia của họ là “thường xuyên” (xem Hình 39).



Tuy nhiên, một số luật sư phản ánh rằng nhiều TTTGPL đã cho phép luật sư tự khai thác đối tượng được TGPL tại các vụ án sắp được xét xử. Bởi nhiều người thuộc đối tượng được TGPL nhưng hoàn toàn không biết đến hoạt động TGPL. Các luật sư có thể tư vấn và giới thiệu họ đến TTTGPL để được trợ giúp kinh phí thuê luật sư.

Các hoạt động của TTTGPL cũng rất đa dạng tại từng địa phương. Ở mỗi địa phương, TTTGPL lại có những hoạt động phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý khác nhau. Có TTTGPL thì hỗ trợ kinh phí cho các luật sư tham gia các vụ án thuộc đối tượng TGPL (xem Hình 40). Có TTTGPL lại giới thiệu vai trò của luật sư trong các vụ án hình sự thông qua bảng hướng dẫn cách thức mời luật sư cho những đối tượng cần được TGPL. Những tấm bảng hướng dẫn này được treo tại trụ sở của các cơ quan tiến hành tố tụng và trong trại giam.



Có ý kiến của luật sư cho biết là một số cá nhân mong muốn sử dụng dịch vụ của TTTGPL vì họ hy vọng là dịch vụ của TTTGPL là “của nhà nước” cho nên có thể tác động đến kết quả của phiên tòa.

3. Các tổ chức xã hội khác

Do quy định của BLTTHS về cử người bào chữa trong các vụ án chỉ định chấp nhận việc chỉ định người bào chữa thông qua MTTQ hoặc tổ chức thành viên của MTTQ cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình. Nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng ít khi đề nghị MTTQ của người bào chữa. Lãnh đạo các Hội Luật gia địa phương khẳng định là họ có đội ngũ đông đảo thành viên có trình độ pháp lý có thể tham gia vào công tác bào chữa, như các thẩm phán, kiểm sát viên, chuyên viên pháp lý về hưu.

Xét về khả năng sẵn sàng về thể chế thì MTTQ là một tổ chức được quy định tại Hiến pháp có mặt trên khắp 63 tỉnh của Việt Nam với hệ thống được trải dài từ cấp trung ương tới cấp xã¹³⁹. Có 44 tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội là thành viên của MTTQ Việt Nam, như: Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Luật gia¹⁴⁰.

Hội Luật gia luôn được coi là một tổ chức chính trị xã hội lâu đời nhất của những người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật. Cho tới cuối năm 2010, Hội Luật Gia đã có mặt ở 62/63 tỉnh (trừ Sơn La) với 62 tỉnh hội luật gia, 366 huyện hội, gần 2000 chi hội ở cấp xã và 55 chi hội bộ, ngành trực thuộc trung ương¹⁴¹. Hiện nay, Hội Luật Gia Việt Nam có trên 40.500 hội viên, bao gồm: hội viên là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên chiếm 46%, hội viên là luật sư, tư vấn

¹³⁹ Website của MTTQ Việt Nam, <http://www.mattran.org.vn>

¹⁴⁰ Website của MTTQ Việt Nam, <http://www.mattran.org.vn/Home/GioithieuMT/gtc4.htm>

¹⁴¹ Website của Hội Luật Gia Việt Nam, Báo cáo giao ban khu vực phía bắc, 19/11/2010,

<http://www.hoiluattgia.vn/content/view/full/428/1/lang,vietnamese/>; Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2010, 277-287.

viên, công chứng viên chiếm 8%, hội viên làm việc tại các viện nghiên cứu, trường đại học chiếm 3,5%, hội viên làm việc trong các cơ quan nhà nước khác chiếm 37,4% và hội viên đã nghỉ hưu chiếm 5,1%¹⁴². Đối với hoạt động tư vấn pháp lý và TGPL, hệ thống Hội Luật gia đã thành lập 8 TTTVPL trực thuộc Trung Ương Hội và hệ thống Hội ở địa phương có 40 trung tâm tư vấn pháp luật¹⁴³. Theo quan sát của Nhóm Nghiên cứu tại 9 Hội Luật gia tỉnh tại chín địa phương, Nhóm Nghiên cứu đều thấy tại các trụ sở của Hội đều có các TTTVPL. Trong những ngày khảo sát, Nhóm Nghiên cứu đều thấy các trung tâm đón tiếp người dân đến tìm hiểu pháp luật.

Tại một số địa phương nơi có ít luật sư hoặc chưa có ĐLS, cơ quan tiến hành tố tụng buộc phải đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh hoặc Hội Luật gia tỉnh cử người tham gia bào chữa. Các lãnh đạo của Hội Luật gia tại những tỉnh được phỏng vấn sâu cho biết thi thoảng các TTTVPL của họ cũng nhận được đề nghị của người dân về việc giúp đỡ bào chữa trong các vụ án hình sự và dân sự.

Qua phỏng vấn sâu, các lãnh đạo Hội Luật gia địa phương cho biết đội ngũ luật gia tham gia hoạt động tại các TTTVPL của hội là những người có tâm huyết, có kinh nghiệm và đạo đức. Họ tham gia công tác tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý vì mong muốn giúp đỡ, cống hiến cho người nghèo nói riêng và cho xã hội nói chung. Họ là những người đã có thu nhập từ tiền lương hưu nên khi tham gia các dịch vụ pháp lý không chú trọng vào thù lao hay kinh phí.

Để nâng cao chất lượng tư vấn pháp luật và TGPL, Trung Ương Hội Luật Gia Việt Nam thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên gia và tư vấn viên theo hướng kết hợp kiến thức rộng và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật, như pháp luật về hội nhập WTO, tập huấn kỹ năng tư vấn pháp luật và các vấn đề về HIV/AIDS¹⁴⁴.

Đối với các tổ chức hội hoặc đoàn thể khác là thành viên của MTTQ hầu hết không chuyên về ‘tham gia tố tụng’, nhưng họ có triển khai các hoạt động về công tác tư vấn pháp lý theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/07/2008 về tư vấn pháp luật (thay thế Nghị định số 65/2003/NĐ-CP ngày 11/06/2003 của Chính phủ về tổ chức hoạt động tư vấn pháp luật). Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh là những đơn vị có triển khai các hoạt động về công tác tư vấn pháp lý và phổ biến pháp luật của các tổ chức hội thuộc MTTQ¹⁴⁵. Theo ý kiến của các luật sư, viện kiểm sát và thẩm phán được phỏng vấn sâu thì cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh họ chưa bao giờ đề nghị các tổ chức xã hội thuộc MTTQ cử người bào chữa, trừ những trường hợp đề nghị trực tiếp MTTQ hoặc Hội Luật gia tỉnh như đã nêu trên.

Các ý kiến ở phỏng vấn sâu cũng nêu là quy định tại Điều 57 (khoản 2) của BLTTHS đã không rõ khi MTTQ hoặc thành viên của MTTQ cử người bào chữa thì người đó có cần thiết phải là luật sư hay không? Theo quy định tại Điều 56 của BLTTHS quy định “người bào chữa” có thể là “bào chữa viên nhân dân” hoặc “người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can/

¹⁴² Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2010, 277-287.

¹⁴³ Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2010, 277-287.

¹⁴⁴ Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2010, 277-287; Website của Hội Luật Gia Việt Nam, <http://www.hoiluatgia.vn.org>.

¹⁴⁵ Dự án VIE 02/015: Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010, *Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện*, NXB Tư Pháp, 2005; Trung Ương Hội Nông dân Việt Nam, *Cơ chế phối hợp giữa nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Dân chủ Pháp luật, Số chuyên đề “Xây dựng Luật Phổ biến Tuyên truyền Giáo dục Pháp luật”, 2010; Trần Thị Thanh Hà, *Về vai trò của các cấp công đoàn trong công tác tư vấn pháp luật cho người lao động tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nhà nước & Pháp luật, số 5, 2009.

bị cáo” nhưng trên thực tế thì các cơ quan tiến hành tố tụng thường chỉ cấp GCNNBC cho các luật sư vì điều kiện, hồ sơ của người bào chữa cần phải có để được cấp GCNNBC thì mới chỉ được quy định tại Luật Luật sư¹⁴⁶. Những đối tượng không phải là luật sư thì không được cấp GCNNBC. Mặc dù, TANDTC có một văn bản yêu cầu các tòa án cấp dưới cần phải lưu ý về chế định “người bào chữa”, trong đó “lưu ý về những điều kiện và những thủ tục cần thiết để được công nhận là bào chữa viên nhân dân”¹⁴⁷. Nhưng cho tới nay chưa có những quy định cụ thể về hồ sơ đối với bào chữa viên nhân dân để được cấp GCNNBC cho nên Nhóm Nghiên cứu chưa ghi nhận được trường hợp nào bào chữa viên nhân dân được cấp GCNNBC.

Tiểu kết:

- Vai trò của ĐLS trong việc chỉ định luật sư trong các vụ án bắt buộc phải chỉ định người bào chữa cần tiếp tục duy trì vì tính công khai, công bằng, độc lập và kịp thời. Tuy nhiên, cần có những điều kiện để bảo đảm được hiệu quả của công tác này, như:
 - o Quy trình chỉ định luật sư tham gia các vụ án nên công khai, minh bạch và phù hợp với chuyên môn, năng lực của luật sư. Các ĐLS nên có những quy định riêng của đoàn về quy trình để có thể phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư.
 - o Việc chi trả thù lao cho các luật sư do ĐLS chỉ định nên để các ĐLS sẽ trực tiếp chi trả. Vấn đề này cần được xác lập trong một văn bản quy phạm pháp luật.
 - o Cần có những biện pháp hạn chế những can thiệp cụ thể từ các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cán bộ thụ lý vào công tác chỉ định luật sư của các ĐLS.
- BLTTHS cần sửa đổi theo hướng mở rộng cho các TTTGPL và một số tổ chức chính trị-xã hội thuộc MTTQ, như Hội Luật Gia Việt Nam tham gia công tác chỉ định người bào chữa cho vụ án chỉ định để mở rộng nguồn đối tượng tham gia công tác này. Việc tham gia của tổ chức chính trị - xã hội thuộc MTTQ trong công tác bào chữa chỉ định không nên bị bó hẹp “*thành viên của tổ chức mình*” mà cho mở rộng cho các tổ chức này được bào chữa cho các đối tượng khác.
- BLTTHS hoặc văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định về tiêu chí, điều kiện, thủ tục cần thiết để được công nhận là “bào chữa viên nhân dân” và cấp GCNNBC cho “bào chữa viên nhân dân”. Tuy nhiên, các tiêu chí, điều kiện và thủ tục để được công nhận là “bào chữa viên nhân dân”. Cần phải cân nhắc về vai trò quan trọng của luật sư trong chủ trương chuyên nghiệp hóa công tác bào chữa nói chung và bào chữa chỉ định nói riêng. Chế định “bào chữa viên nhân dân” nên tiếp tục duy trì tại những địa phương còn ít luật sư. Vấn đề này không chỉ của riêng Việt Nam mà còn ở một số quốc gia khác, như Liên bang Nga, Cộng hòa Triều tiên, Trung Quốc và Nhật¹⁴⁸.
- Việc thực thi các quy định của BLTTHS cần phải bảo đảm tính độc lập của ĐLS, TTTGPL và các tổ chức chính trị xã hội trong việc chỉ định luật sư và/hoặc cử luật sư, trợ giúp viên pháp lý, luật gia tham gia công tác bào chữa trong các vụ án đòi hỏi phải chỉ định người bào chữa.

¹⁴⁶ Luật Luật sư, Điều 27.

¹⁴⁷ Công văn của TANDTC số 117/2004/KHXX ngày 22/07/2004 về việc triển khai thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

¹⁴⁸ Trường Đại học Sydney, *Nghiên cứu về tổ chức và chức năng của hệ thống tư pháp tại năm quốc gia điển hình, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên bang Nga*, (Research studies on the organisation and functioning of the justice system in five selected countries China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation), 2010

BLTTHS hoặc điều lệ, quy chế, nội quy của các ĐLS nên hạn chế việc luật sư tự thỏa thuận về việc bào chữa chỉ định với các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Nội dung quản lý nhà nước đối với sự tham gia của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, luật gia cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của người tham gia. Những người này khi tham gia thực hiện bào chữa chỉ định hoặc TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách thì đó là trách nhiệm với cộng đồng của họ, chứ không đơn giản chỉ xuất phát từ sự tự nguyện hay lòng từ thiện. Tiếp cận theo hướng này có thể sẽ ràng buộc tốt hơn, kiểm soát tốt hơn trách nhiệm của người tham gia nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của công tác này.
- Thù lao và cơ chế trả thù lao cho các luật sư hoặc người bào chữa trong các vụ án chỉ định cần phải được hoàn thiện. Vấn đề này sẽ được phân tích và thảo luận kỹ hơn ở phần tiếp theo.

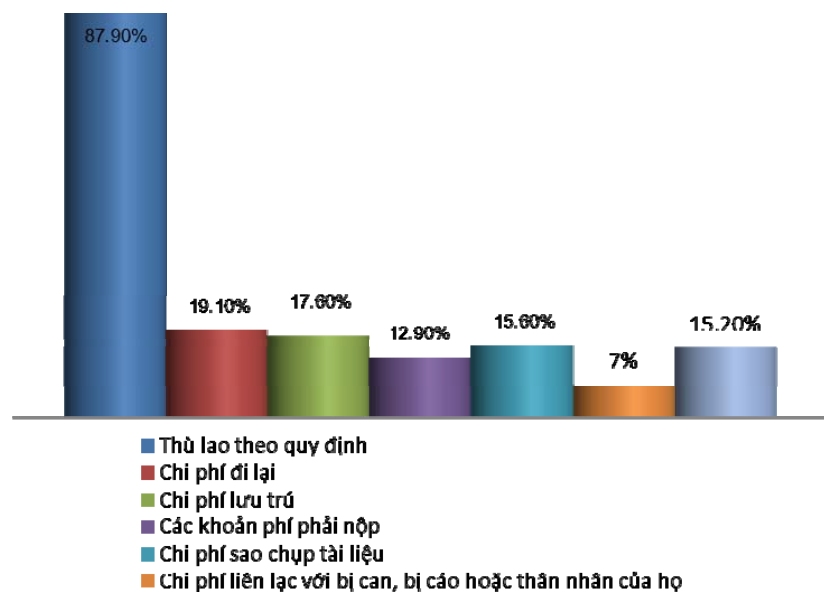
V. CƠ CHẾ THÙ LAO CHO CÁC LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH

1. Ngân sách và giá trị của thù lao của cơ quan tiến hành tố tụng

Theo Thông tư liên tịch số 66/2007/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng ("*Thông tư số 66*") thì các luật sư được thanh toán là 120.000đồng/ngày làm việc hay 60.000đồng/buổi làm việc. Thông tư số 66 có một phạm vi rộng về những hoạt động của luật sư mà ngân sách nhà nước phải thanh toán¹⁴⁹. Nhưng theo các luật sư thì mức thù lao này là quá thấp (57% số người được hỏi) (xem Bảng 9). Các luật sư tham gia bào chữa chỉ định thường được nhận tối đa là 500.000đồng cho toàn bộ công việc, tính từ giai đoạn điều tra cho đến xét xử sơ thẩm.

Nếu so với mức thù lao luật sư trên thị trường vào năm 2010, một vụ án bào chữa chỉ định cho một bị cáo với khung hình phạt ở mức chung thân hoặc tử hình thì mức phí sẽ vào khoảng từ 10 triệu đồng cho đến 30 triệu đồng đối với các luật sư ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh; 4 triệu đến 15 triệu đối với các luật sư của Điện Biên, Lạng Sơn, An Giang, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Khánh Hòa. Mức phí giao động tùy thuộc vào chứng cứ, tài liệu hồ sơ và

Hình 41: Những khoản hỗ trợ mà Luật sư nhận được khi tham gia án chỉ định



¹⁴⁹ Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp số 66/2007/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Mục II, Điểm 2.

thời điểm luật sư tham gia vào vụ án. Khách hàng thường phải tạm ứng trước tiền thù lao cho luật sư (khoảng 30% đến 50%). Khoản phí luật sư thường phải thanh toán hết trước khi luật sư tham gia phiên tòa. Trong trường hợp luật sư phải bào chữa ở tỉnh ngoài hoặc phải đi xác minh hoặc phỏng vấn bị can, bị cáo, nhân chứng thì kinh phí đi lại, ăn ở của luật sư được thanh toán đầy đủ theo sự thỏa thuận với khách hàng¹⁵⁰.

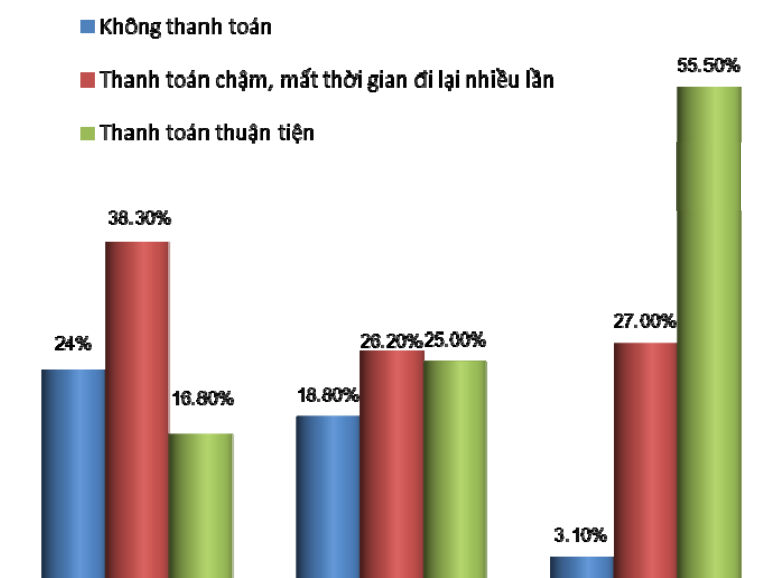
Ngược lại, các luật sư tham gia bào chữa chỉ định phản ánh rằng họ không được thanh toán cho hết cho những hạng mục mà Thông tư 66 đề ra, như kinh phí đi lại, ăn ở của luật sư. Họ chỉ được thanh toán cho những ngày làm việc tại cơ quan tiến hành tố tụng, còn khoảng thời gian di chuyển hay chi phí đi lại (tiền tàu, xe) thì chưa bao giờ được thanh toán. Thậm chí, 11/31 luật sư phản ánh rằng nhiều cơ quan tiến hành tố tụng thường xuyên nợ tiền thù lao của luật sư tham gia các vụ án chỉ định.

Bảng 9: Đánh giá của luật sư về mức thù lao và phương thức tính thù lao hiện nay

Mức thù lao	%	Phương thức tính thù lao	%
Quá thấp	57	Chưa phù hợp	78
Thấp	33	Chấp nhận được	12
Chấp nhận được	4	Ý kiến khác	7
Ý kiến khác	6	Không trả lời	3
Tổng cộng	100%	Tổng cộng	100%

Các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán được phỏng vấn sâu đều thừa nhận rằng họ chỉ thanh toán cho luật sư tiền ngày công làm việc mà thi thoảng có thanh toán cho luật sư tiền đi lại, ăn ở để tham gia bào chữa chỉ định. Những người này thừa nhận khả năng cơ quan tiến hành tố tụng nợ tiền thù lao của luật sư là có.

Hình 42: Việc thanh toán thù lao của cơ quan tiến hành tố tụng



Theo Thông tư số 66 thì ngân sách trả thù lao cho luật sư của cơ quan tiến hành tố tụng nào sẽ do cơ quan đó lập dự toán và trực tiếp chi trả cho luật sư¹⁵¹. Thực tế, một số cơ quan tiến hành tố tụng đã lập dự toán kinh phí dành cho chi trả luật sư tham gia bào chữa chỉ định thông qua khoản ngân sách dành cho các hoạt động hỗ trợ tư pháp hoặc bổ trợ tư pháp (theo mô tả ở hộp dưới đây).

¹⁵⁰ 31 luật sư trả lời câu hỏi này, trong đó 19 luật sư hành nghề ở khu vực Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. 12 luật sư hành nghề ở các địa phương khác.

¹⁵¹ Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp số 66/2007/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Mục II, Điểm 4 và 5.

Ngân sách cho hoạt động hỗ trợ tư pháp của một cơ quan điều tra

Lãnh đạo một cơ quan điều tra cấp tỉnh tiết lộ rằng ngân sách dành để chi trả cho thù lao luật sư tham gia hoạt động tố tụng với cơ quan điều tra tại các vụ án phải chỉ định luật sư được trích từ nguồn ngân sách hỗ trợ tư pháp của cơ quan.

Hàng năm, cơ quan điều tra của tỉnh đều lập dự toán cho hoạt động hỗ trợ tư pháp từ 1-3 tỷ đồng. Nhưng số tiền được cấp thực chỉ vào khoảng 700 triệu đồng.

Khoản chi dành cho hỗ trợ tư pháp bao gồm chi trả cho các hoạt động giám định tư pháp, pháp y, luật sư chỉ định... Do đó, số tiền 700 triệu không đủ để chi trả cho một hoạt động tư pháp. Ví dụ như hoạt động pháp y. Mỗi một cơ thể cần giám định pháp y thì cơ quan điều tra cần phải chi trả khoảng 7 triệu đồng. Với tình trạng tai nạn giao thông như hiện nay, mỗi năm tỉnh đó có hơn 100 vụ tai nạn giao thông gây chết người và như vậy sẽ tiêu tốn hơn 700 triệu tiền ngân sách của hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Do tình trạng ngân sách như vậy, mà các điều tra viên khi được phân bổ kinh phí cho hoạt động điều tra vụ án phải rất tiết kiệm từng đồng tiền ngân sách. Bởi vậy, họ không thể mời luật sư tham gia nhiều hoạt động điều tra và mời luật sư làm việc nhiều ngày.

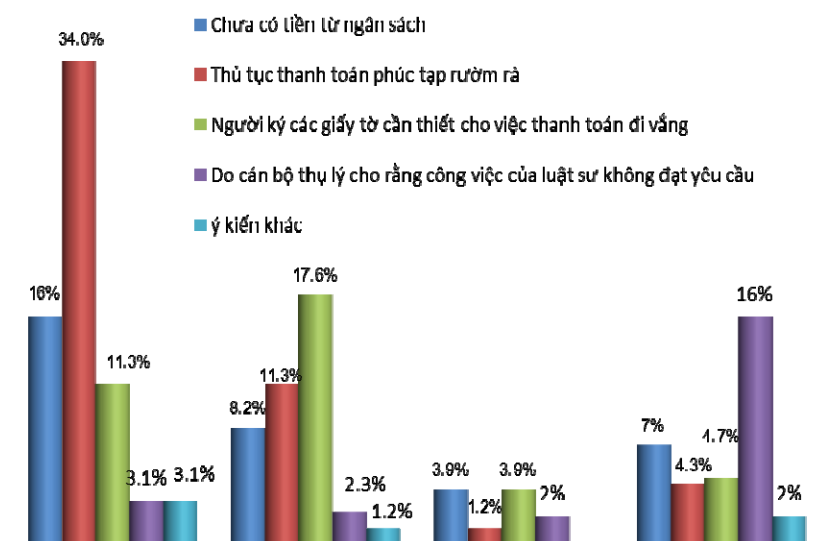
Với câu chuyện về “Ngân sách cho hoạt động hỗ trợ tư pháp của một cơ quan điều tra” nêu trên phần nào đã lý giải được “lý do không thanh toán thù lao của các cơ quan tiến hành tố tụng” cho các luật sư tham gia các vụ án chỉ định.

Các luật sư trả lời khảo sát bằng Bảng hỏi thì khẳng định “thủ tục thanh toán phức tạp, rườm rà” là nguyên nhân chính dẫn đến việc các luật sư không được thanh toán (xem Hình 43).

Tuy nhiên, vấn đề thù lao thấp và chậm thanh toán cho luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định không chỉ là vấn đề của riêng Việt Nam mà còn ở quốc gia khác trên thế giới, như Liên bang Nga¹⁵².

Như đề cập ở trên, một số luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ tham gia các vụ án chỉ định là vì những lý do khác chứ không phải là thù lao. Theo một số luật sư trả lời trực tiếp thì những luật sư này chưa bao giờ nhận được thanh toán thù lao từ cơ quan điều tra hay VKS (xem Hình 42). Tất cả các luật sư được phỏng vấn sâu thừa nhận rằng tòa án có chi trả tiền thù lao cho các luật sư tham gia vụ án chỉ định thuận tiện hơn so với các cơ quan tiến hành tố tụng khác. Lãnh đạo một tòa án tỉnh cho

Hình 43: Lý do không thanh toán thù lao của cơ quan tiến hành tố tụng



¹⁵² Trường Đại học Sydney, Báo cáo về Liên bang Nga: Nghiên cứu về tổ chức và chức năng của hệ thống tư pháp tại năm quốc gia điển hình, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên bang Nga, (Research studies on the organisation and functioning of the justice system in five selected countries China, Indonesia, Japan, Republic of Korea and Russian Federation), 2010.

biết, việc thanh toán tiền thù lao cho các luật sư được chỉ định được thực hiện ngay sau khi kết thúc phiên tòa. Thư ký của phiên tòa sẽ thanh toán luôn cho các luật sư. Người lãnh đạo này cho biết nếu không đặt ra cơ chế thanh toán thù lao như vậy thì không dễ dàng mời được luật sư đến tham gia phiên tòa. Không mời được luật sư thì phiên tòa của vụ án phải chỉ định luật sư sẽ bị hoãn vì phải chờ có luật sư tham gia theo quy định tố tụng.

Cơ chế trả thù lao trực tiếp từ cơ quan tiến hành tố tụng cho luật sư đặt ra vấn đề về “tính độc lập” của luật sư. Giả sử cơ quan tiến hành tố tụng có đủ kinh phí để trả cho luật sư thì cũng tạo cho luật sư tâm lý về mối quan hệ giữa “người cung cấp dịch vụ” với “người yêu cầu dịch vụ”. Do đó, cơ chế thanh toán thù lao này cần phải nghiên cứu.

2. Thù lao từ Trung tâm Trợ giúp pháp lý

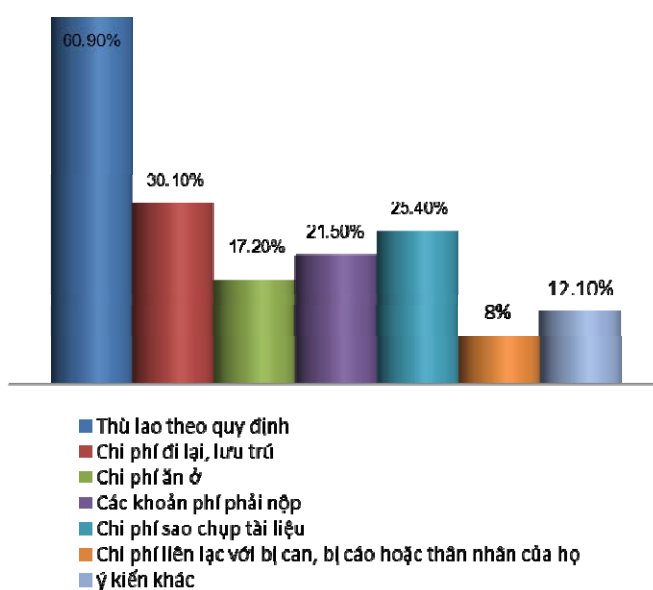
Các luật sư được phỏng vấn sâu và bằng Bảng hỏi khẳng định rằng TTTGPL thường chấp nhận số ngày làm việc cao hơn so với số ngày làm việc được chấp thuận từ cơ quan tiến hành tố tụng. TTTGPL cũng thanh toán cho luật sư 120.000đồng/ngày làm việc của luật sư hay trợ giúp viên pháp lý (so sánh Hình 44 và Hình 41).

Như đã nêu ở trên, mức thanh toán cho mỗi vụ án được TGPL vào khoảng 1,5 triệu đến 2,5 triệu đồng tùy từng mức độ, tính chất của vụ án. Mức thù lao này được 23% luật sư đánh giá “quá thấp” và 41% đánh giá là “thấp” (xem Bảng 10). Các tỷ lệ luật sư đánh giá này tích cực hơn so với so với tỷ lệ luật sư đánh giá thù lao của các cơ quan tiến hành tố tụng.

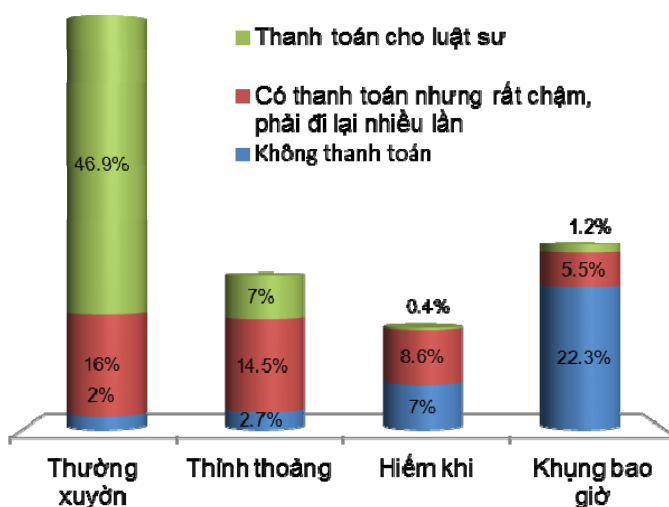
Các TTTGPL được đánh giá là thanh toán cho các luật sư ở mức độ “thường xuyên” cao hơn so với cơ quan tiến hành tố tụng từ khảo sát bằng Bảng hỏi và phỏng vấn sâu (so sánh Hình 45 và Hình 42). Tuy nhiên, 16% luật sư cũng bị “thường xuyên” đi lại nhiều lần.

Tất cả cán bộ của TTTGPL được phỏng vấn khẳng định là họ thanh toán đầy đủ cho những luật sư đã thực hiện nghiêm túc công tác bào chữa trong những vụ án được TGPL. Những luật sư “chỉ gửi bài bào chữa tới tòa án mà không tham dự phiên tòa”, hoặc “không nghiên cứu vụ án trước khi xét xử và không tiến hành gặp gỡ bị can

Hình 44: Những khoản hỗ trợ mà Luật sư nhận được khi tham gia án TGPL



Hình 45: Việc thanh toán thù lao của TTTGPL



trước khi tiến hành phiên xử”, hoặc “có hành vi đòi thêm tiền từ gia đình của đối tượng được trợ giúp pháp lý” và “những hành vi bị nghiêm cấm khác theo Luật Trợ giúp pháp lý hoặc Luật Luật sư” thì không được thanh toán. Các TTTGPL thường cử cán bộ TGPL theo dõi các hoạt động bào chữa của luật sư. Các TTTGPL được phỏng vấn chưa gặp phải những tình huống khiếu nại hay khiếu kiện của các luật sư bị từ chối chi trả thù lao vì những hành vi nêu trên.

Đối với các TTTVPL của các Tỉnh Hội luật gia địa phương thì chỉ trả thù lao cho những luật sư-cộng tác viên tham gia vào hoạt động tư vấn. Mức thù lao chi trả tư vấn tại mỗi trung tâm có khác nhau và thường do Tỉnh Hội luật gia quy định. Tất cả các lãnh đạo các Tỉnh hội được phỏng vấn đều cho rằng mức phí thu từ người dân và trả cho các cộng tác viên là hoàn toàn tham khảo theo mức thu nhập của người dân địa phương, mức chi trả của TTTGPL thuộc Sở Tư pháp hoặc mức chi trả của cơ quan tiến hành tố tụng. Như đã nêu ở trên, các luật sư là cộng tác viên của các TTTVPL thuộc Hội Luật gia tham gia cộng tác với Hội Luật gia không chú trọng nhiều đến việc nhận thù lao từ các công việc TGPL ở các TTTVPL của Hội.

Thù lao từ TTTGPL thanh toán cho luật sư hay trợ giúp viên pháp lý sẽ bảo đảm tính độc lập của người luật sư hơn là thù lao do cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán.

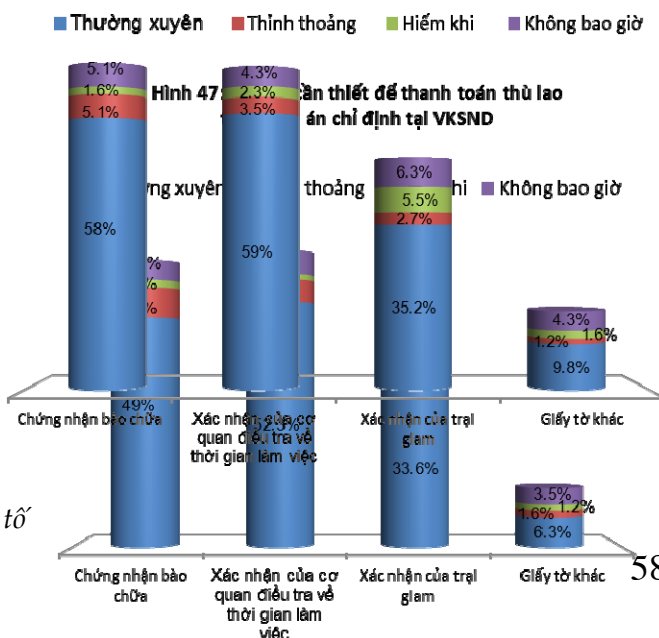
Bảng 10: Đánh giá về mức thù lao và phương thức tính thù lao của TTTGPL

Mức thù lao	%	Phương thức tính thù lao	%
Quá thấp	23	Chưa phù hợp	52
Thấp	41	Chấp nhận được	16
Chấp nhận được	12	Ý kiến khác	6
Ý kiến khác	4	Không trả lời	26
Không trả lời	20		
Tổng cộng	100%	Tổng cộng	100%

3. Thủ tục thanh toán thù lao từ cơ quan tiến hành tố tụng

Thủ tục thanh toán từ các cơ quan tiến hành tố tụng đối với thù lao được nhiều luật sư đánh giá là “phức tạp và rườm rà” (xem Bảng 6, Hình 42, Hình 43). Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng có quá nhiều loại giấy tờ cần được nộp khi các luật sư thực hiện thủ tục thanh toán (Hình 46, Hình 47 và Hình 48).

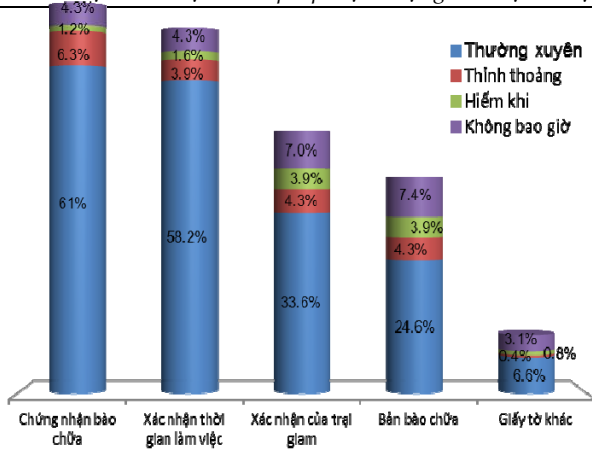
Hình 46: Giấy tờ cần thiết để thanh toán thù lao tham gia án chỉ định tại cơ quan điều tra



Để được thanh toán, các luật sư phải xin xác nhận của cán bộ thụ lý vụ án về khoảng thời gian mà luật sư đã làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng. Trong trường hợp luật sư gặp bị can/ bị cáo trong trại tạm giam hoặc trại giam thì phải xin xác nhận của cơ quan trại giam về ngày giờ mà luật sư đã vào trại. Để xin được những xác nhận này thì người luật sư còn phải thực hiện một loạt các thủ tục hành chính, như: bước 1 - “lấy xác nhận của cán bộ thụ lý vụ án đối với ngày tham gia hoạt động tố

Hình 48: Giấy tờ cần thiết để thanh toán thù lao tham gia án chỉ định tại tòa án

Khảo sát Luật sư chỉ định theo pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn tại Việt Nam



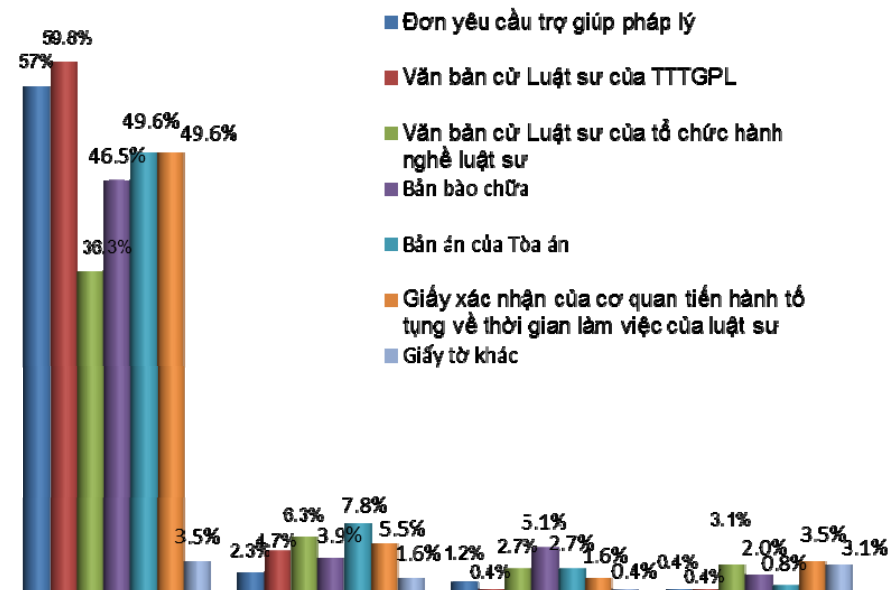
tụng”, bước 2 – “lấy ý kiến chấp thuận của thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng”, bước 3 – “nộp toàn bộ những xác nhận và đề nghị thanh toán tới bộ phận tài chính của cơ quan tiến hành tố tụng để nhận thù lao”. Trong trường hợp luật sư gặp được tất cả những người nêu trên để có thể lấy được xác nhận thì việc thanh toán có thể diễn ra đến vài giờ đồng hồ. 26/31 luật sư được phỏng vấn sâu cho biết là họ không thể lấy được các xác nhận cùng trong một ngày nên họ đành bỏ luôn số thù lao này

vì không muốn mất thời gian đi lại mà nhiều khi chỉ được thanh toán số tiền rất thấp (chỉ từ 60.000 đồng cho đến 120.000 đồng).

4. Thủ tục thanh toán thù lao từ Trung tâm Trợ giúp pháp lý

Đối với thủ tục thanh toán thù lao từ TTTGPL luật sư hoặc trợ giúp viên pháp lý phải nộp tối thiểu 6 loại giấy tờ theo quy định của hệ thống TTTGPL để được thanh toán (xem Hình 49). Các luật sư được phỏng vấn sâu cho biết thủ tục của TTTGPL chỉ thuần túy đòi hỏi đầy đủ các loại giấy tờ như đơn, bản án, bản bảo chữa của luật sư, giấy thông báo lịch xét xử. Luật sư dễ dàng có được những giấy tờ này. Có hai luật sư cho rằng thủ tục thanh toán của TTTGPL vẫn còn rườm rà nhưng đơn giản và thuận tiện hơn nhiều so với các cơ quan tiến hành tố tụng.

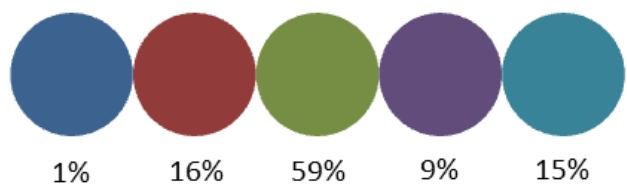
Hình 49: Giấy tờ cần thiết để thanh toán thù lao tham gia vụ án TGPL



Hình 50: Khả năng Luật sư thu thêm tiền phí từ người thân bị can, bị cáo

5. Thù lao thêm của luật sư

Các luật sư phản ánh một hiện tượng tiêu cực đó là luật sư tham gia vụ án chỉ định thu thêm phí/thù lao từ người nhà của bị can, bị cáo. 1% luật sư tham gia khảo sát bằng Bảng hỏi khẳng định tính “thường xuyên” và 16% luật sư xác nhận ở mức độ “thỉnh thoảng” của việc luật sư thu thêm tiền phí từ người thân



Không trả lời Ý kiến khác Không bao giờ
Thỉnh thoảng Thường xuyên

của bị can, bị cáo trong các vụ án chỉ định luật sư (xem Hình 50). Hành vi này là trái pháp luật cho nên nhiều luật sư không công khai thừa nhận có hành vi này. Nhưng kết quả khảo sát đã cho thấy hành vi này là có tồn tại trên thực tế.

Như đã đề cập nhiều lần trong Nghiên cứu này, các luật sư phản ánh rằng mức thù lao trả cho luật sư trong một vụ án buộc phải chỉ định luật sư là quá thấp cho nên luật sư không thể “toàn tâm, toàn ý” vào công tác bào chữa. Có hai (02) luật sư cho biết thực ra khoản bồi dưỡng đó là bị can/ bị cáo hoặc gia đình của họ tự nguyện bồi dưỡng thêm cho các luật sư được chỉ định bào chữa.

Có sáu (06) luật sư cho biết một số trường hợp luật sư được chỉ định lại là luật sư có mối quan hệ cá nhân với cán bộ thụ lý của cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can/ bị cáo biết điều đó nên đã đề nghị luật sư giúp họ liên hệ với cán bộ thụ lý để hy vọng được giảm án. Hành vi này thực chất là hành vi “chạy án”.

Như đã từng đề cập ở trên, có ĐLS đã chủ động bồi dưỡng thêm cho các luật sư tham gia bào chữa chỉ định. Ngoài khoản tiền của cơ quan tiến hành tố tụng thì luật sư được ĐLS cho thêm 120.000đồng/ngày làm việc và nếu làm việc nửa ngày thì vẫn được tính là tròn một ngày. Khoản chi này là công khai tới toàn bộ thành viên của ĐLS. Khoản bồi dưỡng này không cao, nhưng có tác dụng hỗ trợ thêm cho các luật sư khi tham gia công tác này. Theo Ban chủ nhiệm của ĐLS này, khoản chi này cũng nhằm nâng cao ý thức của các luật sư đối với trách nhiệm xã hội.

Ở một ĐLS có ngân sách eo hẹp và ít luật sư thành viên, ĐLS đã đề xuất UBND tỉnh hoặc Sở Tư pháp có nguồn kinh phí ủng hộ cho hoạt động bào chữa chỉ định. Theo Ban Chủ nhiệm của ĐLS này, mức ủng hộ kinh phí của Sở Tư pháp không nhiều nhưng đó là nguồn động viên tinh thần rất tốt cho các luật sư và để bù đắp cho nhiều luật sư tham gia công tác bào chữa chỉ định nhưng khó khăn trong việc lấy thù lao từ các cơ quan tiến hành tố tụng

Tiểu kết:

- Thủ tục thanh toán như phát hiện trong Nghiên cứu này cần phải được thay đổi vì không phù hợp với chủ trương cải cách hành chính về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người thực hiện và không phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp hiện nay để bảo đảm được quyền bào chữa của nhân dân.
- Trong thời gian tới, ngân sách dành để chi trả cho luật sư được chỉ định cần phải tách bạch ra khỏi dòng ngân sách hỗ trợ tư pháp của cơ quan điều tra để bảo đảm việc thanh toán cho luật sư.
- Trước mắt các cơ quan tiến hành tố tụng cần cải tiến thủ tục thanh toán cho luật sư. Trong tương lai, cần xây dựng mô hình mới để chi trả thù lao cho luật sư tham gia các vụ án chỉ định. Không nên để cơ quan tiến hành tố tụng lại là cơ quan thanh toán cho luật sư vì không bảo đảm được tính độc lập cho luật sư. Những cơ quan mới được đề xuất để đảm nhận công tác này là ĐLS và/hoặc TTTGPL.
- Cần có quy định chế tài một cách rõ ràng, cụ thể đối với trường hợp luật sư vừa nhận tiền thanh toán từ ngân sách nhà nước cho tiền phí luật sư lại vừa lấy tiền phí của nhân dân. Điều này sẽ làm sai lệch về bản chất “chỉ định luật sư” trong các vụ án hình sự.

PHẦN 4

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Như đã nêu từ phần đầu của Nghiên cứu này, “Quyền bào chữa” là một chuẩn mực *bắt buộc* (*jus cogens*) trong “quyền được xét xử công bằng” đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế và trong pháp luật Việt Nam. Người dân có “quyền được bào chữa chủ động” – xuất phát từ mong muốn và nhu cầu người dân, đồng thời có “quyền được bào chữa bắt buộc”, “quyền được bào chữa chỉ định” là không chỉ xuất phát từ mong muốn của họ mà còn là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nghiên cứu “*Luật sư chỉ định theo pháp luật hình sự và thực tiễn tại Việt Nam*” cố gắng nêu được những vấn đề về lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam đối với trách nhiệm thực hiện “quyền được bào chữa bắt buộc”.

Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã có những chính sách, chủ trương lớn để nhằm thực thi “quyền được xét xử công bằng” như ban hành Nghị quyết 48/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến 2020, Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020, Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 1/8/2007 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Luật sư, Luật Trợ giúp pháp lý. Điều này thể hiện tính nhân đạo của nhà nước Việt Nam cũng như là tôn trọng cam kết quốc tế của Việt Nam.

Để thực hiện được những chính sách tốt đẹp của Đảng và Nhà nước, các thủ tục tố tụng cũng cần được thay đổi và hoàn thiện theo đúng nội dung chỉ đạo “*nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hoá một số hoạt động tư pháp*”¹⁵³.

Số lượng luật sư còn khiêm tốn và bố trí không hợp lý giữa các vùng, miền để đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong hoạt động tư pháp. Để thu hút được luật sư tham gia hoạt động bào chữa chỉ định, Nhà nước không chỉ đơn thuần là kêu gọi trách nhiệm xã hội từ các luật sư, tổ chức luật sư hay các tổ chức khác mà cần tạo những điều kiện, cơ chế chính sách cụ thể về tài chính, mở rộng nguồn tham gia bào chữa chỉ định cho tới khi có đủ đội ngũ hành nghề luật để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng.

Qua nghiên cứu này, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy việc thực thi các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về việc bảo đảm “quyền được xét xử công bằng”, “quyền được bào chữa bắt buộc” vẫn còn có những vấn đề cần phải được hoàn thiện, như: đối tượng người bào chữa, cơ chế chỉ định người bào chữa, đối tượng chỉ định người bào chữa, phương thức thanh toán thù lao cho người làm công tác bào chữa chỉ định và những cơ chế, biện pháp khuyến khích những người đủ điều kiện tham gia công tác bào chữa chỉ định. Do vậy, Nhóm Nghiên cứu đề xuất như sau:

1. Đối tượng người bào chữa:

¹⁵³Nghị quyết số 49-NQ/TW, điểm 2, Mục III

- Đối tượng người bào chữa trong các vụ án chỉ định nên mở rộng đối tượng tham gia vào công tác bào chữa chỉ định, như các luật sư cộng tác viên của TTTGPL và các tổ chức chính trị-xã hội thuộc MTTQ.
- Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các ĐLS địa phương và các Trung tâm GPL nên cho phép các tổ chức hành nghề luật sư, cá nhân luật sư được đăng ký, đề xuất các hình thức tự nguyện khác để tham gia công tác bào chữa chỉ định hoặc GPL.
- Nội dung quản lý nhà nước đối với sự tham gia của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, luật gia trong công tác bào chữa chỉ định cần phải được xác định rõ ràng nghĩa vụ và trách nhiệm của người tham gia. Những người này khi tham gia thực hiện bào chữa chỉ định hoặc GPL cho người nghèo và đối tượng chính sách thì cần được ghi nhận để vinh danh họ hoặc giảm trừ các nghĩa vụ tài chính khác của họ đối với nhà nước. Tiếp cận theo hướng này có thể sẽ ràng buộc tốt hơn, kiểm soát tốt hơn trách nhiệm của người tham gia nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của công tác này.

2. Cơ chế chỉ định người bào chữa

- Cơ chế chỉ định luật sư thông qua các ĐLS, MTTQ theo BLTTHS hiện nay và cử luật sư tham gia bào chữa tại các vụ án GPL thông qua các TTTGPL là phù hợp và bảo đảm được “tính độc lập” trong cơ chế chỉ định luật sư. Tuy nhiên, cần phải bảo đảm thực thi nghiêm túc cơ chế chỉ định luật sư này.
- Để bảo đảm được yêu cầu về thời gian của những người bào chữa (bao gồm luật sư, trợ giúp viên pháp lý) tham gia hoạt động tố tụng thì cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính tư pháp, các ĐLS cũng cần phải xây dựng một quy trình phân công luật sư sao cho đơn giản và công khai, minh bạch các tiêu chí lựa chọn luật sư tham gia bào chữa chỉ định.
- BLTTHS hoặc văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định về tiêu chí, điều kiện, thủ tục cần thiết về công nhận là “bào chữa viên nhân dân” và cấp GCNNBC cho “bào chữa viên nhân dân” tại những địa phương còn ít luật sư. Tuy nhiên, các tiêu chí, điều kiện và thủ tục để được công nhận là “bào chữa viên nhân dân”. Mặc dù vậy, cần cân nhắc vai trò quan trọng của luật sư trong chủ trương chuyên nghiệp hóa công tác bào chữa nói chung và bào chữa chỉ định nói riêng.
- BLTTHS cần sửa đổi hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành cần cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc ĐLS có thể chỉ định các luật sư ở địa phương khác tham gia công tác bào chữa chỉ định tại những địa phương không có đủ người hành nghề luật.

3. Tổ chức chỉ định người bào chữa

- BLTTHS nên mở rộng tổ chức chỉ định luật sư tham gia công tác bào chữa bắt buộc thay vì chỉ có ĐLS hoặc MTTQ và tổ chức thành viên của mình trong trường hợp bảo vệ thành viên, mà nên cho phép cả TTTVPL và các tổ chức thành viên của MTTQ được cử luật sư - cộng tác viên, trợ giúp viên pháp lý hoặc luật gia tham gia bào chữa trong các vụ án chỉ định. Việc tham gia của tổ chức chính trị - xã hội thuộc MTTQ trong công tác bào chữa chỉ định không nên bị bó hẹp việc chỉ định cho “thành viên của tổ chức mình” mà cho mở rộng cho luật sư của các tổ chức này được bào chữa cho các đối tượng khác. Trong

trường hợp đề xuất này được chấp nhận thì BLTTHS và Luật Trợ giúp pháp lý cũng cần được thay đổi tương ứng.

4. Phương thức thanh toán thù lao

- Phương thức tính thù lao cho luật sư hiện nay của cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần phải thay đổi để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bào chữa. Cần xây dựng mô hình mới để chi trả thù lao cho người bào chữa tham gia các vụ án chỉ định, không nên để cơ quan tiến hành tố tụng lại là cơ quan chịu trách nhiệm thanh toán cho luật sư vì không bảo đảm được tính độc lập của người bào chữa. Những cơ quan mới được đề xuất để đảm nhận công tác này là ĐLS, MTTQ, Hội Luật gia và TTTGPL.
- Ngân sách dành để chi trả cho người bào chữa chỉ định cần phải tách bạch ra khỏi dòng ngân sách hỗ trợ tư pháp của cơ quan điều tra để bảo đảm việc thanh toán cho người bào chữa được đầy đủ.
- Các ĐLS nên có các tiêu chí lựa chọn luật sư tham gia bào chữa chỉ định và cơ chế trả thù lao phù hợp. Trong tương lai, nếu nguồn kinh phí bào chữa chỉ định mà cao thì các ĐLS nên đặt ra chào giá cạnh tranh đối với các luật sư và tổ chức hành nghề luật sư khi muốn tham gia công tác bào chữa chỉ định. Trong trường hợp nguồn kinh phí hạn hẹp, Chính phủ, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các ĐLS nên có các giải thưởng, danh hiệu mang tính danh dự cho các luật sư tham gia tốt công tác bào chữa chỉ định để các luật sư có thể quảng bá hoặc nâng cao chuyên môn của mình.
- Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp cần triển khai hệ thống Quỹ TGPL. Mô hình Quỹ TGPL có thể khuyến khích được nhiều đối tượng tham gia ủng hộ hoạt động TGPL và bào chữa chỉ định. Tuy nhiên, Quỹ TGPL không nên chỉ bó hẹp trong việc hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt hoặc thuộc chính sách đãi ngộ người có công của nhà nước mà nên mở rộng cho các đối tượng cần được bào chữa chỉ định. Các tổ chức tham gia vào công tác TGPL hoặc bào chữa chỉ định có thể chào giá cạnh tranh để thực hiện công việc này với nguồn kinh phí từ Quỹ này.

5. Cơ chế khuyến khích người bào chữa chỉ định

- Thù lao luật sư tham gia các vụ án chỉ định luật sư là quá thấp để họ có thể yên tâm tham gia bào chữa cho những loại vụ án này. Nhà nước cần nghiên cứu mức thù lao mới để khuyến khích luật sư trình độ tham gia công tác bào chữa trong các vụ án cần chỉ định bào chữa.
- Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước liên quan cần có những biện pháp, cơ chế khuyến khích các luật sư hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi để bảo đảm tốt hơn công tác bào chữa chỉ định tại những khu vực này, như thúc đẩy phát triển đội ngũ luật sư địa phương hoặc tạo điều kiện cho các luật sư ở địa phương khác tới hoạt động.
- Cần hỗ trợ về tài chính hoặc cung cấp ưu đãi về tài chính khác (như ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân) đối với các tổ chức xã hội, tổ chức hành nghề luật sư, TTTVPL và các luật sư tham gia vào công tác bào chữa chỉ định và TGPL.

6. Biện pháp chế tài

- Các cơ quan nhà nước cần có các biện pháp cụ thể để hạn chế các hành vi xâm phạm tới “tính độc lập” của luật sư trong hoạt động tố tụng. “Tính độc lập” của luật sư trong hoạt động bào chữa chính là việc bảo đảm “*quyền bào chữa là hành vi bảo vệ quyền lợi của bị cáo*” không phải là “*hành vi vì mục tiêu của cơ quan tiến hành tố tụng*”.
- Các ĐLS cũng cần ban hành các biện pháp chế tài đối với những luật sư, tổ chức luật sư đã không bảo đảm được “tính độc lập” của mình trong hoạt động hành nghề.
- Cần ban hành quy định chế tài đối với trường hợp người bào chữa vừa nhận tiền thanh toán từ ngân sách nhà nước cho hoạt động bào chữa chỉ định nhưng lại thu thêm tiền phí từ đương sự.

7. Thủ tục hành chính liên quan đến công tác bào chữa

- Thủ tục cấp GCNNBC và các giấy tờ cần phải có để được cấp GCNNBC cần phải được nghiên cứu thay đổi theo hướng đơn giản hóa. Vấn đề đơn giản hóa này không chỉ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ cho luật sư và cho cơ quan tiến hành tố tụng mà còn nhằm bảo đảm “*quyền được xét xử công bằng*”. Vấn đề này đòi hỏi Toà án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam và Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần có một hướng dẫn chung về thủ tục hành chính tư pháp liên quan đến hoạt động bào chữa, trong đó bao gồm cả hướng dẫn về các loại giấy tờ mà luật sư cần phải nộp để được cấp GCNNBC một cách nhanh nhất.
- Khi các thủ tục hành chính tư pháp được thuận tiện cũng sẽ bảo đảm được thời gian tham gia hoạt động bào chữa của các luật sư và cũng là bảo đảm sự thực thi nghiêm túc “*quyền có đủ thời gian để chuẩn bị cho phiên tòa xét xử, bao gồm cả tiếp xúc với người bào chữa*”.

Thủ tục được gặp bị can, bị cáo trong các trại tạm giam cần được nghiên cứu để hoàn thiện hơn để giảm bớt công sức và chi phí của luật sư khi muốn được tiếp xúc với bị can, bị cáo.

8. Thủ tục tố tụng

- Thủ tục tố tụng cần phải được sửa đổi theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa và công bằng giữa người bào chữa được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định hay người bào chữa được bị can, bị cáo mời. Người bào chữa cần được tạo điều kiện ngay từ giai đoạn điều tra và xuyên suốt cả quá trình tố tụng.
- Giai đoạn điều tra vẫn là giai đoạn khó khăn nhất cho các luật sư được thực hiện các công việc bào chữa trong khi các luật sư gặp thuận lợi hơn trong giai đoạn xét xử trong các vụ án chỉ định người bào chữa. Cụ thể là trong những vụ án có hình phạt cao như chung thân, điều này hạn chế việc thực thi “*quyền bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đối với hình phạt tử hình*” đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế. Việc không tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư tham gia giai đoạn điều tra cũng hạn chế một quyền cấu thành quyền bào chữa đó là “*quyền có đủ thời gian chuẩn bị cho phiên tòa, bao gồm cả tiếp xúc với người bào chữa*”.

- Các thủ tục tố tụng cần phải cải cách theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2010 của Bộ Chính trị với mục tiêu *“nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa”*. Các hoạt động tố tụng phải bảo đảm các bên tham gia tố tụng, “bên buộc tội” và “bên gỡ tội”, có quyền bình đẳng. Hoặc theo một cách tiếp cận khác, hoạt động tố tụng cần bảo đảm cho các bên tham gia tố tụng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát, luật sư, bị cáo) đều những cơ hội ngang nhau để trình bày, chứng minh sự thật khách quan và tòa án (hiện thân của công lý) sẽ phán xét.

PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Tổng số người được trợ giúp pháp lý

(Từ ngày 01 tháng 10 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009)

Theo Mẫu số 17-TP-TGPL ban hành kèm theo
Thông tư số 05/2008/TT-BTP

TT	Đơn vị	Người nghèo	Người có công	Người già	Trẻ em	Người tàn tật	Người dân tộc	Khác	Tổng số
1	Sở Tư pháp An Giang	2,257	144	41	117	25	475	727	3,786
2	Sở Tư pháp Bình Định	693	692	269	356	71	590	1,253	3,924
3	Sở Tư pháp Bình Dương	140	136	0	9	0	7	3,328	3,620
4	Sở Tư pháp Bình Phước	287	132	1	10	3	246	819	1,498
5	Sở Tư pháp Bình Thuận	755	533	499	338	79	461	1,718	4,383
6	Sở Tư pháp Bắc Giang	544	320	31	29	20	131	622	1,697
7	Sở Tư pháp Bắc Kạn	360	42	0	4	3	262	0	671
8	Sở Tư pháp Bắc Ninh	71	118	0	48	0	0	165	402
9	Sở Tư pháp Bạc Liêu	684	107	0	11	0	37	0	839
10	Sở Tư pháp BRỊa - VTầu	461	369	112	180	50	121	111	1,410
11	Sở Tư pháp Bến Tre	140	95	5	6	0	0	75	321
12	Sở Tư pháp Cà Mau	444	611	2	12	2	189	422	1,682
13	Sở Tư pháp Cao Bằng								
14	Sở Tư pháp Cần Thơ	1,013	181	5	1	2	47	205	1,454
15	Sở Tư pháp Đắk Lắk	219	55	5	40	1	1,253	162	1,735
16	Sở Tư pháp Đắk Nông	1,162	324	3	0	0	1,390	488	3,367
17	Sở Tư pháp Đà Nẵng	635	439	9	235	17	46	1,238	2,625
18	Sở Tư pháp Đồng Nai								
19	Sở Tư pháp Đồng Tháp	1,160	535	47	2	97	0	697	2,538
20	Sở Tư pháp Điện Biên	88	279	0	1	0	3,986	0	4,354

21	Sở Tư pháp Gia Lai	96	26	0	85	0	952	81	1,240
22	Sở Tư pháp Hà Giang	110	101	53	20	33	582	0	899
23	Sở Tư pháp Hà Nam	311	112	75	10	42	0	56	606
24	Sở Tư pháp Hà Nội	300	170	6	689	16	14	751	1,946
25	Sở Tư pháp Hà Tĩnh	343	277	7	53	154	0	26	860
26	Sở Tư pháp Hải Dương	383	341	8	191	12	0	1,004	1,939
27	Sở Tư pháp Hải Phòng	362	450	13	110	13	0	663	1,677
28	Sở Tư pháp Hồ Chí Minh	2,822	540	614	685	30	230	4,290	9,211
29	Sở Tư pháp Hậu Giang	266	163	1	47	2	170	998	1,647
30	Sở Tư pháp Hưng Yên								
31	Sở Tư pháp Hòa Bình	1,751	737	0	43	1	4,312	2,000	8,844
32	Sở Tư pháp Khánh Hòa	250	57	1	149	1	608	1,479	2,545
33	Sở Tư pháp Kiên Giang	604	217	5	267	1	1,954	1,408	446
34	Sở Tư pháp Kon Tum	74	2	0	3	0	1,191	0	1,270
35	Sở Tư pháp Lâm Đồng	766	134	0	164	0	1,469	40	2,573
36	Sở Tư pháp Lào Cai								
37	Sở Tư pháp Lạng Sơn	25	88	13	14	3	633	5	781
38	Sở Tư pháp Lai Châu	12	0	0	4	0	505	0	521
39	Sở Tư pháp Long An	178	77	2	20	0	0	29	306
40	Sở Tư pháp Nam Định	520	353	83	79	53	0	50	1,138
41	Sở Tư pháp Nghệ An	1,204	1,356	174	313	226	1,623	76	5,028
42	Sở Tư pháp Ninh Bình	158	271	8	29	2	49	494	1,011
43	Sở Tư pháp Ninh Thuận	577	19	45	81	3	550	393	1,668
44	Sở Tư pháp Phú Thọ	1,394	940	125	176	54	450	0	3,142
45	Sở Tư pháp Phú Yên								
46	Sở Tư pháp Quảng Bình	551	416	2	105	1	232	119	1,506
47	Sở Tư pháp Quảng Nam	687	891	5	34	13	477	374	2,481
48	Sở Tư pháp Quảng Ngãi	115	70	0	70	0	215	0	470
49	Sở Tư pháp Quảng Ninh	347	203	14	38	7	356	129	1,119

50	Sở Tư pháp Quảng Trị	1,502	666	82	69	57	503	850	3,729
51	Sở Tư pháp Sơn La								
52	Sở Tư pháp Sóc Trăng	1,496	806	0	0	0	1,718	0	4,020
53	Sở Tư pháp Tây Ninh	208	30	3	171	0	1	255	668
54	Sở Tư pháp Thái Bình	358	688	1	23	2	0	132	1,204
55	Sở Tư pháp Thái Nguyên	806	468	0	92	0	987	190	2,543
56	Sở Tư pháp Thanh Hóa	966	380	15	22	19	479	123	2,004
57	Sở Tư pháp T.T. Huế	576	275	100	65	43	315	239	1,613
58	Sở Tư pháp Tiền Giang	510	174	9	110	0	0	1,104	1,907
59	Sở Tư pháp Trà Vinh	425	198	36	5	6	457	140	1,267
60	Sở Tư pháp Tuyên Quang	201	3	1	83	0	1,151	415	1,854
61	Sở Tư pháp Vĩnh Long								
62	Sở Tư pháp Vĩnh Phúc	820	523	0	105	0	150	427	2,025
63	Sở Tư pháp Yên Bái	369	112	12	3	7	232	47	782
Tổng số:		33,556	17,446	2,542	5,626	1,171	31,806	30,417	118,796

* Ghi chú: - Số liệu được tổng hợp từ phụ lục của các Sở Tư pháp.

ô để trống các tỉnh không gửi phụ lục hoặc phục sai không đúng yêu cầu.

Nguồn của Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp, đăng tải trên website của Cục Trợ giúp Pháp lý

TÀI LIỆU THAM KHẢO

VĂN KIẾN CHÍNH SÁCH

- Cương lĩnh 1930 của Đảng Cộng sản;
- Nghị quyết Trung ương III, V, VI (lần 2), VII và VIII của khoá 8;
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000;
- Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế và văn hoá;
- Chỉ thị số 53 CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về “Một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000”;
- Nghị quyết Trung ương số 49-NQ-TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” ngày 02/06/2005;
- Nghị quyết Trung ương số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” ngày 24/05/2005;
- Nghị quyết số 17-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X ngày 1/8/2007;
- Nghị quyết số 31/2009/NQ-QH12 của Quốc hội ngày 17/06/2009 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007-2011)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992.
- Sắc lệnh số 13 ngày 24 tháng 01 năm 1946 về cách tổ chức tòa án và các ngạch thẩm phán.
- Sắc lệnh số 69 ngày 18 tháng 06 năm 1949 về việc những bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bào chữa cho, trước các tòa án thường và tòa án đặc biệt xử việc tiểu hình và đại hình.
- Sắc lệnh số 144 ngày 22 tháng 12 năm 1949 mở rộng quyền bào chữa cho các bị cáo trước các tòa án.
- Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân được ban hành theo Sắc lệnh số 19-LCT của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 26/007/1960.
- Pháp lệnh số 2A-LCT/HĐNN8 về Tổ chức hành nghề luật sư ngày 18/12/1987.
- Bộ luật Tố tụng Hình sự số 07-LCT/HĐNN8 ngày 09/07/1988.
- Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 10 ngày 21 tháng 12 năm 1999.
- Bộ luật Tố tụng Dân sự số 24/2004/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 11 ngày 15/06/2004.
- Bộ Luật Tố tụng hình sự số 19/2003/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.

- Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân số 33/2002/QH10 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 10 ngày 02 tháng 4 năm 2002.
- Luật Trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 10 ngày 29 tháng 6 năm 2006.
- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 ngày 29 tháng 06 năm 2006.
- Pháp lệnh số 29/2006/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 11 ngày 05 tháng 4 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án Hành chính.
- Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 11 ngày 17 tháng 03 năm 2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.
- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP, của Chính phủ ngày 16/07/2008 về tư vấn pháp luật.
- Thông tư liên tịch của Bộ Tư Pháp - Bộ Công An - Bộ Quốc Phòng - Bộ Tài Chính - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao - Tòa Án Nhân Dân Tối Cao Số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.
- Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao ngày 02/10/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.
- Thông tư liên tịch số 66/2007/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ngày 19/06/2007 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

- *Nguyên tắc cơ bản về Vai trò của luật sư (Basic Principles on the Role of Lawyers)* được thông qua tại Hội nghị lần thứ 8 của Liên hiệp quốc về Phòng chống Tội phạm và Đối xử với Người phạm tội, Havana, Cuba, 27 tháng 8 đến 7 tháng 9 năm 1990.
- *Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights);*
- *Công ước về Quyền trẻ em (Convention on the Rights of the Child)* được thông qua và mở kí, phê chuẩn và gia nhập bằng nghị quyết 44/ của Đại hội đồng 25 ngày 20 tháng 11 năm 1989;
- *Công ước về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt đối xử đối với Phụ nữ (Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women)* được thông qua và mở kí, phê chuẩn và gia nhập bằng nghị quyết 34/180 của Đại hội đồng ngày 18 tháng 12 năm 1979 có hiệu lực ngày 3 tháng 9 năm 1981;
- *Công Ước Quốc Tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights);*
- *Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt chủng tộc (International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination);*

- Tuyên bố Bắc Kinh về các Nguyên tắc độc lập xét xử (Beijing Declaration on the Principles of Judicial independence);

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

- Bộ Ngoại Giao Việt Nam, Báo cáo quốc gia kiểm định định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam, 2009.
- Bộ Tư pháp, Dự thảo Chiến lược Phát triển Nghề luật sư đến năm 2020, 2010.
- Bùi Quang Nghiêm, Quyền được tiếp xúc, gặp gỡ người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo – quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng, tham luận tại Hội thảo “Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam”, ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam
- David G. Marr, The Question of Women in Vietnamese Tradition on Trial: 1920-1945, 1981;
- Dự án Hỗ trợ Cải cách Pháp luật và Tư pháp tại Việt Nam (JOPSO), Báo cáo Điều tra xã hội về khóa đào tạo nghề luật sư tại Học viện Tư pháp, 2008.
- Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc, NXB Tư pháp, 2007
- Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam, thực trạng và định hướng hoàn thiện, NXB Tư pháp, 2005.
- Đinh Văn Quế, Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự-Phần Chung-Bình luận chuyên sâu, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- Đỗ Hồng Thom - Vũ Công Giao, Luật quốc tế về Quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2010.
- Đỗ Văn Đương, Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự, NXB Tư pháp, 2006.
- Đỗ Văn Đương – Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Người Bào chữa trong tố tụng hình sự, tham luận tại Hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng Hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010.
- .Fawcett Society’s Commission on Women and the Criminal Justice System, Women and the Criminal Justice System, 2004 và 2006.
- Gudmundur Alfredsson & Asbjørn Eide, Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948 – Mục tiêu chung của nhân loại, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2010.
- Hoàng Văn Dũng, Về khung pháp lý và thể chế ở Việt Nam về luật sư chỉ định; những hạn chế của pháp luật trong việc thực thi quy định của BLTTHS về luật sư bào chữa chỉ định và đề xuất sửa đổi, tham luận tại Hội thảo “Luật sư chỉ định theo Bộ luật Tố tụng Hình sự” do Hội Luật Gia Việt Nam tổ chức vào ngày 30/3/2010.
- Học viện Tư pháp, Sổ tay Luật sư, NXB Công An Nhân dân, 2003.
- Jacques Mourgon, Quyền Con người, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-07 (Đề tài KX-07-016), 1995.
- Joan E.Grusec và Paul D. Hastings chủ biên, ‘Lược sử về Nghiên cứu và Lý thuyết Xã hội hóa’ (Historical Overview of Socialization Research and Theory), Eleanor E.Maccoby trong tác phẩm “Sổ tay về Xã hội hóa – Lý thuyết và Nghiên cứu” (Handbook of Socialization – Theory and Research), The Guilford Press, 2007.

- Lê Đức Tiết, *Văn hóa Pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005.
- Lê Quốc Hùng, *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005.
- Lê Trung Sơn, *Quyền của luật sư khi cần gặp gỡ bị can, bị cáo đang bị tạm giam bởi một vụ án khác*, tham luận tại Hội thảo khoa học về *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*, tháng 10, 2009
- Lê Văn Minh, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ, TANDTC, *Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ thẩm phán TAND địa phương*, tham luận tại Hội nghị bán thường niên và diễn đàn đối tác pháp luật “Cải cách pháp luật và tư pháp: Thực trạng và phương hướng”.
- Mai Quỳnh Nam (chủ biên), *Con người, Văn hóa, Quyền và Phát triển*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Con người, NXB Từ điển Bách Khoa, 2009
- Ngô Sỹ Hiến (chủ biên), *Tìm hiểu về kỹ thuật điều tra hình sự*, NXB Công an Nhân dân, 2007.
- Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng, *Những điều cần biết về hình phạt tử hình*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009.
- Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng, *Giáo trình lý luận và pháp luật về Quyền con người*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009.
- Nguyễn Đình Lộc, “*Về Pháp lệnh Luật sư 2001*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề Pháp lệnh Luật sư, 2001.
- Nguyễn Huy Thiệp, *Luật sư khi tham gia tố tụng hình sự, thực trạng-giải pháp*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007
- Nguyễn Hưng Quang & Kerstin Steiner, *Tư duy và phẩm chất chuyên môn: sự trỗi dậy của luật sư Việt Nam (Ideology And Professionalism: The Resurgence Of The Vietnamese Bar)*, trong tập sách “*Chủ nghĩa xã hội châu Á và Thay đổi Pháp luật: Động lực đổi mới của Việt Nam và Trung Quốc*” (*Asian Socialism and Legal Change: The Dynamics of Vietnamese and Chinese Reform*), NXB Asia Pacific Press, 8/2005.
- Nguyễn Hưng Quang, *Luật sư và công tố: sự bình đẳng trong cải cách tư pháp (Lawyer and Prosecutors under legal Reform in Vietnam: The Problem of Equality)*, in “*Vietnam’s New Order*”, Stéphanie Balme & Mark Sidel (ed.), Palgrave Macmillan, 2006.
- Nguyễn Hưng Quang, *Những hạn chế tạo ra nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư*, trong sách *Luật sư Việt Nam-Hội nhập Quốc tế* do Phạm Hồng Hải và Trần Văn Sơn (chủ biên), NXB Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Hưng Quang, “*Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*”, Tạp chí Dân chủ Pháp luật, Số chuyên đề “*Xây dựng Luật Phổ biến Tuyên truyền Giáo dục Pháp luật*”, 2010
- Nguyễn Minh Tâm, *Những vấn đề về quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư trong tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo “*Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam*”, ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
- Nguyễn Như Hiếu, *Đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung một số vấn đề bất cập trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, tham luận tại Hội thảo khoa học về *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*, tháng 10, 2009

- Nguyễn Thái Phúc, 'Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự', Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 4 (41)/2007.
- Nguyễn Văn Chiến, *Những hạn chế đối với luật sư trong quá trình tham gia tố tụng vụ án hình sự*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Nguyễn Văn Chiến, *Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, tháng 10, 2009.
- Nguyễn Văn Trung, *Vai trò của đoàn luật sư địa phương đối với việc hỗ trợ thực hiện các quyền của luật sư tham gia trong các giai đoạn tố tụng – bao gồm việc phân công trong các vụ án chỉ định*, tham luận tại Hội thảo "Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam", ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
- Nguyễn Văn Tuấn, *Bảo đảm quyền có luật sư của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo "Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam", ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
- Nông Thị Hồng Hà, *Cần gỡ bỏ các "rào cản" luật sư khi tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra*, tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, tháng 10, 2009.
- Phạm Hồng Hải, *Mô hình lý luận Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb Công An Nhân dân, 2003.
- Phạm Hồng Hải, *Nâng cao văn hóa tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Phạm Hồng Hải, *Vụ án Vườn Điều – từ những góc nhìn*, Nxb Công An Nhân dân 2008.
- Phạm Hồng Hải, *Đảm bảo tính độc lập của điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để nâng cao hiệu quả của tố tụng hình sự*, tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, tháng 10, 2009.
- Phạm Thị Hương và Nguyễn Việt Xuân, *Hoạt động của luật sư trong tố tụng hình sự, thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Phạm Văn Lợi (chủ biên), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2007.
- Phạm Văn Quyết & Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Phạm Văn Tình, *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2007.
- Phan Trung Hoài, *Bút ký luật sư-Tập I*, NXB Tư pháp, 2005.
- Phan Trung Hoài, *Hành nghề luật sư trong vụ án hình sự*, NXB Tư pháp, 2007.
- Phan Trung Hoài, 'Một số vấn đề về xây dựng văn hóa nghề nghiệp luật sư ở Việt Nam hiện nay', tham luận Đề tài khoa học cấp nhà nước "Văn hóa pháp luật Việt Nam – Từ lý luận đến thực tiễn" – Mã số KX.03/06-10.
- Phan Trung Hoài, *Cơ chế pháp lý, trách nhiệm đạo đức của luật sư và những vấn đề thực tiễn để hạn chế khả năng làm lộ bí mật điều tra nếu luật sư được tạo điều kiện để tiếp xúc với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*, tham luận tại Hội thảo "Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam", ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

- Social Weather Stations and Cordillera Studies Center, *Monitoring the State of the Judiciary and the Legal Profession*, 2003.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế và phi hình sự hóa các quan hệ hình sự*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Vai trò của thực tiễn xét xử trong việc hoàn thiện và áp dụng thống nhất pháp luật*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề về một số biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của một số đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2001.
- Tim Dyce và Nguyễn Hưng Quang, *"Hợp tác công tư vì người nghèo"*, VCCI-Sida-ILO, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009.
- Thang Văn Phúc & Nguyễn Minh Phương, *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*, 2010.
- Thiên Long, *Góp ý sửa đổi Bộ luật Tố tụng Hình sự: Vai trò của người bào chữa có bị xem nhẹ?*, Trang tin Đời sống và Pháp luật, 2009.
- Tòa án Nhân dân Tối cao & UNICEF, *Thủ tục Điều tra và Xét xử liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên-Đánh giá về các thủ tục nhạy cảm đối với trẻ em*, 2007.
- Tòa án Nhân dân Tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009*
- Tòa án Nhân dân Tối cao, *Báo cáo Khảo sát về Bình đẳng giới trong hệ thống tòa án Việt Nam và trong hoạt động xét xử*, 2009.
- Tô Văn Hòa, *Tính độc lập của tòa án*, NXB Lao động, 2007
- Trần Thị Hòe - Vũ Công Giao, *Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia & Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và quyền công dân, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2011.
- Trần Mỹ Thoa, *Khó khăn, trở ngại của luật sư trong việc thu thập chứng cứ*, tham luận tại Hội thảo "Quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam", ngày 02-03/12/2010, UNDP và Liên đoàn Luật sư Việt Nam
- Ulrike Schultz and Gisela Shaw (ed.), *Women in the World's Legal Profession*, HART Publishing, 2003
- UNDP, *Access to Justice in Vietnam (Tiếp cận Công lý)*, 2004.
- UNDP, *"Nghiên cứu Quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam – UNDP Việt Nam 2010"*, sắp xuất bản, đã được giới thiệu tại Hội thảo "Quyền Bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam" do Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) và Liên đoàn Luật sư Việt Nam (VBF) tổ chức ngày 2-3/12/2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Võ Khánh Vinh và Nguyễn Mạnh Kháng (chủ biên), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam-Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp, 2006.

- Vụ Pháp luật Hình sự-Hành chính (Bộ Tư pháp) và UNICEF, *Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*, NXB Tư pháp 2005.
- Vụ án *Benham và United Kingdom (Anh Quốc)* (1996) (22 EHRR 293, 61) do Ủy ban Nhân quyền xem xét.



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
25 - 29 Phan Bội Châu,
Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84 4) 3942 1495
Fax: (84 4) 3942 2267
E-mail: registry.vn@undp.org

www.undp.org.vn